小学校ガイドブック

～ベトナム語版～

愛知教育大学

はじめに

平成25年に、『幼稚園・保育園ガイドブック』を発行いたしました。保育者の先生方が日頃の保育の中で使用していただくことで、保護者とのコミュニケーションに役立てていただき、外国にルーツを持つ子ども達への支援につなげていただけたらという願いをこめて作成しました。お陰様で多くの反響をいただき、現在も多くの方に注文、ダウンロードをしていただいております。また、ご意見等も多数いただきました。ありがとうございました。ぜひ小学校版を作ってほしいという声を数多くいただき、今回『小学校ガイドブック』の作成を試みました。

『幼稚園・保育園ガイドブック』と同様に、日本で成長していく外国にルーツを持つ子ども達の保護者に、日本の小学校をよく知ってもらい、小学校の活動や行事に積極的に参加してもらうことを目的としております。保護者の方への単なる知識の提供ではなく、小学校を少しでもよく理解していただくために、「～の目的のためにこうしている」という視点を大切にしております。また、先生方がガイドブックをご覧になることで、保護者が必要としている情報に気づいていただけるかと思います。先生方が保護者とのコミュニケーションに役立てていただき、外国にルーツを持つ子ども達への支援につながることを願っております。

外国にルーツをもつ子ども達やその保護者への支援は、決して彼らだけのためではなく、日本人の子ども達や保護者をはじめとするすべての人の幸せに繋がると信じ、愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルームでは日々活動をしております。この『小学校ガイドブック』が少しでもお役立て頂ければ幸いに存じます。

なお、このガイドブックは、「大学間連携による教員養成の高度化支援システムの構築—教員養成ルネッサンス・ＨＡＴＯプロジェクト」と愛教大と提携している四市（刈谷市・豊田市・知立市・豊明市）の補助を得て出版するものです。

平成27 年3 月

川口直巳

推薦者のことば

子どもたちにとっては、新しい学校への転入や小学校への入学はうれしいことであるとともに、大きな環境の変化に対する不安もあります。日本人の子どもでも、この環境の変化にうまく適応できず、「小１プロブレム」とよばれる問題がおこっています。ましてや、外国にルーツをもつ子どもやその保護者にとっては、日本の小学校について分からないことがたくさんあると思います。子どもたちが小学校に入学したり転入したりする際、外国人の保護者の方々に日本の小学校について知っていただき、少しでも不安を取り除くことができればと考えて、このガイドブックは作成されています。

実際には、各学校での取り組みは、それぞれの学校で異なることもあると思いますが、このガイドブックに書かれたことを手がかりに、学校の先生方と外国人の保護者で話し合っていただき、子どもがスムーズに学校生活に適応するために活用されることを願います。

平成27 年3 月

愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルーム　アドバイザー　山田　孝

ガイドブックの使い方について

（1）外国にルーツを持つ保護者を、より理解してもらうために

このガイドブックを読むことで、保護者が日本の学校についてどんな情報が欠けていて、どのような情報を必要としているのかを、理解することができます。

日本人保護者に渡すプリントをただ訳すだけでは、外国にルーツを持つ子どもの保護者には理解できないことがたくさんあることを知っていただけると思います。

（2）外国語版が必要な保護者に渡すとき

必要に応じて必要なページをコピーして保護者に渡すようにしてください。まとめて渡してもなかなか読んでもらえません。また渡すときにはできるだけコミュニケーションをとるようにしましょう。本当に書かれている内容を理解してもらえているかどうかを確認することも必要です。

（3）内容について

このガイドブックは一般的な内容で書かれています。各小学校によってガイドブックに書かれている内容と異なる場合があります。保護者に渡す前に必ず目を通してください。必要に応じて絵や写真を差し替える、不要な部分を消すなどしてそれぞれの小学校に合わせた内容に修正してから、保護者に渡すようにしてください。

日本語版と外国語版が見開きで対応しています。以下は修正の例です。（[学習について]のページより）

【日本語版】

“音楽”

歌を歌ったり、楽器を演奏したり、いろいろな曲を鑑賞したりします。学年によって、衛生上他人との使い回しのできない鍵盤ハーモニカやソプラノリコーダーを買うこともあります。必要なときには先生から連絡があります。分からない時には必ず先生に確認しましょう。教室だけではなく、音楽室で勉強することもあります。

うちの小学校では、全児童がハーモニカも購入する。

【ベトナム語版】

Âm nhạc (Ongaku)

Học sinh sẽ ca hát, chơi nhạc cụ và nghe nhiều thể loại âm nhạc khác nhau. Tùy theo từng khối lớp mà học sinh có thể phải mua các loại nhạc cụ không thể dùng chung với người khác để đảm bảo vệ sinh như kèn harmonica, sáo soprano recorder, Giáo viên sẽ thông báo nếu cần thiết. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên nếu có điều gì không hiểu. Tiết học âm nhạc không chỉ học trong lớp học mà còn có thể học ở phòng âm nhạc.

, harmonica.

“ハーモニカ”を加筆する。
※インターネット上の翻訳翻訳サイトや辞書などを活用。

（4）✎（えんぴつマーク）について

ガイドブックの中に✎（えんぴつマーク）が出てきます。そこにはそれぞれの小学校に合わせた内容を記入して、完成させてください。

（5）外国語版にある【　　】内の補足説明について

外国語版にところどころ【　　】内に補足説明が加えられている部分があります。日本独自のものであったり、文化の違いにより、日本語をそのまま訳すだけでは伝わらないときにその言語で説明を加えてあります。【　　】内の内容は日本語版には書かれていませんのでご注意ください。

（6）その他

このガイドブックに書かれている内容は全ての小学校に当てはまるわけではありません。また保護者がガイドブックに書かかれた内容をそのまま受け取る、もしくはこちらの意図とは異なる受け取り方をしてしまい、本来伝えたい内容が伝わらず、そこからトラブルが生じる可能性もあります。このガイドブックを使用することで伝える手間、質問する手間を省くのではなく、ガイドブックを一緒に見ながら、コミュニケーションをとる機会を増やしてください。

小学校ガイドブック　Sách hướng dẫn về trường tiểu học

～目次　Mục lục～

１．日本の小学校ついて Những kiến thức cơ bản về trường tiểu học của Nhật Bản

（１）日本の小学校ってどんなところ？ Trường tiểu học của Nhật Bản là nơi như thế nào?

小学校の一日　Một ngày ở trường tiểu học ・・・

小学校の一日

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

小学校の授業時間数や下校時刻は、曜日や学年によって異なります。一つの勉強の時間は45分です。土曜日と日曜日・祝日はお休みです。主に自分のクラスで学習や活動をします。一つのクラスに一人の先生が担当になり、一年間同じ先生が担当します。「担任の先生」と言います。指導はほとんどが担任の先生が行います。1クラスは、1年生は35人以下、それ以上の学年は40人以下で編成されています（地域によって例外あり）。

★小学校1年生の時間割（ある小学校の例）

		月	火	水	木	金
8:10 8:25	①あさのかつどう	ぜんこうしゅうかい	どくしょ	どくしょ	どくしょ	どくしょ
	②あさのかい					
8:40 9:25	1	③がっきゅうかつどう	さんすう	どうとく	さんすう	こくご
9:35 10:20	2	こくご	こくご	こくご	こくご	ずこう
	④やすみじかん					
10:40 11:25	3	せいかつ	たいいく	さんすう	たいいく	ずこう
11:35 12:20	4	せいかつ	さんすう	こくご	さんすう	せいかつ
	⑤きゅうしょく					
	⑥そうじ					
	ひるやすみ					
13:50 14:35	5	しょしゃ	おんがく	おんがく	こくご	たいいく
	⑦かえりのかい					
14:55	げこう ・ ⑧がくどうほいく・ほうかごこどもきょうしつ（⑨ぶかつどう）					

Một ngày ở trường tiểu học

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Tổng thời gian các tiết học và giờ tan học ở trường tiểu học sẽ khác nhau tùy vào từng ngày trong tuần và từng khối lớp. Thời gian mỗi tiết học là 45 phút. Ngày nghỉ là thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ. Học sinh chủ yếu học và hoạt động trong lớp của mình. Mỗi giáo viên phụ trách một lớp học trong suốt một năm học. Giáo viên này được gọi là "Tannin no Sensei" (Giáo viên chủ nhiệm). Hầu hết các tiết học đều do giáo viên chủ nhiệm phụ trách. Ở mỗi lớp, số lượng học sinh lớp 1 không quá 35 học sinh, số lượng học sinh từ lớp 2 trở lên không quá 40 học sinh. (Tùy từng địa phương sẽ có trường hợp ngoại lệ).

★ **Thời gian biểu của học sinh lớp 1 (Ví dụ của một trường tiểu học)**

		Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
8:10 8:25	① Hoạt động buổi sáng	Tập trung toàn trường	Đọc sách	Đọc sách	Đọc sách	Đọc sách
	② Họp buổi sáng					
8:40 9:25	1	③ Hoạt động trong lớp	Toán học	Đạo đức	Toán học	Quốc ngữ
9:35 10:20	2	Quốc ngữ	Quốc ngữ	Quốc ngữ	Quốc ngữ	Thủ công và mỹ thuật
	④ Nghỉ giải lao					
10:40 11:25	3	Môi trường và cuộc sống	Thể chất	Toán học	Thể chất	Thủ công và mỹ thuật
11:35 12:20	4	Môi trường và cuộc sống	Toán học	Quốc ngữ	Toán học	Môi trường và cuộc sống
	⑤ Ăn trưa					
	⑥ Dọn dẹp					
	Nghỉ trưa					
13:50 14:35	5	Luyện chữ	Âm nhạc	Âm nhạc	Quốc ngữ	Thể chất
	⑦ Họp trước khi về nhà					
14:55	Tan học • ⑧ Chương trình giữ trẻ và Lớp học dành cho trẻ em sau khi tan học (⑨ Hoạt động câu lạc bộ)					

①朝の活動

朝、小学校に着くと、自分の教室に入り、持ってきた学習用具を自分の机の引き出しに入れ、ランドセルをロッカーにしまいます。その後、小学校によっては「読書」や「書き取り」「計算ドリル」などの簡単な自主学習の時間があります。月曜日には、全校集会が行われることがあります。全校集会では、校長先生の話を聞いたり、表彰があったりします。

②朝の会

【実施例】・朝の挨拶
・健康観察：子どものその日の体調を確認します。
・身だしなみ検査：爪は切ってあるか、目やにはついてないかなどを確認します。
・忘れもの検査：その日の持ち物で、忘れたものはないか確認をします。
・先生のお話：担任の先生から、その日の予定や大事な連絡を聞きます。

③授業

ほとんどの小学校で、授業の始まりと終わりにはチャイムが鳴ります。始まりのチャイムが鳴るまでには、自分の席に座って次の授業の準備をして授業が始まるのを待ちます。

④休み時間

授業と授業の間には、１０～２０分程度の休み時間があります。短い休み時間はトイレに行ったり、次の授業の準備をしたりして過ごしますが、長い休み時間には運動場や広場で楽しく遊んで過ごすことができます。

※小学校のトイレのほとんどは和式トイレです。（通常、学年に一つくらい洋式トイレが設置されています。）家のトイレと形が違うと子どもが戸惑うことがあります。

＜和式トイレの使い方＞

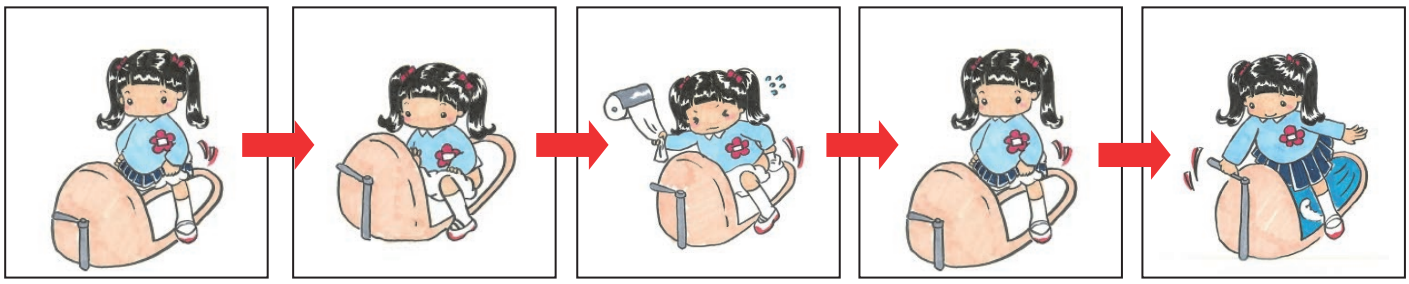

⑤給食

小学校の給食は、子どもが自分たちで配膳や後片づけを行います。およその目安は、「準備１５分」「食事２０分」「片づけ１０分」です。みんなでそろって楽しく、栄養バランスのとれた食事をいただきます。（p.１２７「給食」のページを見てください）

① Hoạt động buổi sáng

Buổi sáng, sau khi đến trường, học sinh vào lớp học của mình, để đồ dùng học tập mang theo vào ngăn kéo bàn của mình và cất cặp sách vào tủ khóa. Sau đó, tùy từng trường học sẽ có giờ tự học như "đọc sách", "viết chữ" hay "luyện tính toán". Thỉnh thoảng, nhà trường sẽ tổ chức buổi tập trung toàn trường vào thứ hai. Trong buổi tập trung này, học sinh sẽ lắng nghe hiệu trưởng phát biểu và có lễ tuyên dương.

② Họp buổi sáng

【Ví dụ】• Chào hỏi vào buổi sáng
• Theo dõi sức khỏe: Kiểm tra tình trạng sức khỏe của học sinh trong ngày hôm đó.
• Kiểm tra diện mạo: Kiểm tra xem học sinh đã cắt móng tay chưa, mắt có dính nhử hay không…
• Kiểm tra đồ mang theo: Kiểm tra xem học sinh có mang đủ đồ cần thiết cho ngày hôm đó không, có quên đồ gì không.
• Nghe giáo viên phát biểu: Nghe giáo viên thông báo kế hoạch trong ngày và những thông tin quan trọng.

③ Tiết học

Ở hầu hết các trường tiểu học, chuông sẽ reo khi bắt đầu tiết học và kết thúc tiết học. Trước khi chuông bắt đầu tiết học reo, học sinh sẽ ngồi vào ghế của mình, chuẩn bị cho tiết học tiếp theo và ngồi chờ tiết học bắt đầu.

④ Thời gian nghỉ giải lao

Thời gian nghỉ giải lao giữa các tiết học là khoảng 10 phút đến 20 phút. Vào thời gian nghỉ ngắn, học sinh sẽ đi vệ sinh và chuẩn bị cho giờ học tiếp theo. Vào thời gian nghỉ dài, học sinh có thể chơi đùa ở sân vận động hay sân chơi.

※ Hầu hết nhà vệ sinh ở trường tiểu học đều theo phong cách Nhật Bản (washiki). (Thông thường, mỗi khối lớp sẽ được bố trí khoảng một nhà vệ sinh theo phong cách phương Tây (youshiki)). Nếu nhà vệ sinh ở trường học khác với nhà vệ sinh ở nhà thì học sinh sẽ lúng túng khi sử dụng.

＜Cách sử dụng nhà vệ sinh theo phong cách Nhật Bản (washiki)＞

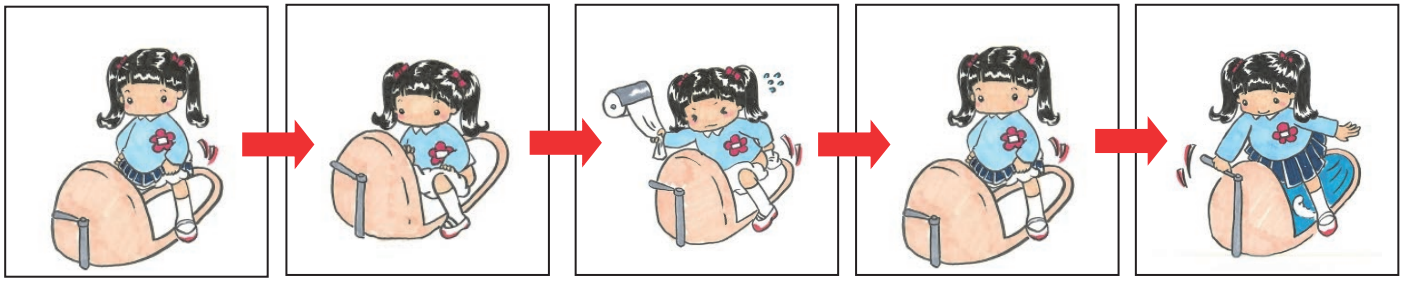

⑤ Bữa trưa ở trường (Kyuushoku)

Bữa trưa ở trường tiểu học do học sinh tự phân phát và dọn dẹp. Thời gian ước tính cho bữa trưa là "15 phút chuẩn bị", "20 phút ăn", "10 phút dọn dẹp". Học sinh sẽ cùng nhau ăn bữa trưa đầy đủ chất dinh dưỡng một cách vui vẻ. (Tham khảo nội dung "Bữa trưa ở trường (Kyuushoku)" ở trang 128).

⑥掃除

日本の小学校では、自分たちの使う教室やトイレ、運動場などを、みんなで分担し、きれいに掃除します。いつも同じ場所を掃除するのではなく、何か所かを交代して行います。

⑦帰りの会

その日の授業が全て終わったら、帰りの会を行います。その日の反省をしたり、次の日の連絡を聞いたりします。この時、先生が次の日の持ちものを黒板に書いたりするので、子どもは連絡帳に書きます。

⑧学童保育・放課後子ども教室

放課後子どもが過ごすところに、学童保育や放課後子ども教室があります。「なかよしクラブ」「トワイライトスクール」など、地域によって様々な呼び方がされています。小学校内や児童館に併設されているところが多く、校庭や屋内遊技施設で遊ぶことができます。子どもたちの安全確保のために、常時指導員の先生が見守っています。

★学童保育　※地域によって規定が違います。

【対象】親が働いている、１０才未満（小学校３年生まで）の子どもとしているところが多い。

【時間】平日は下校時～１８時、土曜日は９時～１８時が目安。日曜日・祝日はお休みが多い。

【料金】おやつ代を含めた利用料がかかる。

★放課後子ども教室　※地域によって規定が違います。

【対象】公立小学校に通う全員。

【時間】平日は下校時～１６・１７時、土曜日・日曜日・祝日はお休みが多い。

【料金】無料がほとんど。

⑨部活動

４年生以上になると、放課後に運動や文化的な活動を行う「部活動」がある小学校があります。参加については、基本的に全員の場合や、希望者のみ参加など学校によって違います。

【活動例】

野球・バレーボール・バスケットボール・水泳・陸上・サッカー

吹奏楽（ブラスバンド）・合唱

生物飼育・読書・絵画

⑥ Dọn vệ sinh

Ở trường tiểu học của Nhật, học sinh phân công nhau dọn dẹp sạch sẽ những nơi mình sử dụng như lớp học, nhà vệ sinh hay sân vận động… Học sinh không phải lúc nào cũng dọn dẹp một khu vực mà phân công nhau dọn dẹp các khu vực khác nhau.

⑦ Họp trước khi về nhà

Mỗi lớp học sẽ tổ chức họp trước khi về nhà sau khi tất cả các tiết học trong ngày kết thúc. Đây là thời gian học sinh sẽ nhìn lại những sự việc trong ngày và lắng nghe thông báo cho ngày tiếp theo. Trong buổi họp, giáo viên sẽ ghi lên bảng những đồ dùng cần mang theo cho ngày tiếp theo, học sinh phải ghi vào Sổ liên lạc (Renrakuchou) của mình.

⑧ Chương trình giữ trẻ (Gakudou hoiku) và Lớp học dành cho trẻ em sau khi tan học (Houkago kodomo kyoushitsu)

"Chương trình giữ trẻ" và "Lớp học dành cho trẻ em sau khi tan học" là những chương trình dành cho trẻ em sau khi tan học. Mỗi địa phương sẽ có các tên gọi khác nhau như "Nakayoshi club" hay "Twilight school". Các chương trình này chủ yếu được bố trí ở khu vực trong nhà trường hoặc trung tâm thiếu nhi (jidoukan) nên học sinh có thể chơi ở sân trường và khu vui chơi trong nhà. Giáo viên hướng dẫn thường xuyên quan sát để đảm bảo an toàn cho học sinh.

★ Chương trình giữ trẻ ※ Quy định khác nhau tùy theo từng địa phương.

【Đối tượng】Đối tượng chủ yếu là học sinh dưới 10 tuổi (học sinh từ lớp 3 trở xuống) có bố mẹ đang đi làm.

【Thời gian】Ngày thường từ sau khi tan học đến 18 giờ, thứ bảy từ 9 giờ đến 18 giờ. Nhiều nơi nghỉ chủ nhật và ngày lễ.

【Lệ phí】Lệ phí bao gồm tiền ăn bữa phụ.

★ Lớp học dành cho trẻ em sau khi tan học ※ Quy định khác nhau tùy theo từng địa phương.

【Đối tượng】Tất cả học sinh của trường tiểu học công lập.

【Thời gian】Ngày thường từ sau khi tan học đến 16 giờ hoặc 17 giờ. Nhiều nơi nghỉ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ.

【Lệ phí】Hầu hết các nơi đều miễn phí.

⑨ Hoạt động câu lạc bộ (Bukatsudou)

Ở một số trường tiểu học, học sinh từ lớp 4 trở lên sẽ tham gia "hoạt động câu lạc bộ". Đây là hoạt động tổ chức cho học sinh chơi thể thao hay hoạt động văn hóa sau khi tan học. Học sinh có tham gia hay không sẽ phụ thuộc vào từng trường, có trường yêu cầu bắt buộc tất cả học sinh tham gia nhưng có trường chỉ học sinh có nguyện vọng mới tham gia.

【Một số ví dụ về các hoạt động】

Bóng chày • Bóng chuyền • Bóng rổ • Bơi lội • Điền kinh • Bóng đá

Nhạc cụ bộ hơi • Hợp xướng

Chăm sóc động thực vật • Đọc sách • Hội họa

小学校の一年

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 小学校の一年

日本の小学校は、４月に始まって、３月に終わります。

月		3学期制		2学期制	季節の行事
4月	1学期	入学式・始業式	前期	入学式・始業式	遠足
5月					
6月					
7月		終業式			
8月	夏休み				
9月	2学期	始業式			運動会
10月			後期	終業式・始業式	
11月					
12月		終業式			発表会
	冬休み				
1月	3学期	始業式			
2月					
3月		修了式・卒業式		修了式・卒業式	
	春休み				

2. 学年

小学校は、６年間通います。年齢による６学年制です。

４月２日～翌年４月１日に

７才になる子ども	→	第１学年	（１年生）	低学年
８才になる子ども	→	第２学年	（２年生）	
９才になる子ども	→	第３学年	（３年生）	中学年
１０才になる子ども	→	第４学年	（４年生）	
１１才になる子ども	→	第５学年	（５年生）	高学年
１２才になる子ども	→	第６学年	（６年生）	

Một năm ở trường tiểu học

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Một năm ở trường tiểu học

Trường tiểu học của Nhật Bản bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3.

Tháng		Hệ thống 3 học kỳ		Hệ thống 2 học kỳ	Hoạt động theo mùa
Tháng 4	Học kỳ 1	Lễ nhập học/Lễ khai giảng	Học kỳ đầu	Lễ nhập học/Lễ khai giảng	Dã ngoại
Tháng 5					
Tháng 6					
Tháng 7		Lễ bế giảng			Đại hội thể thao
Tháng 8	Nghỉ hè				
Tháng 9	Học kỳ 2	Lễ khai giảng			
Tháng 10			Học kỳ sau	Lễ bế giảng/Lễ khai giảng	
Tháng 11					
Tháng 12		Lễ bế giảng			Buổi thuyết trình
	Nghỉ đông				
Tháng 1	Học kỳ 3	Lễ khai giảng			
Tháng 2					
Tháng 3		Lễ tổng kết/Lễ tốt nghiệp		Lễ tổng kết/Lễ tốt nghiệp	
	Nghỉ xuân				

2. Khối lớp

Trường tiểu học có 6 khối lớp được chia theo từng độ tuổi.
Độ tuổi dưới đây tính từ ngày 2 tháng 4 đến ngày 1 tháng 4 năm tiếp theo.

Trẻ em 7 tuổi	→	Khối lớp 1 (Học sinh lớp 1)	Học sinh lớp bé
Trẻ em 8 tuổi	→	Khối lớp 2 (Học sinh lớp 2)	
Trẻ em 9 tuổi	→	Khối lớp 3 (Học sinh lớp 3)	Học sinh lớp giữa
Trẻ em 10 tuổi	→	Khối lớp 4 (Học sinh lớp 4)	
Trẻ em 11 tuổi	→	Khối lớp 5 (Học sinh lớp 5)	Học sinh lớp lớn
Trẻ em 12 tuổi	→	Khối lớp 6 (Học sinh lớp 6)	

3. 学期

１年間（1学年）の課程をいくつかに分けています。3学期制の小学校と、2学期制の小学校があります。子どもの通っている小学校がどちらの学期制なのか、よく確認しましょう。

	4月	5月	6月	7月	8月	9月	10月	11月	12月	1月	2月	3月
3学期制	1学期（4月～7月）				夏休み	2学期（9月～12月）				冬休み	3学期（1月～3月）	春休み
2学期制	前期（4月～10月）				夏休み		秋休み	後期（10月～3月）		冬休み		春休み

4. 始業式

各学期の初日に、始業式を行います。始業式では、全校児童が体育館に集まって、校長先生の話を聞いたり、代表の子どもによる意見発表を聞いたり、校歌を歌います。学校生活に節目を付け、静かな雰囲気を味わい、新しい生活への動機付けとします。

始業式の日は給食がありません。午前中に下校することが多いです。始業式の日はランドセルではなく、手提げ袋で登校することが多いです。

5. 終業式・修了式

１学期・２学期の最終日に、終業式を行います。3学期（学年末）の最終日には、修了式を行います。

始業式と同じように、全校児童が集まり、校長先生の話や意見発表、校歌斉唱などをします。コンクールやスポーツの大会などで入賞した児童の表彰もあります。

終業式・修了式後は長期休業になるので、式典後に学級で担任の先生から通知表やテスト、製作作品などが返却されます。

終業式・修了式の日は給食がありません。午前中に下校することが多いです。終業式・修了式の日はランドセルではなく、手提げ袋で登校することが多いです。

3. Học kỳ

Một năm học được chia thành nhiều học kỳ. Tùy theo từng trường, năm học sẽ được chia thành 2 học kỳ hoặc 3 học kỳ. Phụ huynh cần biết con mình đang học trường có mấy học kỳ.

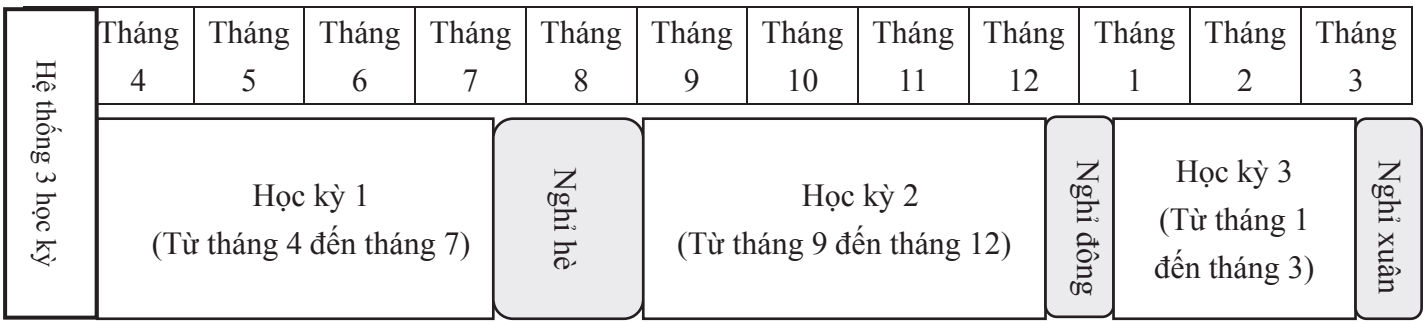

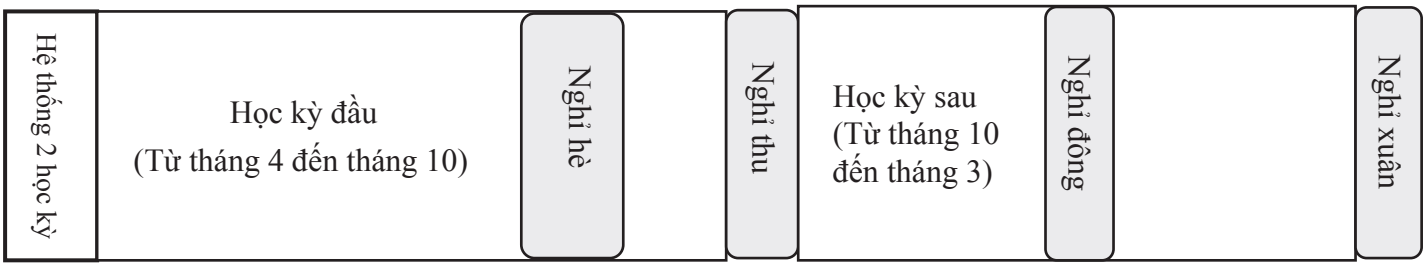

4. Lễ khai giảng (Shigyoushiki)

Lễ khai giảng được tổ chức vào ngày đầu tiên của mỗi học kỳ. Trong lễ khai giảng, tất cả học sinh tập trung ở nhà thể chất của trường để nghe bài phát biểu của hiệu trưởng nhà trường và phát biểu của học sinh đại diện, sau đó hát bài hát của trường (kouka). Lễ khai giảng đánh dấu bước khởi đầu trong cuộc đời học sinh. Học sinh sẽ cảm nhận không khí trang trọng của buổi lễ và có động lực để bắt đầu một cuộc sống mới.

Nhà trường không chuẩn bị bữa trưa trong ngày tổ chức lễ khai giảng. Ở hầu hết các trường, học sinh thường về nhà trong buổi sáng. Vào ngày tổ chức lễ khai giảng, học sinh thường mang túi xách tay đến trường thay vì cặp sách (ransel).

5. Lễ bế giảng (Shuugyoushiki)/ Lễ tổng kết (Shuuryoushiki)

Lễ bế giảng được tổ chức vào ngày cuối cùng của học kỳ 1 và học kỳ 2. Lễ tổng kết được tổ chức vào ngày cuối cùng của học kỳ 3 (cuối năm học).

Cũng giống như lễ khai giảng, tất cả học sinh tập trung lại, nghe bài phát biểu của hiệu trưởng nhà trường và phát biểu của học sinh đại diện, sau đó hát bài hát của trường. Buổi lễ còn tuyên dương những học sinh đã dành giải thưởng trong các cuộc thi nghệ thuật hay đại hội thể thao.

Sau lễ bế giảng và lễ tổng kết là kỳ nghỉ dài. Sau khi buổi lễ kết thúc, tại lớp học, giáo viên chủ nhiệm sẽ trả lại cho học sinh sổ liên lạc, bài kiểm tra hay các tác phẩm nghệ thuật mà học sinh đã làm…

Nhà trường không chuẩn bị bữa trưa trong ngày tổ chức lễ bế giảng và lễ tổng kết. Ở hầu hết các trường, học sinh thường về nhà trong buổi sáng. Vào ngày tổ chức lễ bế giảng và lễ tổng kết, học sinh thường mang túi xách tay đến trường thay vì cặp sách (ransel).

長期休暇

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 長期休暇ってなに？

小学校では、夏・冬・春に長期休暇があります。２学期制の小学校では、１０月の秋の連休を境に前期・後期を分けています。（p.7「小学校の１年」のページを見てください）

長期休暇の期間は学校によって異なりますので、小学校に確認しましょう。

2. どう過ごしたらいいの？

長期休暇中は家族とゆっくり過ごしたり、家の手伝いをしたり、普段なかなか出来ないような経験ができる良い機会です。休みだからといってだらしない生活（朝寝坊や夜更かし、暴飲暴食、ゲームのやりすぎ）にならないよう、規則正しい生活を心がけましょう。

3. 学校に行く日について

夏休み中でも何日か登校する日があります。交通事故や病気になったり、一時帰国したりするときは小学校に連絡しましょう。小学校に行く日に連絡をせず欠席すると、先生がとても心配します。

[登校する日の例]

- 登校日　　宿題の提出や学年集会、プール登校日などがあります。
- 当番　　水やり当番や飼育当番など、植物や動物の世話をするための登校です。
- 部活動　　休みの間に技術が落ちないよう、練習をする日があります。

4. 宿題は出るの？

夏休み、冬休みは宿題があります。

[宿題の例]

- 夏休み・・・日誌（問題集）、絵日記、工作、自由研究、読書感想文など
- 冬休み・・・日誌（問題集）、書き初めなど

宿題について分からないことがあれば、先生に確認しましょう。休みの終わりに慌てずにすむよう、計画を立て早めに宿題をしましょう。

日本語の能力がじゅうぶんでなく、出された宿題ができない時は、休みの前に先生に相談しましょう。その時の力で出来る内容の宿題を先生に出してもらい、がんばって取り組みましょう。

Kỳ nghỉ dài

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Kỳ nghỉ dài là gì?

Trường tiểu học có các kỳ nghỉ dài vào mùa hè, mùa đông và mùa xuân. Trường tiểu học có hệ thống 2 học kỳ chia thành học kỳ đầu và học kỳ sau, hai học kỳ cách nhau bởi ngày nghỉ lễ dài vào mùa thu của tháng 10. (Tham khảo nội dung "Một năm ở trường tiểu học" ở trang 8).

Thời gian của kỳ nghỉ dài khác nhau tùy theo từng trường nên phụ huynh cần xác nhận thông tin với nhà trường.

2. Học sinh làm gì trong kỳ nghỉ dài?

Kỳ nghỉ dài là cơ hội rất tốt để học sinh dành thời gian sinh hoạt với gia đình, giúp đỡ bố mẹ việc nhà, làm những việc mà ngày thường không thể làm được. Mặc dù là kỳ nghỉ dài nhưng học sinh không được lười biếng (dậy muộn, thức khuya, ăn uống quá nhiều, chơi điện tử quá nhiều) và phải chú ý sinh hoạt điều độ, lành mạnh.

3. Ngày đến trường

Trong kỳ nghỉ hè, có một số ngày học sinh phải đến trường. Phụ huynh cần liên lạc với nhà trường khi con mình bị tai nạn giao thông, bị ốm hay về nước chơi. Giáo viên sẽ rất lo lắng nếu vào ngày đến trường, học sinh vắng mặt mà không liên lạc gì với nhà trường.

[Ví dụ một số ngày đến trường]

- Ngày đến trường (toukoubi)
  Ngày nộp bài tập, tập trung toàn khối lớp, ngày bơi lội…
- Trực nhật
  Ngày học sinh luân phiên chăm sóc thực vật và động vật như tưới cây hay cho động vật ăn.
- Hoạt động câu lạc bộ
  Ngày học sinh luyện tập để không quên kỹ năng trong thời gian nghỉ.

4. Có bài tập về nhà không?

Kỳ nghỉ hè và kỳ nghỉ đông đều có bài tập về nhà.

[Ví dụ một số bài tập về nhà]

- Nghỉ hè… Bài tập (Mondaishuu), Nhật ký có tranh minh họa (Enikki), Thủ công (Kousaku), Nghiên cứu tự do (Jiyuu kenkyuu), Văn cảm tưởng (Dokusho kansoubun)…
- Nghỉ đông… Bài tập (Mondaishuu), Khai bút (Kakizome)…

Học sinh cần xác nhận với giáo viên nếu có bất cứ điều gì không hiểu liên quan đến bài tập về nhà. Học sinh nên lập kế hoạch và cố gắng hoàn thành bài tập về nhà sớm để không phải vội vàng vào cuối kỳ nghỉ.

Trường hợp không thể hoàn thành bài tập về nhà được do năng lực tiếng Nhật kém thì học sinh cần trao đổi với giáo viên trước khi kỳ nghỉ bắt đầu. Khi đó, giáo viên sẽ giao bài tập với nội dung phù hợp khả năng của học sinh và học sinh phải cố gắng để hoàn thành bài tập được giao.

学習について

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. どんな勉強をするの？

小学校ではいろいろな勉強をします。ほとんどの授業を担任の先生が教えてくれます。日本の小学校では英語以外の授業は全て日本語で行います。日本語が分からないと勉強が分からなくなってしまうことがあります。日本語が分からない子どもは、日本語を勉強しながら少しでも授業に参加できるように努力しなければいけません。

教科学習を日本語が十分に話せるようになるまで待ってしまうと、どんどん教科学習が遅れてしまうことになります。勉強が追い付かず、のちのちの進学に影響することがあります。できるだけ早く教科学習の勉強を始めて、学習内容を理解することが大切です。

教科書は無料でもらえます。なくしてしまっても新しい教科書はもらえません。捨てたり、なくしたりしないように大切に使います。ノートや文房具などは自分で買います。ノートを使い終わった時に買い忘れのないように気をつけましょう。早めに準備しておくといいでしょう。子どもの使っているものに、日ごろから気を配りましょう。

(1)教科の学習

○小学校１・２年生

国語・算数・生活・音楽・図画工作（図工）・体育

○小学校３・４年生

国語・算数・社会・理科・音楽・図画工作（図工）・体育

○小学校５・６年生

国語・算数・社会・理科・外国語活動（英語）・音楽・図画工作（図工）・体育・家庭科

国語

日本語を使って聞く、話す、読む、書くなどの活動を通して表現する力、考える力、想像する力をつけます。

文字や言葉を丁寧に美しく書く練習をする書写という時間もあります。書写用のかきかた鉛筆や習字道具を買って準備します。必要なときには先生から連絡があります。分からない時には必ず先生に確認して、準備するようにしましょう。

- かきかた鉛筆…芯のやわらかい「２Ｂ」や「４Ｂ」のえんぴつを使うことが多いです。
- 習字道具…習字道具のセットを小学校で注文することもできます。墨汁や墨はセットの中の物を使い切ったら、自分で買います。新聞紙やぞうきんを家庭で準備することがあります。習字のある日は墨が付く可能性があります。汚れてもいい服、黒い服を着てきましょう。洋服についたらなかなか取れません。

Học tập

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Học sinh học gì ở trường tiểu học?

Học sinh học rất nhiều môn học ở trường tiểu học. Giáo viên chủ nhiệm sẽ phụ trách hầu hết các tiết học. Ở trường tiểu học của Nhật, trừ môn tiếng Anh, tất cả các tiết học đều được dạy bằng tiếng Nhật. Nếu học sinh không hiểu tiếng Nhật thì sẽ không hiểu được bài giảng trên lớp. Học sinh không biết tiếng Nhật vừa phải tham gia các tiết học trên lớp vừa phải cố gắng học tiếng Nhật.

Nếu học sinh chờ đến khi có thể nói được tiếng Nhật trôi chảy mới tham gia các tiết học trên lớp thì học sinh đó sẽ không theo kịp bài giảng trên lớp. Nếu cứ như vậy, kết quả sẽ ảnh hưởng đến việc lên lớp. Điều quan trọng là học sinh phải cố gắng tham gia các tiết học trên lớp sớm nhất có thể và hiểu được nội dung bài giảng.

Nhà trường phát sách giáo khoa miễn phí cho học sinh. Nếu học sinh làm mất thì sẽ không được phát lại lần nữa. Do đó, học sinh không được vứt đi và phải giữ gìn cẩn thận để không bị mất. Học sinh phải tự mua vở và đồ dùng học tập. Cần lưu ý tránh trường hợp quên không mua khi sử dụng hết vở cũ. Phụ huynh nên chuẩn bị sớm cho con mình. Phụ huynh luôn phải chú ý đến đồ dùng hàng ngày con mình sử dụng.

(1) Các môn học

○ Học sinh lớp 1 và lớp 2

Quốc ngữ • Toán học • Môi trường và cuộc sống • Âm nhạc • Thủ công và mỹ thuật • Thể chất

○ Học sinh lớp 3 và lớp 4

Quốc ngữ • Toán học • Xã hội • Tự nhiên • Âm nhạc • Thủ công và mỹ thuật • Thể chất

○ Học sinh lớp 5 và lớp 6

Quốc ngữ • Toán học • Xã hội • Tự nhiên • Ngoại ngữ (Tiếng Anh) • Âm nhạc • Thủ công và mỹ thuật • Thể chất • Môn nữ công gia chánh

Kokugo (Quốc ngữ)

Học sinh sẽ được học khả năng diễn đạt, khả năng suy nghĩ và khả năng tưởng tượng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật.

Thỉnh thoảng, học sinh có giờ luyện chữ (shosha) để luyện viết chữ đẹp và cẩn thận. Học sinh phải chuẩn bị bút chì và dụng cụ viết chữ để dùng cho giờ luyện chữ. Giáo viên sẽ thông báo nếu cần thiết. Nếu có gì không hiểu thì phụ huynh cần xác nhận với giáo viên để có thể chuẩn bị đầy đủ.

• Bút chì: Thường sử dụng bút chì có ngòi mềm như “2B” hoặc “4B”.

• Dụng cụ luyện chữ:…Có thể đặt hàng bộ dụng cụ luyện chữ ở trường học. Học sinh phải tự mua nếu sử dụng hết mực nước (bokujuu) và mực khô (sumi) trong bộ dụng cụ viết chữ. Học sinh cũng có thể phải chuẩn bị ở nhà giấy báo hay khăn lau. Vào ngày luyện chữ, học sinh có thể bị dính mực vào quần áo. Dó đó, học sinh nên mặc quần áo màu đen hoặc quần áo có thể bẩn được. Bởi vì nếu mực dính vào quần áo thì sẽ khó giặt sạch được.

かきかた鉛筆	習字道具セット	半紙（習字用の紙）	墨汁（習字用のインク）

算数

数、計算、量、測定、図形、数量について勉強します。国によって筆算や分数などの計算の仕方が違うことがあります。そのため、母国ではできていた計算が日本のやり方が違うためにできなくなってしまう子どももいます。先生と相談しながら子どもが自信をなくしてしまわないようにサポートしましょう。学年によって、コンパスや分度器、30cm定規、三角定規、そろばんを準備します。必要なときには先生から連絡があります。分からない時には必ず先生に確認して、準備するようにしましょう。

コンパス	分度器	30cm定規	三角定規	そろばん

生活

小学校１年生と２年生で勉強します。活動や体験を通して、社会や自然とのかかわり、自分自身のことについて考えます。生活していく上で必要な習慣や技能を身に付けていきます。

社会

3年生以上で勉強します。学校周辺の身近な地域の様子を調べたり、日本の地理や歴史などについて勉強したりします。校外に見学に行って勉強することもあります。

理科

3年生以上で勉強します。植物や動物、太陽や月や星など自然を観察したり、空気や水、電気など科学的な実験をしたりして勉強します。教室だけではなく、理科室や校庭、校外で実験や観察をすることもあります。

音楽

歌を歌ったり、楽器を演奏したり、いろいろな曲を鑑賞したりします。学年によって、衛生上他人との使い回しのできない鍵盤ハーモニカやソプラノリコーダーを買うこともあります。必要なときには先生から連絡があります。分からない時には必ず先生に確認しましょう。教室だけではなく、音楽室で勉強することもあります。

Bút chì	Bộ dụng cụ luyện chữ	Hanshi (Giấy dùng để luyện chữ)	Mực nước (Mực dùng để luyện chữ)

Toán học (Sansuu)

Học sinh sẽ được học về con số, tính toán, lượng, đo đạc, hình học, số lượng. Mỗi quốc gia sẽ có cách tính toán khác nhau. Do cách tính của Nhật khác với nước mẹ đẻ nên một số học sinh mặc dù ở nước mình có thể làm được nhưng không thể làm được ở Nhật. Phụ huynh cần trao đổi với giáo viên và hỗ trợ để con mình không bị mất tự tin. Học sinh phải chuẩn bị compa, thước đo góc, thước kẻ 30cm, thước kẻ tam giác và bàn tính tùy theo từng khối lớp. Giáo viên sẽ thông báo nếu cần thiết. Nếu có gì không hiểu thì phụ huynh cần xác nhận với giáo viên để có thể chuẩn bị đầy đủ.

Compa	Thước đo góc	Thước kẻ 30cm	Thước kẻ tam giác	Bàn tính

Môi trường và cuộc sống (Seikatsu)

Đây là môn học dành cho học sinh lớp 1 và lớp 2. Môn học này sẽ giúp cho học sinh suy nghĩ về mối quan hệ với xã hội, thiên nhiên và suy nghĩ về chính bản thân mình. Qua đó, học sinh sẽ có được những kỹ năng và hình thành thói quen cần thiết trong cuộc sống.

Xã hội (Shakai)

Đây là môn học dành cho học sinh từ lớp 3 trở lên. Học sinh sẽ tìm hiểu về tình hình khu vực gần gũi xung quanh trường học, học về địa lý và lịch sử Nhật Bản. Thỉnh thoảng, học sinh sẽ học bằng cách đi tham quan ngoài trường.

Tự nhiên (Rika)

Đây là môn học dành cho học sinh từ lớp 3 trở lên. Học sinh sẽ học thông qua việc quan sát thiên nhiên như thực vật, động vật, mặt trời, mặt trăng, sao…, những thí nghiệm khoa học liên quan đến không khí, nước, điện… Học sinh không chỉ học trên lớp học mà thỉnh thoảng còn thí nghiệm và quan sát ở phòng thí nghiệm khoa học, sân trường hay bên ngoài trường.

Âm nhạc (Ongaku)

Học sinh sẽ ca hát, chơi nhạc cụ và nghe nhiều thể loại âm nhạc khác nhau. Tùy theo từng khối lớp mà học sinh có thể phải mua các loại nhạc cụ không thể dùng chung với người khác để đảm bảo vệ sinh như kèn harmonica, sáo soprano recorder. Giáo viên sẽ thông báo nếu cần thiết. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên nếu có điều gì không hiểu. Tiết học âm nhạc không chỉ học trong lớp học mà còn có thể học ở phòng âm nhạc.

鍵盤ハーモニカ	ソプラノリコーダー

図画工作（図工）

絵を描いたり、作品を作ったり、いろいろな美術作品を鑑賞したりします。学年によって、絵の具セットやクレパスや彫刻刀などを買って準備します。必要なときには先生から連絡があります。使い切った絵の具やクレパスは自分で買います。分からない時には必ず先生に確認しましょう。また、作品を作るための材料として、家からペットボトルや空き箱、新聞紙などを持って行くことがあります。家にない時には先生に相談しましょう。

彫刻刀を使う時は怪我をする可能性があります。使う前に先生が使い方を説明してくれます。勝手に使わないようにしましょう。

絵の具セット	クレパス	彫刻刀

体育

運動場や体育館で陸上競技、球技、体操などいろいろな運動をします。体育の時間には体操服と赤白帽子に着がえます。体操服も赤白帽子も持ち帰って定期的に洗濯をします。夏には、プールで水泳をします。水着と水泳帽を準備します。水着や水泳帽は学校で決められた形や色がある場合があります。（p.６９「プール」のページを見てください）

宗教上、服装に制限があるときには必ず事前に先生に相談しましょう。

外国語活動（英語）

小学校５年生以上で勉強します。英語を使ったコミュニケーション活動をします。英語を勉強しながら、日本と外国の言語や文化について理解を深めます。

１年生～４年生の間でも１年に数回、英語の授業がある事があります。

日本人以外の先生が教えることがあります。

家庭科

小学校５年生以上で勉強します。調理実習をしたり、裁縫道具やミシンを使って作品を作ったりします。日常の家庭生活に必要な知識と技術を身につけます。裁縫をする時には裁縫道具を買って準備します。必要なときには先生から連絡があります。分からない時には必ず先生に確認しましょう。また、調理実習の時には子ども用のエプロンや三角巾、マスク、ふきんを準備します。料理を作る材料として、家から野菜や果物などを持って行くこ

Kèn harmonica	Sáo soprano recorder

Thủ công và mỹ thuật (Zuga kousaku (Zukou))

Học sinh sẽ vẽ tranh, tạo các tác phẩm nghệ thuật và xem nhiều thể loại tác phẩm mỹ thuật khác nhau. Tùy theo từng khối lớp, học sinh sẽ phải tự chuẩn bị dụng cụ vẽ tranh, bút màu, dao khắc... Giáo viên sẽ thông báo nếu cần thiết. Học sinh phải tự mua dụng cụ vẽ và bút màu nếu dùng hết. Nếu có điều gì không hiểu thì cần hỏi lại giáo viên. Ngoài ra, thỉnh thoảng học sinh có thể phải mang chai nhựa, hộp rỗng hay giấy báo để làm nguyên liệu tạo các tác phẩm. Nếu không có những đồ này ở nhà thì học sinh cần trao đổi với giáo viên.

Học sinh có thể bị thương khi sử dụng dao khắc. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh cách sử dụng trước khi học sinh bắt đầu sử dụng. Học sinh không được tự ý sử dụng mà không có sự hướng dẫn của giáo viên.

Bộ dụng cụ vẽ tranh	Bút màu	Dao khắc

Thể chất (Taiiku)

Học sinh chơi nhiều môn thể thao khác nhau như điền kinh, các môn thể thao liên quan đến bóng, thể dục dụng cụ ở sân vận động hoặc nhà thể chất. Trong tiết học thể chất, học sinh sẽ mặc quần áo thể dục và đội mũ màu trắng đỏ. Học sinh phải mang quần áo thể dục, mũ màu trắng đỏ về nhà để giặt đều đặn. Vào mùa hè, học sinh sẽ bơi ở bể bơi. Học sinh phải chuẩn bị quần áo bơi và mũ bơi. Một số trường có quy định hình dáng và màu sắc của quần áo bơi và mũ bơi. (Tham khảo nội dung “Bơi lội” ở trang 70).

Học sinh theo tôn giáo có quy định về trang phục thì cần trao đổi trước với giáo viên.

Ngoại ngữ (Tiếng Anh) (Gaikokugo (Eigo))

Đây là môn học dành cho học sinh từ lớp 5 trở lên. Học sinh sẽ thực hiện hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh. Thông qua việc học tiếng Anh, học sinh có thể hiểu sâu thêm về Nhật Bản, ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.

Ở một số trường, học sinh từ lớp 1 đến lớp 4 cũng có tiết học tiếng Anh một vài lần trong một năm.

Giáo viên có thể không phải là người Nhật.

Môn học nữ công gia chánh (Kateika)

Đây là môn học dành cho học sinh từ lớp 5 trở lên. Học sinh sẽ thực hành nấu ăn, sử dụng dụng cụ may vá hoặc máy may để làm các tác phẩm. Học sinh sẽ được học những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cuộc sống sinh hoạt thường ngày trong gia đình. Học sinh phải tự chuẩn bị dụng cụ may vá khi học may. Giáo viên sẽ thông báo nếu cần thiết. Nếu có bất cứ điều gì không hiểu thì cần hỏi lại giáo viên. Ngoài ra, học sinh phải tự chuẩn bị tạp dề, khăn hình tam giác, khẩu trang dùng cho trẻ em và khăn lau khi thực hành nấu ăn. Thỉnh thoảng học sinh sẽ phải mang rau hay hoa quả… từ nhà để

ともあります。調理実習はほとんどの場合、グループで作ります。材料を忘れるとグループのみんなが困ることになります。家にない、持って行くものがよく分からないときには先生に相談しましょう。

宗教上、材料や調理方法に制限があるときには必ず事前に先生に相談しましょう。

裁縫道具	子ども用エプロン・三角巾

⑵教科以外の学習

総合的な学習の時間・道徳（2018年度から教科化）・学級活動

2. 成績について

日本の小学校の多くではテスト結果から順位（○人中○番目）が出ることはありません。

子どもの小学校での勉強の成績（教科の学習）や小学校生活の様々な活動の様子などは、各学期の終わりに担任の先生から通知表が渡されます。通知表は小学校によって、その名前や形式や記入の仕方が違います。学年によって「△、○、◎」で評価されていたり、「1～3」段階（3が一番評価が高い）で評価されていたりします。勉強の成績は、テストの点数だけで決まるものではありません。授業中の勉強に取り組む態度などもとても大切です。いい評価がつくと、子どものやる気につながります。各学期の終わりに必ず通知表が渡されますので、子どもと一緒に見るようにしましょう。

通知表は1年間同じものを使用する学校が多いです。休み中に汚したり、なくしたりしないように大切に保管し、次の学期が始まる時には忘れないように必ず小学校に持っていきます。通知表には保護者が見たことを先生が確認できるように、印鑑を押す欄があります。印鑑の押し忘れがないようにしましょう。

通知表の見かたや意味が分からないときには、先生に聞いてみましょう。

※日本の小学校では、成績が悪いからといって落第したり、成績がいいからといって飛び級したりする制度はありません。年齢に応じて学年があがります。いい面もありますが、勉強が理解できないまま学年があがってしまうことになります。小学校1年生から子どもの勉強は積み重なっていきます。できるだけ子どもが継続して勉強できる環境を整えましょう。

làm nguyên liệu chế biến món ăn. Hầu hết giờ thực hành nấu ăn đều được chia theo nhóm. Nếu một học sinh nào đó quên không mang nguyên liệu thì sẽ làm ảnh hưởng đến nhóm mình. Do đó, nếu tại nhà không có nguyên liệu hoặc không hiểu rõ những đồ cần mang đi thì học sinh phải hỏi lại giáo viên.

Học sinh theo tôn giáo có quy định về nguyên liệu và cách chế biến món ăn thì phải trao đổi trước với giáo viên.

Dụng cụ may vá	Tạp dề và khăn hình tam giác dùng cho trẻ em

(2) Học ngoài sách giáo khoa

Giờ học tổng hợp; Đạo đức (bắt đầu được giảng dạy trong sách giáo khoa từ năm 2018); Các hoạt động lớp học【Bao gồm các hoạt động như hoạt động thảo luận nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống ở trường học, hoạt động tổ chức sự kiện, hoạt động cung cấp thông tin và thúc đẩy học sinh suy nghĩ về việc học tập, lao động, con người…】

2. Thành tích học tập

Hầu hết các trường tiểu học ở Nhật Bản đều không xếp thứ hạng theo kết quả bài kiểm tra (ví dụ như xếp thứ ○ trong số ○ học sinh).

Giáo viên sẽ đưa cho phụ huynh sổ thông báo vào cuối mỗi học kỳ để thông báo về thành tích học tập ở trường (các môn học trong sách giáo khoa) và các hoạt động sinh hoạt ở trường của học sinh. Tên gọi, hình thức và cách viết của sổ thông báo khác nhau tùy theo từng trường. Tùy theo từng khối lớp, thành tích học tập sẽ được đánh giá theo「△, ○, ◎」, hoặc đánh giá theo mức「1～3」(3 là mức đánh giá cao nhất). Thành tích học tập không chỉ được quyết định bằng điểm số của bài kiểm tra mà thái độ học tập trong lớp học cũng rất quan trọng. Học sinh được đánh giá cao thì sẽ có thêm động lực. Sau khi nhận được sổ thông báo vào cuối mỗi kỳ học, phụ huynh nên xem cùng với con mình.

Hầu hết các trường đều sử dụng một quyển sổ thông báo trong suốt một năm. Do đó, phụ huynh và học sinh cần giữ gìn cẩn thận để không làm bẩn hoặc làm mất, và nhớ mang đến trường khi bắt đầu kỳ học tiếp theo. Trong sổ thông báo, có phần phụ huynh đóng dấu để giáo viên có thể biết được là phụ huynh đã xem. Phụ huynh cần nhớ đóng dấu vào sổ thông báo.

Phụ huynh cần hỏi lại giáo viên nếu không biết cách xem hoặc không hiểu nội dung của sổ thông báo.

※ Trường tiểu học của Nhật Bản không có chế độ học lại nếu thành tích kém và cũng không có chế độ nhảy lớp nếu thành tích cao. Học sinh sẽ lên lớp theo độ tuổi. Chế độ này cũng có mặt tốt, tuy nhiên có trường hợp học sinh không hiểu bài mà vẫn được lên lớp. Kiến thức của trẻ được tích lũy từ khi trẻ học lớp 1. Phụ huynh cần cố gắng tạo môi trường tốt để con mình có thể học liên tục.

3. 宿題はとても大切です。

日本の小学校ではほとんど毎日宿題があります。宿題は家でやって、次の日に小学校に持っていきます。日本語が分からなくてできないからといって何もしないのはよくありません。先生に相談して、できる宿題に変えてもらうこともできます。

とても大変なことですが、日本語が十分に身についていない子どもにとって、日本人の子どもが勉強する内容に加えて、日本語の勉強も必要です。日本人の子ども以上に努力しなければいけません。小学校の授業だけでは十分ではありません。家庭での勉強も必要です。宿題をやることは子どもにとって大切な家庭での勉強の時間となります。家の手伝いも大切ですが、子どもが家庭で勉強できる時間や場所を確保しましょう。

3. Bài tập về nhà rất quan trọng

Ở trường tiểu học của Nhật, hầu hết ngày nào cũng có bài tập về nhà. Học sinh sẽ làm bài tập ở nhà và mang đến trường vào ngày tiếp theo. Nếu học sinh không làm được do không hiểu tiếng Nhật thì sẽ không được đánh giá tốt. Khi đó, học sinh có thể trao đổi với giáo viên để giáo viên thay đổi sang bài tập mà học sinh có thể làm được.

Đối với những học sinh chưa giỏi tiếng Nhật lắm, ngoài nội dung mà học sinh người Nhật học, học sinh đó sẽ phải học thêm tiếng Nhật. Mặc dù sẽ vất vả nhưng những học sinh này phải nỗ lực rất nhiều so với học sinh người Nhật. Nếu chỉ học ở trường thì sẽ không đủ. Học sinh cần phải học ở nhà nữa. Làm bài tập về nhà là thời gian học ở nhà rất quan trọng đối với học sinh. Việc giúp bố mẹ làm việc nhà cũng rất quan trọng nhưng phụ huynh cũng cần đảm bảo thời gian và địa điểm để con mình có thể học ở nhà.

服装

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. なにを着ているの？

<table>
<tr><th>服装の例</th><th>・行くとき、帰るとき
・小学校で過ごすとき</th><th>体育の時間のとき</th></tr>
<tr><td>私服の小学校</td><td>
☆子どもが脱いだり、着たりしやすい服を着ます。露出が多い服は避けましょう。
☆服についている大きなリボンなどの装飾品は、取れたり遊具にひっかかったりして危険です。
☆活動しやすい服にしましょう。</td><td rowspan="2">
［体操服］
☆体育の時間は体操服に着替えます。低学年（1、2年生）は男女同じ部屋で着がえます。
☆宗教上の理由で、異性の前で着替えることができない、半袖・半ズボンの体操服を着ることができない場合は、事前に先生に相談しましょう。

［赤白帽子］
☆強い日差しを避けるため、体育用の赤白帽子をかぶる学校が多いです。</td></tr>
<tr><td>制服の小学校</td><td>
☆学校の規定に従いましょう。
☆制服は買う必要があります。他の人からもらえる場合もあります。
☆子どもの体が大きくなった時に、制服のサイズを変える必要があります。注意しましょう。</td></tr>
</table>

Trang phục

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Học sinh mặc gì khi đến trường?

<table>
<tr><th>Ví dụ về trang phục</th><th>• Khi đi học và khi về nhà
• Thời gian ở trường</th><th>Thời gian học môn thể chất</th></tr>
<tr><td>Trường học mặc tự do</td><td>
☆ Mặc quần áo dễ mặc và dễ cởi. Tránh mặc quần áo quá hở hang.
☆ Các phụ kiện như nơ to đính vào quần áo có thể bị rơi hoặc bị mắc vào đồ chơi nên rất nguy hiểm.
☆ Mặc quần áo dễ vận động.</td><td rowspan="2">
［Quần áo thể dục］
☆ Học sinh sẽ thay quần áo thể dục vào tiết học thể chất. Đối với học sinh lớp bé (lớp 1 và lớp 2), nam và nữ sẽ thay đồ cùng một phòng.
☆ Trường hợp học sinh theo tôn giáo không thể thay quần áo trước mặt người khác giới hoặc không thể mặc áo cộc tay hay quần đùi thì phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.

［Mũ màu trắng đỏ］
☆ Học sinh ở hầu hết các trường đều đội mũ màu trắng đỏ dùng khi thể dục để tránh ánh nắng mặt trời.</td></tr>
<tr><td>Trường học có đồng phục</td><td>
☆ Tuân theo quy định của nhà trường.
☆ Phải mua đồng phục hoặc có thể xin từ người khác.
☆ Khi lớn lên thì cỡ quần áo thay đổi. Phụ huynh cần lưu ý điều này.</td></tr>
</table>

2. 大切なこと

①清潔にしましょう

外で遊んで泥だらけになったり、絵の具がついたり、子どもの服は汚れることが多いです。毎日、洗濯ものが多くて大変ですが、できるだけ清潔な服を子どもに着せましょう。清潔にすることは、大人になっても大切なことです。子どものころから習慣づけましょう。

②名前を書きましょう

小学校に着ていくすべての服に、子どもの名前を書きましょう。そうすれば、子どもがどこかに置き忘れても、きっと戻ってきます。

3. よくある質問

① 香水を学校につけてきてはいけません。どうして？

→ 日本の子どもは香水をつける習慣がありません。小学校に香水をつけていくと、それがいい香りでも「くさい」と言われてしまうかもしれません。

またお風呂に毎日入らないため、子どもからにおいがしてきて、香水をつけさせることがあるかもしれません。しかし、日本の気候は気温も湿度も高く汗をかきやすいです。毎日汚れや汗をきちんと落として、香水を使わないようにしましょう。

② ピアスやネックレスなど、アクセサリーをつけて行きたいんだけど…？

→ 日本では、小学校にアクセサリーをつけていきません。子どもが遊ぶときに、ピアス・ネックレスなどのアクセサリーをつけていると、けがをすることがあるからです。たとえば、ピアスのとがった部分が友だちに当たってけがをさせる、友だちにネックレスを引っ張られたり、遊具に引っかかったりして首がしまる、ということが起こるかもしれません。

自分がけがをしないためにも、友だちにけがをさせないためにも、アクセサリーを小学校につけていくことはやめましょう。

2. Nội dung quan trọng

① Giữ vệ sinh sạch sẽ

Quần áo trẻ thường dễ bẩn do khi chơi ngoài trời bị dính bùn hay dính màu mực. Giặt nhiều quần áo hàng ngày khá vất vả nhưng phụ huynh cần cố gắng để trẻ luôn được mặc quần áo sạch sẽ. Việc giữ gìn vệ sinh sạch sẽ cũng rất quan trọng đối với người lớn. Vì vậy, phụ huynh cần rèn thói quen cho trẻ từ bé.

② Viết tên

Phụ huynh cần viết tên trẻ lên tất cả quần áo trẻ mặc đến trường. Bởi vì nếu trẻ để quên đồ thì sẽ dễ dàng tìm lại được đồ.

3. Các câu hỏi thường gặp

① Tại sao học sinh không được sử dụng nước hoa khi đến trường?

→ Học sinh ở Nhật không có thói quen sử dụng nước hoa. Dù học sinh sử dụng nước hoa có mùi thơm thì cũng có thể người xung quanh sẽ thấy mùi khó chịu.

Ngoài ra, có thể sẽ có phụ huynh cho trẻ sử dụng nước hoa vì trẻ có mùi khó chịu do không tắm hàng ngày. Tuy nhiên, nhiệt độ và độ ẩm ở Nhật khá cao nên cơ thể rất dễ ra mồ hôi. Vì vậy, phụ huynh cần cho trẻ tắm sạch hàng ngày và không cho trẻ sử dụng nước hoa.

② Tại sao học sinh không được đeo đồ trang sức như hoa tai hay vòng cổ đến trường?

→ Ở Nhật, học sinh không được phép đeo đồ trang sức đến trường. Bởi vì nếu đeo đồ trang sức như hoa tai hay vòng cổ, học sinh có thể làm bạn bị thương khi chơi đùa. Ví dụ, đầu nhọn của hoa tai có thể làm bạn bị thương nếu chạm vào người, hoặc vòng cổ sẽ kéo người bạn, mắc vào đồ chơi dẫn đến bị thắt cổ…

Vì lý do đó nên học sinh không nên đeo đồ trang sức đến trường để bảo vệ bản thân và bạn bè không bị thương.

小学校で必要なもの

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

小学校に入学する時には、学用品や衣類など、たくさんのものを準備します。「いろいろ買わないといけないから大変。」と思うかもしれませんが、全て新しいものをそろえる必要はありません。家にあるものや、知り合いにもらったものを利用するのもよいでしょう。また、今は100円ショップでも、多くのものを買うことができます。

ただし、小学校によって、学用品の形式に細かい指定があったり、学校が決めたお店でなければ購入できないものがあったりするので、しっかり確認して準備するようにしましょう。

とっても たいせつ

①すべてのものに、子どもの名前を書きましょう。

②友だちからもらったものは、前の人の名前を消して、子どもの名前を書きましょう。

もってきてはいけないもの

外国では許されていても、日本の小学校では絶対に持ってきてはいけないものがあるので、気を付けましょう。

【例】

- アクセサリー類（ピアス、指輪、ネックレスなど）
- お菓子類（ガム、ビスケット、キャンディなど）
  日本の小学校では休み時間におやつを食べることはできません。
- お金
  日本の学校にはお菓子やジュースを買うことのできる売店はありません。学校の帰り道にお店に寄って、お菓子やジュースを買うこともいけません。
- 携帯電話
  学校によっては、申請すれば認めるところもあります。担任の先生が保管する場合もあります。
- カード類
- ゲーム機

Đồ dùng cần thiết

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Khi trẻ vào trường tiểu học, phụ huynh phải chuẩn bị nhiều đồ dùng như dụng cụ học tập hay quần áo cho trẻ. Chắc sẽ có nhiều phụ huynh nghĩ rằng "Thật phiền khi phải mua nhiều thứ", nhưng thực ra không cần thiết phải chuẩn bị tất cả đồ mới. Phụ huynh có thể sử dụng đồ có sẵn ở nhà hoặc xin từ người quen. Hơn nữa, phụ huynh cũng có thể mua được rất nhiều đồ ở cửa hàng 100 yên.

Tuy nhiên, mỗi trường sẽ có quy định cụ thể về loại dụng cụ học tập, hoặc có những đồ chỉ có thể mua ở cửa hàng do nhà trường quy định. Vì vậy, phụ huynh cần xác nhận rõ với nhà trường để có thể chuẩn bị đầy đủ.

Rất quan trọng

① **Ghi tên trẻ vào tất cả đồ dùng.**

② Đối với đồ dùng nhận từ bạn bè, phụ huynh có thể xóa tên của người sử dụng trước, sau đó viết tên trẻ lên.

Đồ vật không được mang đến trường

Phụ huynh và học sinh cần lưu ý vì có những đồ vật được phép mang đến trường ở các quốc gia khác nhưng tuyệt đối không được phép mang đến trường của Nhật.

【Ví dụ】

- Đồ trang sức (hoa tai, nhẫn, vòng cổ…)
- Bánh kẹo (kẹo cao su, bánh quy, kẹo viên…)
  Trường tiểu học của Nhật không cho phép học sinh ăn vặt trong giờ nghỉ giải lao.
- Tiền
  Trong trường tiểu học của Nhật không có cửa hàng bán bánh kẹo hay nước hoa quả. Học sinh cũng không được phép vào cửa hàng để mua bánh kẹo hay nước hoa quả trên đường từ trường về nhà.
- Điện thoại di động
  Ở một số trường, học sinh được phép mang điện thoại di động đến trường nếu đăng ký với nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm sẽ giữ điện thoại di động của học sinh trong một số trường hợp.
- Các loại thẻ
- Máy chơi điện tử

購入するものの一例

ここに挙げているのは、一般的な例です。小学校によって違いますので、必ず子どもが通う小学校の規定を確認しましょう。

(1)学校でまとめて購入するもの

入学式で配布されます。一旦持ち帰り、全てのものに名前を書いて（色鉛筆の1本ずつにも）、また学校に持っていきます。大変なので、「お名前シール」というのを事前にインターネットなどで注文し、貼るだけにしている保護者もたくさんいます。

転入する場合は、先生に何をどこで買えばいいのか確認して準備しましょう。

①ノート 国語・算数・自由帳・連絡帳	②クレヨン 色鉛筆（クーピー） 	③書き方ペン 名前ペン 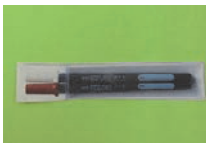
④はさみ 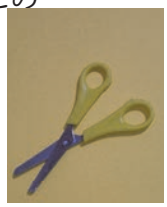 左利きの子は「左利き用のはさみ」があります。先生に言うと交換してもらえます。	⑤のり 最近は、スティックのりを使うことが多いです。	⑥セロハンテープ
⑦粘土・粘土版 	⑧お道具箱 主に②～⑦のものを入れるのに使います。	⑨教科書 教科書は、無料で配布されます。

Một số ví dụ về đồ dùng cần mua

Các đồ dùng dưới dây là một số ví dụ chung. Đồ dùng cần mua sẽ khác nhau tùy theo từng trường nên phụ huynh cần xác nhận nội quy nhà trường nơi trẻ theo học.

(1) Những đồ dùng mua ở trường

Học sinh sẽ được phát những đồ dùng cần mua ở trường trong lễ nhập học. Học sinh phải mang những đồ dùng này về nhà và viết tên mình lên tất cả đồ dùng (viết cả lên từng cây bút chì màu), sau đó lại mang đến trường. Viết tên lên tất cả đồ dùng sẽ mất khá nhiều thời gian nên có nhiều phụ huynh đặt mua phiếu ghi tên (onamae seal) trên mạng, sau đó chỉ cần dán vào các đồ dùng.

Đối với học sinh chuyển trường, phụ huynh cần xác nhận với giáo viên những đồ dùng cần mua để có thể chuẩn bị đầy đủ.

① Vở Quốc ngữ, toán học, sổ ghi chép, sổ liên lạc.	② Bút sáp màu Bút chì màu 	③ Bút dạ Bút lông dầu 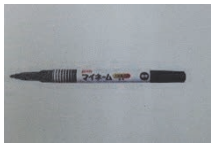
④ Kéo Có kéo dành cho học sinh thuận tay trái. Học sinh có thể nhờ giáo viên đổi giúp.	⑤ Keo dán Gần đây, học sinh thường sử dụng thanh keo dán.	⑥ Băng dính
⑦ Đất nặn 	⑧ Hộp đựng dụng cụ Chủ yếu dùng đựng đồ số ② đến số ⑦	⑨ Sách giáo khoa Sách giáo khoa được phát miễn phí

(2)家庭で購入するもの

①筆箱

金属性のもの（落とした時にうるさいため)、複雑な仕組みのものは避けましょう。

②下敷き

ノートに字を書く時に使います。紙の下に敷くことで書きやすくなり、また紙の裏に筆記の跡が残るのを防ぎます。

③消しゴム

学習用のよく消えるものを選びましょう。

④えんぴつ

1年生はＢか2Ｂを指定されることが多いです。
高学年（5，６年生）になっても、HBより薄いものは通常使いません。

⑤給食袋

⑥はし※

はしは割りばしではなく、プラスチック製のものを使いましょう。

⑦マスク

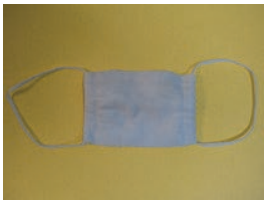

⑧給食ナプキン※

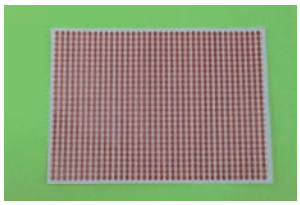

給食を食べる机の上に敷き、机が食べ物で汚れるのを防ぎます。

★給食で使うものは、必ず毎日持ち帰り、きれいに洗って翌日持っていきます。給食袋やナプキン、マスクは、２・３枚準備しておくと良いですね。

★給食セットは忘れた時のために、ランドセルのポケットに予備を入れておくと良いですね。

※「はし」「ナプキン」は地域によっていらないところもあります。

(2) Những đồ dùng tự mua

① Hộp bút Tránh sử dụng chất liệu kim loại (vì phát ra tiếng ồn khi rơi) và những đồ có cấu trúc phức tạp.	② Giấy lót Sử dụng khi viết chữ lên vở. Nếu lót giấy này xuống dưới, học sinh có thể viết dễ dàng hơn và chữ không bị in xuống mặt dưới.	③ Tẩy Lựa chọn đồ có chất lượng tốt dùng trong học tập.
④ Bút chì Hầu hết các trường đều quy định bút chì B hoặc 2B đối với học sinh lớp 1. Học sinh lớp lớn (học sinh lớp 5, lớp 6) cũng không sử dụng bút mờ hơn bút HB.		

⑤ Túi đựng đồ dùng cho bữa trưa ở trường 	⑥ ※ Đũa 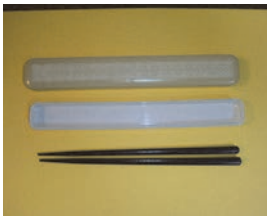 Không sử dụng đũa một lần mà nên sử dụng đũa nhựa.	⑦ Khẩu trang 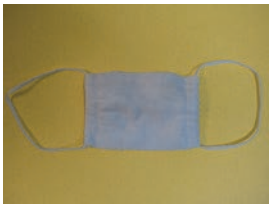
⑧ Khăn trải ※ bàn 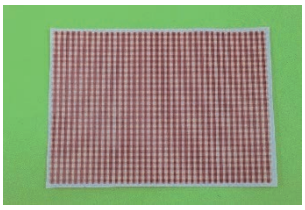 Dùng để trải bàn khi ăn trưa, tránh thức ăn làm bẩn bàn.	★ **Hàng ngày, học sinh phải mang đồ dùng cho bữa trưa về nhà để giặt sạch sẽ và mang đến trường vào ngày hôm sau. Phụ huynh nên chuẩn bị sẵn cho trẻ 2 hoặc 3 thứ cho túi đựng cơm trưa, khăn trải bàn và khẩu trang để dự bị khi cần.** ★ **Học sinh nên để một bộ đồ ăn trưa dự bị vào túi trong cặp sách để dùng trong trường hợp quên ở nhà.** ※ **Một số nơi không yêu cầu học sinh mang đũa và khăn trải bàn.**	

⑨ランドセル 日本ではランドセルを小学校の6年間使い続けます。	⑩通学用帽子 	⑪ハンカチ・ティッシュ ハンカチは毎日洗いましょう。
⑫上靴・上靴入れ 	⑬体育館シューズ 体育館シューズ入れ 	⑭赤白帽子 体育の授業や、外遊びの時に使います。
⑮体操服 	⑯運動靴 体育の時だけではなく、登下校で着用します。動きやすく、すぐに脱げないものを選びましょう。ただし、子どもが自分で着脱できるものにしましょう。	⑰傘・レインコート 登下校に使う傘は折りたたみでないものにしましょう。予備として折りたたみ傘を校内に保管している小学校もあります。

★⑩・⑫～⑮は学校指定の店がある場合が多いです。

⑨ Cặp sách Ở Nhật, học sinh sẽ dùng cặp sách suốt 6 năm tiểu học.	⑩ Mũ đội khi đi học 	⑪ Khăn tay/ Khăn giấy Giặt khăn tay hàng ngày
⑫ Giày vải Túi đựng giày 	⑬ Giày đi trong nhà thể chất Túi đựng giày 	⑭ Mũ màu trắng đỏ Sử dụng trong tiết học thể chất và khi chơi ngoài trời.
⑮ Quần áo thể dục 	⑯ Giầy thể thao Không chỉ dùng trong tiết học thể chất mà còn dùng khi đi học và về nhà. Phụ huynh nên chọn cho trẻ giày dễ vận động và dễ cởi. Ngoài ra, nên chọn giày mà trẻ có thể tự đi và tự cởi.	⑰ Ô/ Áo mưa Không nên sử dụng ô gấp khi đi học và về nhà. Một số trường có chuẩn bị ô gấp dự bị để dùng khi cần thiết.

★ Hầu hết các trường đều quy định cửa hàng mua các đồ dùng số ⑩ và từ ⑫ đến ⑮

登下校

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 登下校について

住んでいるところによって、通学する道が決まっています。交通事故を防ぐために、小学校は安全な道を決めています。通学路以外の道は通らないようにしましょう。

地域のボランティアの方々が通学路に立ち、子どもたちが安全に登下校できるように見守ってくれます。

2. 登校

朝は、通学班で登校します。家の近い子どもたちが集まり、グループで決まった時間までに小学校に行きます。集まる場所と時間が班ごとに決まっています。必ず守りましょう。

遅れるときや小学校を休むときは、班長に連絡します。集合場所に行って、班長か友だちに休むことを伝えましょう。休むことを伝えないと、通学班は全員がそろうまで待つことになり、学校へ行くのが遅くなってしまいます。また、連絡がないとみんな心配します。高学年児童（5～6年生）が班長です。名前を確認しておきましょう。

保護者は集合場所に行き、欠席理由を書いた連絡帳を同じ学年の友だちに渡して、小学校に欠席連絡をすることがあります。小学校によって欠席の連絡のしかたが違うことがあるので、小学校に確認しましょう。欠席と遅刻の連絡は、必ず通学班と小学校にするようにしましょう。

通学団名・班名（　　）
班長の名前（　　）
集まる場所（　　）
集まる時間（　　：　　）

3. 下校

学年によって授業が終わる時間がちがうので、帰りは学年ごとに下校します。家が近い子どもたちをグループにしていて、できるだけ複数で下校するように小学校でも繰り返し指導をしています。

学校によっては、週に1回、全校児童が通学班で一斉に下校する日があります。一斉下校といいます。

放課後に学童保育や放課後子ども教室に行く子どももいます。学童保育や放課後子ども教室に行かせたい場合は、申込みが必要です。用事があって、お迎えに行くときは連絡帳などで事前に知らせてください。（p.39「小学校への連絡」のページを見てください）

Đến trường và tan trường

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Đến trường và tan trường

Tuyến đường đi học được quy định theo khu vực mà học sinh sinh sống. Nhà trường sẽ quy định tuyến đường an toàn cho học sinh để phòng tránh tai nạn giao thông. Học sinh không nên sử dụng tuyến đường khác khi đi học.

Các tình nguyện viên sống trong khu vực sẽ đứng ở tuyến đường học sinh đi học để quan sát và đảm bảo an toàn cho học sinh khi đến trường và khi về nhà.

2. Đến trường

Buổi sáng, học sinh sẽ đi học theo nhóm. Những học sinh nhà gần nhau sẽ tập trung lại vào giờ quy định và cùng nhau đi đến trường. Mỗi nhóm sẽ quy định địa điểm và thời gian tập trung khác nhau. Học sinh phải tuân theo quy định đó.

Phụ huynh phải liên lạc với trưởng nhóm nếu trẻ đi muộn hoặc nghỉ học. Phụ huynh phải đến địa điểm tập trung và thông báo với trưởng nhóm hoặc một học sinh nào đó về việc con mình nghỉ học. Nếu phụ huynh không thông báo thì nhóm sẽ chờ đến khi tất cả các học sinh tập trung đầy đủ và kết quả là sẽ đến trường muộn. Hơn nữa, nếu phụ huynh không thông báo thì mọi người sẽ rất lo lắng. Học sinh lớp lớn (học sinh lớp 5 hoặc lớp 6) sẽ làm trưởng nhóm. Phụ huynh cần biết tên trưởng nhóm của con mình.

Phụ huynh có thể thông báo với nhà trường bằng cách đến địa điểm tập trung, đưa sổ liên lạc có ghi lý do nghỉ học cho học sinh cùng khối lớp với con mình. Cách thức liên lạc với nhà trường khác nhau tùy theo từng trường. Do đó, phụ huynh cần xác nhận với nhà trường. Phụ huynh cần phải liên lạc với cả trưởng nhóm đi học và nhà trường nếu con mình đi muộn hoặc nghỉ học.

✐ Tên nhóm ( )

Tên trưởng nhóm ( )

Địa điểm tập trung ( )

Thời gian tập trung (:)

3. Tan trường

Thời gian tan học khác nhau tùy từng khối lớp nên học sinh sẽ về nhà theo khối lớp của mình. Nhà trường thường xuyên nhắc nhở học sinh ở gần nhà nhau tập trung thành nhóm để cùng nhau về nhà.

Ở một số trường, tất cả các học sinh trong trường cùng về nhà theo nhóm mỗi tuần một lần. Đây được gọi là “Cùng nhau về nhà” (Issei gekou).

Sau khi tan học, một số học sinh tham gia “Chương trình giữ trẻ” hoặc “Lớp học dành cho trẻ em sau khi tan học”. Phụ huynh cần đăng ký nếu muốn cho trẻ tham gia các chương trình này. Phụ huynh cần thông báo trước cho nhà trường qua sổ liên lạc khi có việc và muốn đến trường đón trẻ. (Tham khảo nội dung “Liên lạc với nhà trường” ở trang 40).

4. 日本の交通ルール

日本では、車は左側を、人は右側を通行します。通学路の一部には歩行者専用道路がない場所もあります。白線の内側を歩きましょう。

横断をするときは横断歩道を渡り、車の運転手に自分の居場所を知らせるため子どもたちは手をあげて渡ります。

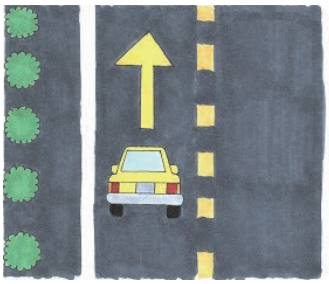

4. Luật giao thông của Nhật Bản

Ở Nhật, ô tô đi bên trái đường và người đi bộ đi bên phải đường. Một số tuyến đường đi học không có đường dành cho người đi bộ. Khi đó, học sinh phải đi bên trong vạch màu trắng.

Khi sang đường, học sinh phải sang ở vạch sang sang đường và giơ tay để ra hiệu cho người lái xe.

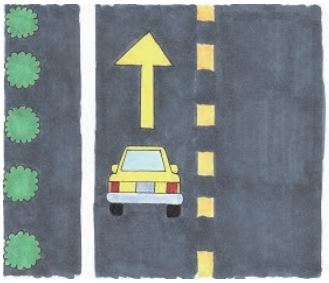

小学校への連絡

（電話番号）

❖かならず、保護者が電話をかけましょう❖

1. 小学校へ連絡しましょう

小学校を休む・遅刻・早退する時、また学校に伝えておきたいことがある時は、連絡帳か電話で学校に知らせましょう。

連絡帳の場合は、通学班（p.３５「登下校」のページを見てください）の集合の時間までに班長か同じ学年の友だちに連絡帳を渡します。

電話の場合はその日の午前（　　時　　分）までに電話をかけましょう。欠席・遅刻する時は集合時間までに通学班へ伝えましょう。全員がそろわないと通学班は出発することができません。

（注意）日本では、雨がふる日、雪がふる日も小学校へ行きます。天気が悪いという理由でお休みする必要はないです。もしお休みするときは、小学校へ連絡しましょう。（※暴風警報などが発表されると、お休みになることがあります。）
（p.４９「休校」のページを見てください）

Q＆A

なぜ、休む日・遅刻する日に連絡するの？

子どもたちが、決まった時間までに小学校に来ないと、「家で病気やケガをしたのかな？」「来る途中で事故にあったのかな？」と先生たちは心配になります。

「休みます」「遅れます」と連絡してもらえると、先生たちは安心です。

かんたんな日本語で伝えられます。必ず連絡してくださいね。

なぜ早退する日に連絡が必要なの？

小学校の授業は子どもの教室以外の場所で行われることもあるので、急に迎えに行っても、すぐに帰ることができません。また保護者以外の人が子どもを迎えに来ても、子どもを帰すことはできません。何時に誰が迎えに行くのかを事前に伝えます。また子どもに伝えさせるのではなく、保護者から伝えるようにしましょう。

Liên lạc với nhà trường

（Số điện thoại）

❖Phụ huynh phải gọi điện cho nhà trường❖

1. Liên lạc với nhà trường

Trường hợp trẻ nghỉ học, đi muộn, về sớm, hay trường hợp muốn thông báo với nhà trường một vấn đề gì đó, phụ huynh cần liên lạc với nhà trường thông qua sổ liên lạc hoặc điện thoại.

Trường hợp thông báo qua sổ liên lạc, phụ huynh cần đưa sổ liên lạc cho trưởng nhóm hoặc bạn học cùng khối của con mình trước giờ tập trung của nhóm đi học. (Tham khảo nội dung “Đến trường và tan trường” ở trang 36).

Trường hợp thông báo qua điện thoại, phụ huynh cần gọi điện trước (　giờ　phút) ✐ sáng ngày hôm đó. Nếu trẻ nghỉ học hoặc đi muộn thì phụ huynh cần thông báo cho nhóm đi học trước giờ tập trung. Nếu học sinh không tập trung đầy đủ thì nhóm đi học sẽ không thể xuất phát được.

(Lưu ý) Ở Nhật, học sinh đến trường cả ngày trời mưa và trời có tuyết. Học sinh sẽ không nghỉ học vì lý do thời tiết xấu. Nếu trẻ nghỉ học thì phụ huynh phải liên lạc với nhà trường. (※Trường có thể đóng cửa nếu Cảnh báo siêu bão “Boufuu keihou” được công bố).
(Tham khảo nội dung “Trường học đóng cửa” ở trang 50).

Q & A

Tại sao phải liên lạc khi học sinh nghỉ học hay đi muộn?

Bởi vì nếu học sinh không đến trường trước giờ quy định thì giáo viên sẽ lo lắng như “Học sinh có bị ốm hay bị thương ở nhà không nhỉ?” hay “Học sinh có bị tai nạn trên đường đến trường không nhỉ?”.

Nếu giáo viên nhận được thông báo học sinh nghỉ học hoặc đến muộn thì giáo viên có thể yên tâm.

Nội dung này có thể thông báo được bằng tiếng Nhật đơn giản nên phụ huynh cần cố gắng liên lạc với giáo viên.

Tại sao phải liên lạc khi học sinh về sớm?

Bởi vì các tiết học ở trường có thể tổ chức ở các địa điểm khác ngoài lớp học nên nếu phụ huynh đến trường đón con mình mà không liên lạc trước thì không thể đón được ngay lập tức. Ngoài ra, nếu một người khác không phải phụ huynh học sinh đến trường đón thì nhà trường không thể để cho học sinh về. Do đó, phụ huynh phải liên lạc trước với nhà trường về thời gian đến trường đón và người đến đón trẻ. Những thông báo này phải do phụ huynh thông báo với nhà trường chứ không phải học sinh.

Q＆A

なぜ体調が悪い日に連絡が必要なの？

小学校に登校させてしまうと子ども自身がつらい思いをしてしまいます。また、病気やけがが悪化することがあるかもしれません。

病院に連れて行く必要があるかどうかを相談するためにも、電話をかけてくださいね。（感染を防ぐために、休まなければならないことがあります。）

なぜ土曜日・日曜日に行事があるの？

平日（月曜日から金曜日）は仕事がある保護者に、行事を見にきてもらうためです。土曜日・日曜日でも、行事を休む日には、必ず連絡をしてくださいね。

2. 連絡帳

小学校では保育園・幼稚園とは違い、先生と毎日会って話をすることができません。ですから「連絡帳」を使って、先生と情報を交換したり、コミュニケーションを図ったりしています。

もし小学校を休んだり、遅刻したりするときは、連絡帳に必要事項を記入して、通学班の班長になっている子どもに渡すと、担任の先生に届けてくれます。章末（p.45）の表を連絡帳に貼って使うのも良いでしょう。

欠席・遅刻：連絡帳に書くだけでなく、必ず通学班に欠席、遅刻することを伝えましょう。通学班は全員そろわないと出発することができません。必ず通学班に伝えます。
遠足や運動会、生活発表会など土曜日や日曜日に学校行事がある場合があります。土曜日、日曜日でも小学校と通学班に欠席連絡が必要です。

早退：子どもだけで帰ることはできません。何時に誰が迎えに行くのか連絡帳で伝えましょう。

病気・けが：調子が良くない時は小学校を休ませましょう。小学校に行けそうなら、子どもの容体を先生に伝えましょう。小学校は、子どもの調子が悪くても、子どもに薬を与えてはくれません。

- 体温が少し高い
- 下痢（やわらかいうんち）
- おう吐（食べたものを吐いた）
- せきが出ている

Q & A

Tại sao phải liên lạc với nhà trường khi tình trạng sức khỏe trẻ không tốt?

Nếu tình trạng sức khỏe không tốt mà vẫn đến trường thì trẻ sẽ cảm thấy mệt mỏi. Khi đó, tình trạng sức khỏe của trẻ có khả năng xấu hơn.

Phụ huynh cần gọi điện cho nhà trường để trao đổi xem có cần thiết phải đưa trẻ đi bệnh viện không. (Trẻ có thể phải nghỉ học để tránh lây nhiễm sang người khác).

Tại sao lại có các hoạt động vào thứ bảy và chủ nhật?

Để phụ huynh làm việc vào ngày thường (từ thứ hai đến thứ sáu) có thể tham gia các hoạt động. Dù thứ bảy hay chủ nhật thì phụ huynh cũng cần liên lạc với nhà trường nếu trẻ không tham gia.

2. Sổ liên lạc (Renrakuchou)

Trường tiểu học khác với trường mẫu giáo và nhà trẻ, phụ huynh không thể gặp và nói chuyện với giáo viên hàng ngày được. Do đó, phụ huynh sẽ sử dụng sổ liên lạc để trao đổi thông tin và giao tiếp với giáo viên.

Trường hợp con mình nghỉ học hoặc đi muộn, phụ huynh cần ghi nội dung cần thiết vào Sổ liên lạc, đưa cho trưởng nhóm đi học, và nhờ trưởng nhóm đưa cho giáo viên chủ nhiệm. Phụ huynh có thể dán bảng ở cuối chương (trang 46) vào sổ liên lạc để sử dụng.

Nghỉ học/ Đi muộn: Phụ huynh không chỉ viết vào sổ liên lạc mà còn phải thông báo nghỉ học hay đi muộn cho nhóm đi học. Bởi vì nếu học sinh không tập trung đầy đủ thì nhóm đi học không thể xuất phát được. Do đó, phụ huynh nhất định phải thông báo với nhóm đi học.

Một số các hoạt động ở trường như Dã ngoại (Ensoku), Đại hội thể thao (Undoukai), Ngày hội văn hóa (Seikatsu happyoukai) có thể được tổ chức vào thứ bảy hoặc chủ nhật. Trong những ngày này, phụ huynh cũng phải thông báo với nhóm đi học nếu con mình không tham gia.

Về sớm : Học sinh không được về nhà một mình. Phụ huynh cần thông báo qua sổ liên lạc về thời gian đến trường đón và người đến đón trẻ.

Trường hợp trẻ bị ốm hay bị thương: Nếu tình trạng sức khỏe của trẻ không tốt, phụ huynh nên cho trẻ nghỉ học. Nếu trẻ vẫn có thể đến trường thì phụ huynh cần thông báo tình trạng sức khỏe của trẻ cho giáo viên. Nhà trường không cấp thuốc cho học sinh ngay cả trong trường hợp sức khỏe học sinh không tốt.

- Nhiệt độ cơ thể hơi cao
- Đi ngoài (phân mềm)
- Nôn mửa (nôn ra thức ăn)
- Ho

3. 電話連絡

連絡帳がない場合、保護者が日本語を書くことができない場合、電話で小学校に連絡をします。短い言葉で大丈夫です。いくつか電話での話し方を紹介します。

〈欠席連絡〉小学校に連絡するだけでなく、集合時間までに通学班にも伝えましょう。通学班は全員揃うまで出発できません。

moshi moshi　nen kumi　desu　desu
「もしもし。○ねん○くみ、○○○ ○○○です。□　です。
（こどものクラス）（こどものなまえ）
kyouwa yasumi masu
きょうは、やすみ ます。」

※□に欠席理由を入れましょう。

kaze　netsu　kega　ie no youji　fukutsuu
・かぜ　・ねつ　・けが　・いえ の ようじ　・ふくつう

〈遅刻連絡〉小学校に連絡するだけでなく、集合時間までに通学班にも伝えましょう。通学班は全員揃うまで出発できません。

moshi moshi　nen kumi　desu
「もしもし。○ねん○くみ、○○○ ○○○です。
（こどものクラス）（こどものなまえ）
kyouwa okure masu　ji fun ni iki masu
きょうは、おくれ ます。　○○時○○分 に いきます。」
（じかん）

※学校に行く時間を伝えましょう。

〈早退連絡〉

病院に行くなどの理由で下校時間よりも早く帰らなくてはいけない日には、保護者が学校に連絡しましょう。子どもが一人で帰ることはできません。早退するときには、必ず保護者が学校へ迎えに行きます。

moshi moshi　nen kumi　desu　kyouwa soutai shimasu
「もしもし。○ねん○くみ、○○○ ○○○です。きょうは　そうたい します。
（こどものクラス）（こどものなまえ）
ji fun ni　ga　mukaeni ikimasu
○○時○○分 に　○○○○が　むかえに　いきます。」
（じかん）　（むかえに　いくひとの　なまえ）

※何時に誰が迎えに行くか伝えましょう。

3. Liên lạc qua điện thoại

Trường hợp không có sổ liên lạc và trường hợp phụ huynh không viết được tiếng Nhật, phụ huynh cần liên lạc với nhà trường qua điện thoại. Phụ huynh chỉ cần sử dụng những câu đơn giản. Cuốn sách này sẽ giới thiệu một số cách nói chuyện qua điện thoại.

〈Liên lạc khi nghỉ học〉 Phụ huynh không chỉ liên lạc với nhà trường mà còn phải liên lạc với nhóm đi học trước thời gian tập trung. Bởi vì nếu học sinh không tập trung đầy đủ thì nhóm đi học không thể xuất phát được.

moshi moshi　nen kumi　desu　desu
「もしもし。○ねん○くみ、○○○　○○○です。□　です。
Alo　(Lớp)　(Tên học sinh)
kyouwa　yasumi masu
きょうは、やすみ ます。」
Hôm nay con xin phép nghỉ học.

※Nêu lý do nghỉ học trong □

- kaze かぜ (Bị cảm)
- netsu ねつ (Bị sốt)
- kega けが (Bị thương)
- ie no youji いえ の ようじ (Việc nhà)
- fukutsuu ふくつう (Đau bụng)

〈Liên lạc khi đi muộn〉 Phụ huynh không chỉ liên lạc với nhà trường mà còn phải liên lạc với nhóm đi học trước thời gian tập trung. Bởi vì nếu học sinh không tập trung đầy đủ thì nhóm đi học không thể xuất phát được.

moshi moshi　nen kumi　desu
「もしもし。○ねん○くみ、○○○　○○○です。
Alo　(Lớp)　(Tên học sinh)
kyouwa　okure masu　ji　fun ni iki masu
きょうは、おくれ ます。　○○時○○分 に いきます。」
Hôm nay con xin phép đến muộn.　~ giờ ~ phút　Con sẽ đến vào lúc

※ Phụ huynh nên thông báo với nhà trường thời gian trẻ đến trường.

〈Liên lạc khi về sớm〉

Phụ huynh phải liên lạc với nhà trường vào những ngày trẻ phải về sớm hơn so với giờ tan học quy định do các lý do như đi bệnh viện. Nhà trường không cho phép học sinh tự về nhà một mình. Vì vậy, phụ huynh phải đến trường đón trẻ nếu trẻ về sớm.

moshi moshi　nen kumi　desu　kyouwa　soutai shimasu
「もしもし。○ねん○くみ、○○○　○○○です。きょうは　そうたい します。
Alo　(Lớp)　(Tên học sinh)　Hôm nay con xin phép về sớm.
ji　fun ni　ga　mukaeni　ikimasu
○○時○○分 に　○○○○が　むかえに　いきます。」
~ giờ ~ phút　(Tên người đến đón)　sẽ đến đón con.

※ Phụ huynh nên thông báo với nhà trường thời gian đến trường đón và người đến đón trẻ.

〈病気・けがの連絡〉

朝、子どもの表情や体調を見て、いつもと違うことがあったら、小学校に伝えておきましょう。学校では気分の悪くなった子どもに薬を与えることは絶対にありません。

- いつもより体温が少し高い
- 下痢（やわらかいうんち）
- おう吐（食べたものを吐いた）
- せきが出ている

moshi moshi　nen　kumi　desu　kodomono　genkiga　arimasen

「もしもし。○ねん○くみ、○○○　○○○です。子どもの　元気が　ありません。」

（こどものクラス）（こどものなまえ）

※調子が良くない時は、小学校を休ませましょう。

4. 便利表

日本語を書くのが大変な時は、下の表の必要なところを記入して、連絡帳に貼りましょう。

がつ　　にち　　ようび	おうちのひとのサイン
りゆう	チェック
★きょうは　やすみます。	
・かぜを　ひきました。	
・ねつが　あります。	
・おなかが　いたいです。	
・けがを　しました。	
・びょういんに　いきます。	
・かていの　ようじです。	
★きょうは　　ちこくを　します。 （　　）じに　がっこうへ　いきます。	
★きょうは　　そうたいを　します。 （　　）じに（　　）が　むかえに　いきます。	

〈Liên lạc khi bị ốm hoặc bị thương〉

Buổi sáng trước khi đi học, nếu thấy biểu hiện và tình trạng sức khỏe của trẻ khác mọi ngày, phụ huynh cần thông báo với nhà trường. Nhà trường không phát thuốc khi học sinh cảm thấy mệt.

- Nhiệt độ cơ thể cao hơn bình thường
- Đi ngoài (phân mềm)
- Nôn mửa (nôn ra thức ăn)
- Ho

moshi moshi　nen　kumi　desu　kodomono　genkiga　arimasen

「もしもし。○ねん○くみ、○○○　○○○です。子どもの 元気が ありません。」

Alo　(Lớp)　(Tên học sinh)　không được khỏe.

※Phụ huynh nên cho trẻ nghỉ học khi tình trạng sức khỏe không tốt.

4. Bảng tiện lợi

Nếu viết tiếng Nhật khó thì phụ huynh có thể điền vào những chỗ cần thiết trong bảng dưới đây và dán vào sổ liên lạc.

Tháng　　Ngày　　Thứ	Chữ ký phụ huynh
Lý do	Xác nhận
★ Hôm nay con xin phép nghỉ học.	
• Con bị cảm	
• Con bị sốt	
• Con đau bụng	
• Con bị thương	
• Con đi bệnh viện	
• Con có việc nhà	
★ Hôm nay con xin phép đến muộn. **Con sẽ đến trường vào lúc（　　）giờ.**	
★ Hôm nay con xin phép về sớm. **（　　）sẽ đến trường đón vào lúc（　　）giờ.**	

緊急連絡

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

子どもが病気やけがをしたとき、地震や災害が発生したとき、小学校は保護者に連絡をします。保護者は昼間でも、できるだけ早く小学校へ子どもを迎えにいかなければなりません。学童保育や放課後子どもクラブを利用することはできません。

また、地震が発生したときや暴風警報・暴風雪警報・特別警報が発表されたときには、小学校からの連絡がなくても、できるだけ早く安全に子どもを迎えに行ってください。

どうしても保護者が迎えに行けない場合は、代わりの人に頼むことができます。その場合は誰が代わりに迎えに行くのか、小学校に電話で連絡しましょう。

①けが	重大なけが	小学校の先生が、急いで子どもを病院へ連れて行きます。また必要に応じて、小学校の先生が救急車を呼びます。保護者は小学校の先生の指示にしたがってください。
	軽いけが	小学校で簡単な手当てをします。必要に応じて保護者に連絡して、様子を伝えます。保護者の判断で子どもを病院へ連れて行ってください。
②病気（びょうき）	重大な病気	小学校の先生が、急いで子どもを病院へ連れて行きます。また必要に応じて、小学校の先生が救急車を呼びます。保護者は小学校の先生の指示にしたがってください。
	感染症	保護者が小学校に子どもを迎えに行きます。保護者が子どもを病院へ連れて行ってください。 感染症が治ったら登校許可証が必要です。病院にお願いして許可証を出してもらいます。
	体調不良（発熱、げり、嘔吐など）	
③地震（じしん）	東海地震注意報	①行く前に発表／発生 …小学校に行かないでください。 ②子どもが小学校に行ってから発表／発生 …小学校に子どもを迎えに行ってください。
	警戒宣言 予知情報	
	震度５弱以上の地震	
④警報（けいほう）	暴風警報	①行く前に発表 …小学校に行かないでください。 ②子どもが小学校に行ってから発表 …先生が引率して、集団下校します。保護者のお迎えが必要な場合もあります。
	暴風雪警報	
	特別警報	
	その他の警報	大雨洪水警報、波浪警報、高潮警報などが発表されているとき、小学校は休みになりません。 ［注意］状況を見て危険だと判断したときは、小学校へ行かないでください。

［関連ページ］　③地震…（p.75「防災・避難訓練」のページを見てください。）
④警報…（p.49「休校（小学校が休みになるとき）」のページを見てください。）

Liên lạc khẩn cấp

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh trong trường hợp học sinh bị ốm hay bị thương và trong trường hợp động đất hay thiên tai xảy ra. Phụ huynh phải đến trường sớm nhất có thể để đón con mình, kể cả vào giữa ngày. Trong trường hợp này, "Chương trình giữ trẻ" và "Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học" sẽ không hoạt động.

Ngoài ra, khi động đất xảy ra hay khi Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou), Cảnh báo bão tuyết (Boufuusetsu keihou), Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou) được công bố, phụ huynh phải đến trường sớm nhất có thể để đón và đảm bảo an toàn cho con mình kể cả khi không có liên lạc từ nhà trường.

Trường hợp phụ huynh không thể đến trường đón con mình thì có thể nhờ người khác đến đón giúp. Trường hợp này, phụ huynh cần gọi điện cho nhà trường để thông báo về người sẽ đến trường đón trẻ.

① Bị thương	Thương nặng	Giáo viên nhà trường sẽ đưa học sinh đến bệnh viện ngay lập tức. Ngoài ra, giáo viên sẽ gọi xe cấp cứu khi cần thiết. Phụ huynh cần tuân theo chỉ thị của giáo viên nhà trường.
	Thương nhẹ	Nhà trường sẽ sơ cứu đơn giản cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh để thông báo tình hình của học sinh khi cần thiết. Khi đó, phụ huynh sẽ quyết định xem có đưa con mình đến bệnh viện hay không.
② Bị ốm	Ốm nặng	Giáo viên nhà trường sẽ đưa học sinh đến bệnh viện ngay lập tức. Ngoài ra, giáo viên sẽ gọi xe cấp cứu khi cần thiết. Phụ huynh cần tuân theo chỉ thị của giáo viên nhà trường.
	Bệnh truyền nhiễm	Phụ huynh phải đến trường đón và đưa con mình đến bệnh viện. Sau khi khỏi bệnh truyền nhiễm thì cần phải có "Giấy cho phép đến trường" (Toukou kyokashou). Phụ huynh cần xin giấy này ở bệnh viện.
	Sức khỏe yếu (bị sốt, đi ngoài, nôn…)	
③ Động đất	Thông báo chú ý động đất Toukai	① Được công bố hoặc xảy ra trước khi học sinh đến trường. … Học sinh không nên đến trường. ② Được công bố hoặc xảy ra sau khi học sinh đến trường. … Phụ huynh cần đến trường đón con mình.
	Cảnh báo Thông tin dự báo	
	Động đất 5 độ richter trở lên	
④ Cảnh báo	Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou)	① Được công bố trước khi học sinh đến trường. … Học sinh không nên đến trường. ② Được công bố sau khi học sinh đến trường. … Giáo viên sẽ hướng dẫn để đưa học sinh về nhà theo nhóm. Phụ huynh có thể phải đến trường đón con mình.
	Cảnh báo bão tuyết (Boufuu setsu keihou)	
	Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou)	
	Các cảnh báo khác	Nhà trường không đóng cửa trong các trường hợp như Cảnh báo mưa lớn và lũ lụt (Ooame kouzui keihou), Cảnh báo sóng lớn (Harou keihou), Cảnh báo thủy triều cao (Takashio keihou)… được công bố. [Lưu ý] Phụ huynh không nên cho con mình đến trường nếu thấy tình hình nguy hiểm.

[Nội dung liên quan]

③ Động đất … (Tham khảo nội dung "Huấn luyện phòng chống thiên tai (Bousai kunren) và Huấn luyện lánh nạn (Hinan kunren)" ở trang 76)

④ Cảnh báo … (Tham khảo nội dung "Trường học đóng cửa" ở trang 50).

休校（小学校が休みになるとき）

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

警報と注意報

小学校が休みになるのは、暴風警報か暴風雪警報か特別警報が発表される時です。これらの警報が出ている時は、学童保育や放課後子どもクラブもお休みです。大雨警報や大雨洪水警報が発表されている時は、いつもどおり小学校へ行きます。大雨注意報や高潮注意報などの注意報が発表されている時も、いつもどおり小学校へ行きます。ただし、外に出るのが危険な時は、家で過ごしましょう。

（1）暴風警報

1. 暴風警報ってなに？

暴風警報は「とても強い風が吹きます。ひどい災害が起こるかもしれないのでしっかり注意してください」という意味です。暴風警報が発表されている間は、建物の中にいるほうがいいです。

2. どんなときに発表されるの？

- 台風が日本に近づいているとき。
- 台風が日本に上陸しているとき。
- とても風が強いとき。

3. どうやって知るの？

暴風警報が発表されているかどうかを確認する方法はいろいろあります。

①テレビを見る　②ラジオを聴く　③インターネットで調べる

とくに、日本のまわりで台風が発生しているときは、常に暴風警報が発表されているかどうか確認してください。

4. こんなとき、どうするの？

朝、小学校へ行く時間に暴風警報が発表されていたら…	→	外に出るのは危険です。小学校へ行ってはいけません。（小学校で子どもを預かることはできません。学童保育や放課後児童クラブも利用できません。）
子どもが小学校へ行ってから、暴風警報が発表されたら…	→	その日の授業は中止です。先生が引率して、集団下校します。（学童保育や放課後児童クラブも利用できません。）

Trường học đóng cửa

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Cảnh báo (Keihou) và Thông báo chú ý (Chuuihou)

Trường học sẽ đóng cửa khi Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou), Cảnh báo bão tuyết (Boufuusetsu keihou), Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou) được công bố. Khi xuất hiện những cảnh báo này thì "Chương trình giữ trẻ" và "Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học" cũng đóng cửa. Học sinh vẫn đi học bình thường trong trường hợp Cảnh báo mưa lớn (Ooame keihou), Cảnh báo mưa lớn và lũ lụt (Ooame kouzui keihou), Thông báo chú ý mưa lớn (Ooame chuuihou), Thông báo chú ý thủy triều cao (Takashio chuuihou) được công bố. Tuy nhiên, học sinh nên ở nhà nếu thấy ra ngoài nguy hiểm.

(1) Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou)

1. Cảnh báo siêu bão là gì?

Cảnh báo siêu bão được công bố khi chúng ta cần thận trọng vì gió rất mạnh, có khả năng gây ra thiệt hại lớn. Chúng ta nên ở trong nhà trong suốt thời gian cảnh báo siêu bão được công bố.

2. Cảnh báo siêu bão được công bố khi nào?

- Khi bão đang tiếp cận Nhật Bản.
- Khi bão đã tiến đến Nhật Bản.
- Khi gió rất mạnh.

3. Làm thế nào để biết được?

Có rất nhiều cách để biết được cảnh báo có được công bố không.

① Xem tivi ② Nghe đài ③Tìm hiểu trên mạng

Đặc biệt, khi bão xuất hiện quanh Nhật Bản, phụ huynh phải luôn kiểm tra xem cảnh báo có được công bố không.

4. Cần làm gì trong trường hợp như vậy?

Nếu cảnh báo siêu bão được công bố khi học sinh chuẩn bị đi học …	→	Ra ngoài rất nguy hiểm. Học sinh không nên đến trường. (Nhà trường không giữ trẻ. "Chương trình giữ trẻ" và "Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học" cũng không hoạt động).
Nếu cảnh báo siêu bão được công bố sau khi học sinh đến trường …	→	Tất cả các tiết học trong ngày sẽ bị hoãn. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh về nhà theo nhóm. ("Chương trình giữ trẻ" và "Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học" cũng không hoạt động).

（2）暴風雪警報

1. 暴風雪警報ってなに？

暴風雪警報は「雪が降りとても強い風が吹きます。ひどい災害が起こるかもしれないのでしっかり注意してください」という意味です。暴風雪警報が発表されている間は、建物の中にいるほうがいいです。

2. どんな時に発表されるの？

雪が降る時期の、風がとても強い日に発表されます。

3. どうやって知るの？

暴風雪警報が発表されているかどうか確認してください。確認する方法はいろいろあります。

①テレビを見る　②ラジオを聴く　③インターネットで調べる

4. こんなとき、どうするの？

朝、小学校へ行く時間に暴風雪警報が発表されていたら…	→	外に出るのは危険です。小学校へ行ってはいけません。（小学校で子どもを預かることはできません。学童保育や放課後児童クラブも利用できません。）
子どもが小学校へ行ってから、暴風雪警報が発表されたら…	→	その日の授業は中止です。先生が引率して、集団下校します。（学童保育や放課後児童クラブも利用できません。）

（3）特別警報

1. 特別警報ってなに？

特別警報は、「数十年に一度の災害がきています。命を守るための行動をしてください」という意味です。暴風警報や暴風雪警報の時よりもひどい災害が起こるかもしれません。しっかり注意しましょう。

2. どんな時に発表されるの？

とてもひどい災害が起きそうなときに発表されます。

(2) Cảnh báo bão tuyết (Boufuusetsu keihou)

1. Cảnh báo bão tuyết là gì?

Cảnh báo bão tuyết được công bố khi chúng ta cần cẩn thận vì tuyết rơi, gió thổi rất mạnh và có khả năng gây ra thiệt hại nặng. Chúng ta nên ở trong nhà trong suốt thời gian cảnh báo bão tuyết được công bố.

2. Cảnh báo bão tuyết được công bố khi nào?

Cảnh báo bão tuyết được công bố vào những ngày gió mạnh khi trời có tuyết.

3. Làm thế nào để biết được?

Có rất nhiều cách để biết được cảnh báo có được công bố không.

① Xem tivi ② Nghe đài ③Tìm hiểu trên mạng

4. Cần làm gì trong trường hợp như vậy?

Nếu cảnh báo bão tuyết được công bố khi học sinh chuẩn bị đi học …	→	Ra ngoài rất nguy hiểm. Học sinh không nên đến trường. (Nhà trường không giữ trẻ. “Chương trình giữ trẻ” và “Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học” cũng không hoạt động).
Nếu cảnh báo bão tuyết được công bố sau khi học sinh đến trường …	→	Tất cả các tiết học trong ngày sẽ bị hoãn. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh về nhà theo nhóm. (“Chương trình giữ trẻ” và “Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học” cũng không hoạt động).

(3) Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou)

1. Cảnh báo khẩn cấp là gì?

Cảnh báo khẩn cấp được công bố khi chúng ta cần đối phó để bảo vệ tính mạng đối với những thiên tai mấy chục năm mới xuất hiện một lần. Trường hợp này có khả năng gây ra những thiệt hại lớn hơn rất nhiều so với trường hợp Cảnh báo siêu bão và Cảnh báo bão tuyết được công bố. Vì vậy, chúng ta cần đặc biệt lưu ý.

2. Cảnh báo khẩn cấp được công bố khi nào?

Cảnh báo khẩn cấp được công bố khi có nguy cơ xảy ra những thiệt hại rất lớn.

3. どうやって知るの？

特別警報が発表されているかどうか確認してください。確認する方法はいろいろあります。

①テレビを見る　②ラジオを聴く　③インターネットで調べる

4. こんなとき、どうするの？

朝、小学校へ行く時間に 特別警報が発表されていたら…	→	外に出るのは危険です。小学校へ行ってはいけません。 （小学校で子どもを預かることはできません。学童保育や放課後児童クラブも利用できません。）
子どもが小学校へ行ってから、 特別警報が発表されたら…	→	その日の授業は中止です。 保護者は、すぐに小学校へ子どもを迎えにいってください。 （学童保育や放課後児童クラブも利用できません。）

[参考]

警報・注意報を英語で知らせています。

（注意）他の言語はありません。

気象庁HP英語版（http://www.jma.go.jp/jma/indexe.html）

→ Weather/Earthquake → Weather Warnings/Advisories

3. Làm thế nào để biết được?

Có rất nhiều cách để biết được có cảnh báo hay không.

① Xem tivi ② Nghe đài ③Tìm hiểu trên mạng

4. Cần làm gì trong trường hợp như vậy?

Nếu cảnh báo khẩn cấp được công bố khi học sinh chuẩn bị đi học …	→	Ra ngoài rất nguy hiểm. Học sinh không nên đến trường. (Nhà trường không giữ trẻ. “Chương trình giữ trẻ” và “Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học” cũng không hoạt động).
Nếu cảnh báo khẩn cấp được công bố sau khi học sinh đến trường …	→	Tất cả các tiết học trong ngày sẽ bị hoãn. Phụ huynh cần đến trường đón trẻ ngay lập tức. (“Chương trình giữ trẻ” và “Câu lạc bộ thiếu nhi sau khi tan học” cũng không hoạt động).

[Tham khảo]

Cảnh báo và Thông báo chú ý sẽ được công bố bằng tiếng Anh.

(Lưu ý) Không có thông báo bằng các ngôn ngữ khác.

Trang web tiếng Anh của cục khí tượng (http://www.jma.go.jp/jma/indexe.html)

→ Weather/Earthquake → Weather Warnings/Advisorie

就学時健康診断

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 就学時健康診断ってなに？

小学校へ次の４月に来年入学する子どもがいる家庭には、秋ごろ「就学時健康診断」のお知らせが届きます。「就学時健康診断」とは、市内の各小学校で、入学を控えた子どもを対象に行われる健康診断です。入学予定の小学校に行って健康診断を受けます。

当日は、案内に従って身長・体重測定、視力測定、歯科検診、聴力検査、発育状況調べなどを行います。子どもたちは、保護者とは離れて行動しますが、小学生のお兄さん・お姉さんが手をつないで一緒に周ってくれるので安心です。

健康診断では、服の着脱があります。当日は、着替えのしやすい服を着て行きましょう。子どもが自分で着替えが出来るようになっているとよいですね。もしうまくできなくても、小学生が手伝ってくれるので大丈夫です。

当日までに、①自分の名前を言える・名前を呼ばれたら「はい！」と返事ができる。②「おねがいします」「ありがとうございました」と言える。③できれば自分で着替えができるようにしておくとよいですね。

2. なにをするの？

なにをするの？	どんな検査なの？
身長・体重測定	検査は上半身裸、または下着で行うことが多いです。また、靴下も脱ぎます。背の高さと体の重さをできるだけ正確に測定します。☆宗教上の理由で、裸や下着になれない場合は事前に先生に相談しましょう。
内診、触診	医師が、子どもの胸や背中に聴診器を当てて、心臓の音を聞きます。また、目やのど、鼻の中を見ることもあります。
視力測定	視力検査ではスプーンのような道具で片目を隠します。○印の上下左右の一部が欠けているので、子どもは、どこが欠けているのか答えます。欠けている方を指で示してもいいです。
歯科検診	歯科医師が、子どもの口の中を見ます。おもに、歯の状態（歯をしっかりみがいているか、歯並びはどうか、かみ合わせはどうかなど）を見ます。
聴力検査	ヘッドホンから様々な高さの音が流れます。聞こえたら手をあげます。子どもの反応から、聞こえているかどうかを判断します。
発育状況調べ	市によって違いますが、例えば先生の簡単な質問に答えたり、鉛筆で答えに印をつけたりします。ここでひらがなやカタカナの読み書きができなくても問題はありません。

Khám sức khỏe trước khi nhập học (Shuugakuji kenkou shindan)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Khám sức khỏe trước khi nhập học (Shuugakuji kenkou shindan) là gì?

Thông báo về việc khám sức khỏe trước khi nhập học sẽ được gửi vào khoảng mùa thu cho những gia đình có con nhập học vào tháng 4 năm tới. Khám sức khỏe trước khi nhập học được tổ chức với đối tượng là trẻ em sắp nhập học vào các trường tiểu học trong thành phố. Trẻ phải đi đến trường dự định học để tham gia khám sức khỏe.

Vào ngày khám sức khỏe, trẻ sẽ được đo chiều cao, cân nặng, kiểm tra thị lực, kiểm tra răng, kiểm tra khả năng nghe, kiểm tra tình trạng phát triển theo như hướng dẫn. Trẻ sẽ không đi cùng phụ huynh trong thời gian khám sức khỏe, nhưng trẻ sẽ nắm tay và đi cùng các anh chị lớp lớn nên phụ huynh không cần phải lo lắng.

Trẻ phải mặc và cởi quần áo khi khám sức khỏe. Vì vậy, phụ huynh nên cho trẻ mặc quần áo dễ mặc và dễ cởi. Trẻ có thể tự mặc và cởi quần áo là một điều rất tốt. Tuy nhiên, nếu trẻ không thể tự làm thì các anh chị lớp lớn sẽ làm giúp.

Trước ngày khám sức khỏe, trẻ phải làm được những việc như sau: ① Có thể nói được tên mình và trả lời "Hai" (Vâng) khi được gọi tên, ② Có thể nói được "Onegaishimasu" (Con rất mong được cô/chú giúp đỡ), "Arigatougozaimashita" (Con cám ơn cô/chú), ③ Thực hành để có thể tự thay quần áo.

2. Khám như thế nào?

Khám gì?	Khám như thế nào?
Đo chiều cao và cân nặng	Hầu hết trẻ sẽ được khám trong trạng thái không mặc áo hoặc trong trạng thái mặc đồ lót. Trẻ phải cởi cả tất. Mục đích là để đo chính xác chiều cao và cân nặng của trẻ. ☆ Trường hợp trẻ không thể cởi áo hoặc mặc đồ lót vì lý do tôn giáo thì phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.
Nội chẩn và xúc chẩn	Bác sỹ sẽ đặt ống nghe vào ngực và lưng của trẻ để nghe nhịp tim. Bác sỹ còn có thể kiểm tra được mắt, mũi và họng của trẻ.
Kiểm tra thị lực	Bác sỹ sẽ che một mắt của trẻ bằng một dụng cụ giống như chiếc thìa. Một phần của hình tròn ○ sẽ bị khuyết phần trên, phần dưới, bên phải hoặc bên trái và trẻ phải trả lời xem bị khuyết phần nào. Trẻ có thể dùng ngón tay để chỉ phần bị khuyết.
Kiểm tra răng	Bác sỹ khám răng sẽ kiểm tra trong miệng của trẻ. Bác sỹ chủ yếu kiểm tra tình trạng của răng (trẻ có đánh răng sạch sẽ không, răng có mọc đều không…)
Kiểm tra khả năng nghe	Nhiều âm thanh có độ cao khác nhau sẽ phát ra từ tai nghe. Nếu trẻ nghe thấy thì phải giơ tay. Bác sỹ sẽ phán đoán khả năng nghe thông qua phản ứng của trẻ.
Kiểm tra tình trạng phát triển	Mỗi thành phố sẽ có cách kiểm tra khác nhau. Ví dụ, trẻ sẽ trả lời các câu hỏi đơn giản của bác sỹ hoặc khoanh bằng bút chì vào các câu trả lời. Trẻ không cần phải biết đọc và biết viết chữ Hiragana hay Katakana.

入学式（にゅうがくしき）

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 入学式（にゅうがくしき）ってなに？

入学式とは、小学校に入る子どもとその保護者が集まって行う式です。子どもの成長をみんなで喜ぶ式です。また、小学校生活にむけて新しい出発を見守る式です。パーティーのように、にぎやかな式ではありません。小学校生活の最初の日です。小学校の先生と在校生が新入生を迎えてくれます。

2. だれが参加（さんか）するの？

(1)子ども：新入生（在校生）

(2)保護者：日本では、お母さんまたはお父さんが子どもと一緒に入学式に参加します。両親で参加する家族も最近は多くなってきました。

3. どこでするの？

入学式は小学校の体育館で行います。式の間は、子どもたちは前の方にクラスごとに並んで座り、保護者は子どもたちの後ろにまとまって座る場合が多いです。

4. なにをするの？

(1)入学式の会場に入る前に受付を済ませます。受付で子どものクラスを確認します。

(2)受付が済んだら、子どもは教室に入ります。保護者は体育館で待ちます。入学式の会場では席が決められています。保護者の場所は、会場の後ろ半分です。

(3)入学式が始まります。校長先生、ＰＴＡ会長からのお話があります。お話は静かに聞きましょう。動いたり、おしゃべりはしないようにしましょう。

(4)担任の先生が発表されます。担任の先生がクラスの子どもの名前を１人ずつ呼びます。子どもは自分の名前を呼ばれたら元気に「はい」と返事をします。家で返事の練習をしておきましょう。

(5)入学式が終わったら、クラスごとに記念写真を撮り、保護者も子どものクラスに行きます。担任の先生から子どもたちがどのような生活を送るか（1日の説明）、持ち物、行事、ルール、お願いなどをお話します。大切なお話ばかりなので、きちんと聞きましょう。分からないことなどは、お話の後に先生に聞きましょう。

(6)クラスでのお話のときに、教科書や学用品などが配られます。配られるものの量が多いので、大きめの袋を準備しましょう。配られたものは準備した袋に入れて全て家に持ち帰ります。

Lễ nhập học (Nyuugakushiki)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Lễ nhập học (Nyuugakushi) là gì?

Lễ nhập học là buổi lễ được tổ chức với sự tham gia của học sinh nhập học và các phụ huynh. Đây không chỉ là buổi lễ chúc mừng sự trưởng thành của trẻ mà còn là buổi lễ đánh dấu mốc xuất phát mới trong cuộc sống tại trường tiểu học của trẻ. Đây không phải là buổi lễ náo nhiệt như một bữa tiệc mà là ngày đầu tiên trong cuộc đời học sinh tiểu học của trẻ. Các giáo viên và các học sinh trong trường sẽ đón những học sinh mới.

2. Ai sẽ tham gia lễ nhập học?

(1) Học sinh : Học sinh mới (học sinh trong trường)
(2) Phụ huynh : Ở Nhật, bố hoặc mẹ của học sinh cùng tham gia lễ nhập học. Gần đây, có nhiều gia đình cả bố và mẹ đều tham gia.

3. Lễ nhập học được tổ chức ở đâu?

Lễ nhập học được tổ chức ở nhà thể chất của trường. Ở hầu hết các trường, học sinh sẽ xếp hàng và ngồi theo từng lớp ở phía trước, còn phụ huynh sẽ ngồi ở phía sau học sinh trong suốt buổi lễ.

4. Làm gì trong lễ nhập học?

(1) Phụ huynh phải đến bàn lễ tân trước khi vào hội trường của buổi lễ nhập học. Sau đó, xác nhận lớp của con mình ở bàn lễ tân.
(2) Sau đó, học sinh sẽ vào lớp học của mình. Còn phụ huynh sẽ đứng chờ ở nhà thể chất. Ghế ngồi trong hội trường đã được quy định trước. Ghế ngồi của phụ huynh được bố trí ở nửa sau của hội trường.
(3) Buổi lễ chính thức bắt đầu. Hiệu trưởng, hội trưởng hội phụ huynh và giáo viên PTA【trang 138】sẽ phát biểu. Phụ huynh và học sinh cần chú ý lắng nghe, không nên di chuyển hoặc nói chuyện.
(4) Giáo viên chủ nhiệm phát biểu. Giáo viên chủ nhiệm sẽ gọi tên từng học sinh của lớp mình phụ trách. Học sinh cần trả lời “Hai” (Có ạ) to và rõ ràng khi được gọi tên. Học sinh nên thực hành trước ở nhà.
(5) Sau khi buổi lễ kết thúc, mỗi lớp sẽ chụp ảnh kỷ niệm và phụ huynh sẽ đi đến lớp học của con mình. Giáo viên chủ nhiệm sẽ nói chuyện về cuộc sống ở trường (một ngày ở trường như thế nào), những đồ dùng cần mang đến trường, các sự kiện ở trường, các quy tắc và các yêu cầu từ nhà trường. Phụ huynh và học sinh cần chú ý lắng nghe vì những nội dung này rất quan trọng. Sau khi nghe xong, nếu có điều gì không hiểu, phụ huynh và học sinh cần hỏi lại giáo viên.
(6) Giáo viên sẽ phát cho học sinh sách giáo khoa và một số đồ dùng học tập. Phụ huynh nên chuẩn bị túi cỡ to để đựng vì giáo viên sẽ phát rất nhiều. Học sinh sẽ để tất cả đồ được giáo viên phát vào túi và mang về nhà.

5. 服装・何を持っていくの？

(1)子どもの服装

子ども用のスーツやカッターシャツ、ワンピースやブラウスなどを着ている子どもが多いです。小学校で決められた制服がある場合もあります。先生に確認しましょう。

(2)保護者の服装

新入生の保護者は、スーツやワンピースを着て行く場合が多いです。必ずしもそのような服装で行く必要はありませんが、ジーンズやＴシャツなどのカジュアルな服装は着て行きません。

(3)子どもの持ち物

①上靴

②ランドセル

③入学式のお知らせに書いてある持ち物

(4)保護者の持ち物

入学式のお知らせに書いてある持ち物（スリッパ、靴を入れるビニール袋、筆記用具、教科書や学用品を持ちかえるための大きめの袋など）。

子どもの姿を映したい場合はカメラやビデオを持って行きます。カメラやビデオでの撮影は他の方の迷惑にならないようにしましょう。また、携帯電話はマナーモードにするか、電源を切っておきましょう。

※入学説明会などで渡された児童生徒調査票・健康カードなどの書類はとても大切なものです。あらかじめ記入をして、入学式のときに忘れずに持って行きましょう。

6. 早めに行こう！

入学式は決まった時間に始まります。集合時刻の15分前には、小学校へ行きましょう。余裕を持って行かないと、急に保護者と離れることになるため、子どもが不安になってしまいます。

7. 入学式はチャンスです！

入学式にはほとんどの子どもや保護者、小学校の先生方が参加します。これから子どもがどのようなクラスでどのような先生や子どもたちと過ごすのか見ることができます。また、子どもと同じクラスの保護者や担任の先生と直接話ができるチャンスです。入学前にいろいろ不安に思っていることもぜひこの日に先生に聞いてみましょう。

5. Mặc gì và mang đồ gì đến lễ nhập học?

(1) Trang phục của học sinh

Học sinh có thể mặc quần áo vest dành cho trẻ em, áo sơ mi, váy… Nhiều trường tiểu học quy định trang phục. Phụ huynh cần xác nhận thông tin với nhà trường.

(2) Trang phục của phụ huynh

Hầu hết các phụ huynh của học sinh mới đều mặc vest hoặc váy. Phụ huynh không nhất thiết phải mặc như vậy, nhưng không nên mặc những trang phục thoải mái như quần bò, áo phông…

(3) Những đồ dùng trẻ cần mang theo

① Giày vải

② Cặp sách

③ Những đồ dùng ghi trong thông báo lễ nhập học.

(4) Những đồ dùng phụ huynh cần mang theo

Phụ huynh cần mang theo những đồ dùng đã ghi trong thông báo lễ nhập học (như dép đi trong nhà, túi đựng giày, dụng cụ ghi chép, túi cỡ to để đựng sách giáo khoa và đồ dùng học tập mang về)

Phụ huynh có thể mang theo máy ảnh hoặc máy quay nếu muốn chụp ảnh và quay video cho trẻ. Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi chụp ảnh và quay phim. Ngoài ra, phụ huynh nên để điện thoại ở chế độ im lặng hoặc tắt nguồn điện thoại.

※ Những tài liệu được phát ở buổi hướng dẫn nhập học như Phiếu điều tra học sinh (Jidou seito chousahyou) và Phiếu sức khỏe (Kenkou card) rất quan trọng. Phụ huynh phải điền trước thông tin vào những tài liệu này và mang đến lễ nhập học.

6. Đi sớm

Lễ nhập học diễn ra vào thời gian quy định. Phụ huynh và học sinh nên đến trường sớm 15 phút trước khi buổi lễ bắt đầu. Nếu đến sát giờ và trẻ đột nhiên bị lạc khỏi phụ huynh thì trẻ sẽ rất lo lắng.

7. Lễ nhập học là một cơ hội rất tốt!

Hầu hết học sinh, phụ huynh, giáo viên trong trường đều tham gia lễ nhập học. Phụ huynh có thể thấy được môi trường học tập của con mình, gặp gỡ giáo viên và những đứa trẻ khác mà con mình sẽ sinh hoạt cùng từ nay về sau. Đây còn là cơ hội để phụ huynh có thể trực tiếp nói chuyện với giáo viên chủ nhiệm và những phụ huynh khác có con học cùng lớp với con mình. Phụ huynh có thể nói chuyện với giáo viên về tất cả những điều bản thân cảm thấy lo lắng trước khi kỳ học chính thức bắt đầu.

先生とのお話

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

小学校では、先生と保護者が直接会って、子どものこと、家庭のこと、小学校での生活のことなどを相談したり、情報交換したりする日があります。小学校に行くときにはスリッパを忘れずに持って行きます。もちろん、先生とお話したいときには、いつでも小学校に連絡してください。

1. 家庭訪問

先生が、各家庭に行って家で保護者とお話をします。先生が家に行く時間には必ず保護者は家にいてください。事前に都合のよい時間を聞いて時間を調整します。

先生は計画を立てて、1日に何軒かまわります。そのため、1つの家庭でお話する時間は決まっています。時間を延ばすことはできません。あらかじめ、先生に相談したいことがある場合は内容をまとめておきましょう。

先生は、保護者とお話するだけではなく、子どもの家庭での生活の様子を見たり、家がある場所を確かめたりします。家の中に入ってお話をする場合や玄関でお話をする場合があります。

おみやげやお茶、おかし、食事などを出す必要はありません。

長期欠席や連絡がとれない場合にも家庭訪問をすることがあります。

2. 個別懇談会／クラス懇談会

保護者が、小学校で先生とお話をします。子どものことについて相談したいことや小学校の生活で先生に聞きたいことや知りたいことなど、直接お話をすることができる貴重な時間です。

個別懇談会では、先生と1対1でお話をします。お話ができる時間は決まっています。事前に都合のよい時間を聞いて時間を調整します。時間に遅れないように行きましょう。時間が過ぎてしまうと次の人の順番になります。仕事の関係で決められた時間に行けなくなってしまった場合には、必ず自分の順番の時間の前に小学校に電話をかけましょう。

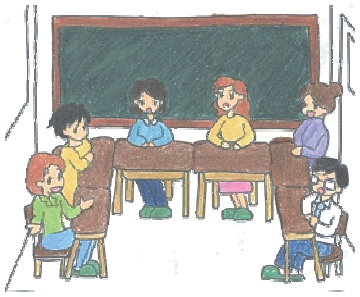

クラス懇談会では、クラスの保護者が集まって、先生とお話します。クラスの保護者ともお話できるいい機会です。積極的に参加しましょう。

Trao đổi với giáo viên

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Ở trường tiểu học, có một ngày mà phụ huynh sẽ gặp trực tiếp giáo viên để nói chuyện và trao đổi thông tin về con mình, về gia đình, về sinh hoạt ở trường. Phụ huynh cần nhớ mang theo dép đi trong nhà khi đến trường. Ngoài ra, phụ huynh có thể liên lạc với nhà trường bất cứ lúc nào muốn nói chuyện với giáo viên.

1. Thăm nhà học sinh (Kateihoumon)

Giáo viên sẽ đi thăm từng nhà học sinh và nói chuyện với phụ huynh. Phụ huynh phải ở nhà trong thời gian giáo viên đến thăm nhà. Giáo viên sẽ liên lạc trước với phụ huynh để sắp xếp thời gian hợp lý.

Giáo viên sẽ lập kế hoạch và đi thăm một số nhà học sinh trong một ngày. Do đó, giáo viên sẽ nói chuyện ở mỗi gia đình trong một khoảng thời gian nhất định. Thời gian được quy định nên không thể kéo dài thêm. Phụ huynh cần tổng hợp trước những nội dung muốn trao đổi với giáo viên.

Giáo viên không chỉ nói chuyện với phụ huynh mà còn quan sát cuộc sống sinh hoạt trong gia đình của học sinh và xác nhận địa chỉ nhà của học sinh. Giáo viên và phụ huynh có thể nói chuyện ở trong nhà học sinh hoặc ở phía cửa nhà học sinh.

Phụ huynh không cần phải chuẩn bị quà tặng, trà, bánh kẹo hay đồ ăn.

Giáo viên có thể đến thăm nhà học sinh trong trường hợp học sinh nghỉ thời gian dài hoặc trường hợp không thể liên lạc với học sinh.

2. Họp cá nhân (Kobetsu kondankai) và Họp phụ huynh (Kurasu kondankai)

Phụ huynh sẽ nói chuyện với giáo viên ở trường. Đây là khoảng thời gian rất quan trọng vì phụ huynh có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên về những vấn đề liên quan đến trẻ hay cuộc sống sinh hoạt ở trường của trẻ…

Trong buổi họp cá nhân, phụ huynh sẽ nói chuyện riêng với giáo viên. Thời gian nói chuyện được quy định trước. Giáo viên sẽ liên lạc trước với phụ huynh để sắp xếp thời gian hợp lý. Phụ huynh cần đi đúng giờ quy định. Nếu phụ huynh đi muộn thì sẽ đến lượt phụ huynh khác. Nếu phụ huynh không thể đến đúng giờ quy định vì lý do công việc thì cần gọi điện cho nhà trường trước thời gian quy định cho mình.

Trong buổi họp phụ huynh, các phụ huynh của lớp sẽ tập trung lại và nghe giáo viên nói chuyện. Đây là cơ hội tốt để các phụ huynh có thể cùng nói chuyện với nhau. Vì vậy, phụ huynh nên tích cực tham gia những buổi như thế này.

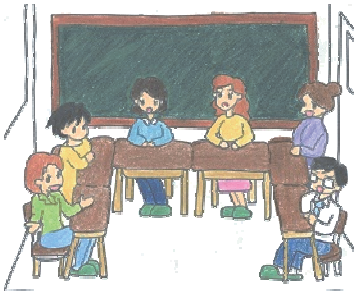

3. 参観日

子どもの小学校での生活の様子を保護者に見てもらうために、参観日があります。保護者は子どもの授業の様子を教室の後ろで見ます。子どもは授業中なので、保護者は子どもに話しかけてはいけません。また、教室の後ろや廊下で保護者同士でおしゃべりをすると子どもが授業に集中できなくなります。静かに見るようにします。カメラやビデオの撮影は、他の方の迷惑にならないようにしましょう。携帯電話はマナーモードにするか、電源を切りましょう。

必ず、事前にお知らせがあります。日時と内容を確認して、参加する場合には時間に遅れないように小学校へ行きましょう。

4. 言葉が通じないときは・・・

家庭訪問や個別懇談会のとき、保護者が日本語を分からないと先生のお話を理解することができません。また、先生に相談したいことも決められた時間の中で伝えることができません。学校によっては通訳の方に同席してもらうこともできます。通訳の方がいるかどうか、同席をお願いできるかどうかを小学校に確認してみましょう。

自分の知り合いに通訳ができる人がいる場合にはお願いしてもいいかもしれません。ただし、子どもの方が日本語を理解できるからといって子どもに通訳をさせるのはできるだけやめましょう。子どもが自分にとって都合の悪いことを省いて通訳していたり、子どもにはあまり理解できない言葉が出てきたりすることもあります。先生と保護者はお互いに正しく通訳されているかどうかを確認できないため、通訳は先生と保護者の言葉をそのまま訳すことのできる、信頼できる人にお願いしましょう。

3. Ngày tham quan giờ học (Sankanbi)

Ở trường tiểu học, có ngày mà phụ huynh sẽ đến xem cuộc sống sinh hoạt ở trường của con mình. Phụ huynh sẽ quan sát các tiết học của trẻ ở phía dưới lớp học. Phụ huynh không được nói chuyện với học sinh khi học sinh đang nghe giảng. Ngoài ra, nếu các phụ huynh nói chuyện với nhau ở phía dưới lớp học hoặc ở hành lang thì học sinh sẽ không tập trung vào bài giảng được. Do đó, các phụ huynh cần giữ trật tự để quan sát. Phụ huynh cũng cần tránh làm phiền đến người khác khi chụp ảnh và quay phim. Phụ huynh nên để chế độ im lặng hoặc tắt nguồn điện thoại.

Nhà trường sẽ thông báo trước ngày tham quan giờ học. Phụ huynh cần xác nhận thời gian và nội dung. Nếu tham gia, phụ huynh cần đến trường đúng thời gian quy định.

4. Trường hợp không hiểu tiếng Nhật

Nếu phụ huynh không hiểu tiếng Nhật thì phụ huynh sẽ không thể hiểu được nội dung giáo viên nói khi giáo viên đến thăm nhà hay khi họp phụ huynh. Phụ huynh cũng sẽ không thể truyền đạt được nội dung muốn trao đổi với giáo viên trong khoảng thời gian quy định. Một số trường cho phép phụ huynh đi cùng phiên dịch. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường xem có phiên dịch không hoặc có thể nhờ phiên dịch đi cùng hay không.

Phụ huynh có thể nhờ người quen phiên dịch giúp. Tuy nhiên, phụ huynh không nên nhờ trẻ phiên dịch giúp kể cả trong trường hợp trẻ hiểu tiếng Nhật. Bởi vì trẻ có thể lược bớt những nội dung không hay liên quan đến mình hoặc giáo viên có thể sử dụng những từ ngữ mà trẻ không hiểu rõ. Phụ huynh cần nhờ người đáng tin cậy để có thể dịch được chính xác nội dung vì giáo viên và phụ huynh không thể kiểm tra xem phiên dịch có dịch chính xác nội dung trao đổi hay không,

遠足・社会見学

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 遠足ってなに？

集団行動に気を付けながら、外でのマナーを身につけるよい機会です。

①歩いていく場合

みんなで少し遠くのところまで歩いていきます。公園や広場に行くことが多いです。自然にふれたり、ゲームなどをして遊んで、思い切り体を動かします。みんなでお弁当を食べます。

②乗り物を使う場合

遠いところまでバスや電車に乗っていきます。動物園などの公共施設に行くことが多いです。みんなでお弁当を食べます。

2. 社会見学ってなに？

集団行動に気を付けながら、学校以外の場で知識や経験を広げるよい機会です。工場や博物館などに行き、施設を見学します。社会見学は学習の一環です。みんなでお弁当を食べます。

子どもはみんな遠足や社会見学をずいぶん前からとても楽しみにしています。当日、病気で休むことがないように体調を整えるようにしましょう。休む時には必ず小学校に連絡します。（p３９.「小学校への連絡」のページを見てください）

3. なにを着ていくの？ なにを持っていくの？

(1)服装

①運動に適した服装

②運動靴（新しい運動靴ではなく、いつもはいている靴）

③学校規定の帽子

(2)子どもの持ち物

①お弁当（p.131「お弁当・水筒」のページを見てください）

②水筒 （p.131「お弁当・水筒」のページを見てください）

③おやつ

・おやつを買ってもいい値段が決められています。300円の小学校が多いです。

※おやつを持って行ってはいけない場合もあります。

Dã ngoại (Ensoku) và Tham quan (Shakaikengaku)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Dã ngoại (Ensoku) là gì?

Đây là cơ hội tốt để học sinh học các quy tắc ứng xử ở bên ngoài trường học khi tham gia hoạt động theo nhóm.

① Trường hợp đi bộ

Học sinh cùng nhau đi bộ một khoảng cách khá xa. Học sinh thường đi công viên hay quảng trường. Học sinh sẽ được tiếp xúc với thiên nhiên, được chơi trò chơi, được vận động cơ thể một cách thoải mái. Tất cả các học sinh sẽ cùng nhau ăn cơm hộp.

② Trường hợp sử dụng phương tiện giao thông công cộng

Học sinh sẽ đi xe buýt hoặc tàu điện nếu khoảng cách xa. Học sinh thường đi đến các khu công cộng như vườn bách thú. Tất cả học sinh sẽ cùng nhau ăn cơm hộp.

2. Tham quan (Shakai kengaku) là gì?

Đây là cơ hội tốt để học sinh mở rộng kiến thức và trải nghiệm ở bên ngoài trường học khi tham gia hoạt động theo nhóm. Học sinh sẽ đi tham quan nhiều nơi như nhà máy, viện bảo tàng… Tham quan là một trong những nội dung học tập. Tất cả học sinh sẽ cùng nhau ăn cơm hộp.

Học sinh rất háo hức mong chờ buổi dã ngoại hay tham quan.
Vì vậy, phụ huynh cần quan tâm đến sức khỏe của trẻ để trẻ không bị ốm và phải bỏ lỡ sự kiện này. Phụ huynh phải liên lạc với nhà trường nếu trẻ không tham gia. (Tham khảo nội dung "Liên lạc với nhà trường" ở trang 40).

3. Trẻ nên mặc gì và nên mang theo đồ gì?

(1) Quần áo

① Quần áo thích hợp cho vận động
② Giầy thể thao (không phải giày mới mà là giày trẻ đi hàng ngày)
③ Mũ do nhà trường quy định

(2) Đồ trẻ cần mang theo

① Cơm hộp (Obentou) (Tham khảo nội dung "Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)" ở trang 132).
② Bình nước (Suitou) (Tham khảo nội dung "Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)" ở trang 132).
③ Đồ ăn vặt
- Nhà trường sẽ quy định số tiền mua đồ ăn vặt. Nhiều trường quy định là 300 yên.
  ※Nhiều trường hợp không được phép mang theo đồ ăn vặt.

④敷物
・子どもが一人で座ってお弁当を食べられるくらいの大きさのものを準備してください。
⑤タオル
⑥おてふき
・お弁当を食べるときに使います。
・手をふくサイズのタオルを水でぬらして、しっかりしぼった状態で持っていきます。
・しぼったおしぼりをケースまたはビニール袋に入れて持っていきます。
⑦ハンカチ・ティッシュ
⑧リュックサック
・荷物をすべてリュックサックの中にいれ、背負って長い距離を歩きます。
・子どもの体に合った大きさのものを準備します。荷物が重くてもキャスターがついたカバンはいけません。

―――社会見学のときに必要な持ち物―――
⑨筆箱（えんぴつ・消しゴム）
⑩小学校で配られたしおり
（遠足の予定や持ち物などが書かれたものを「しおり」といいます。）

4. 雨のとき

・雨のときは遠足・社会見学がなくなることがあります。雨がふったときのことを事前に先生に確認しておきましょう。
・「雨天延期」…雨が降ったら、別の日に遠足・社会見学に行きます。
・「雨天中止」…雨が降ったら、遠足・社会見学はなくなります。
・遠足・社会見学がなくなった場合もいつもどおり小学校に行って、勉強をします。
・雨で延期や中止になった場合でもお弁当は必要です。

5. その他

・かなり長い距離を自分で荷物をもって歩きます。体調を整えておきましょう。前の日に体調が悪かったら、そのことも先生に伝えましょう。
・乗り物を使って遠足や社会見学に行く場合、乗り物に酔いやすい子どもには酔い止め薬を飲ませておきましょう。
・特に持ち物に書かれていないもの（ゲームなど）は、持っていってはいけません。

④ Thảm

- Phụ huynh cần chuẩn bị thảm có kích cỡ đủ để một trẻ có thể ngồi ăn cơm hộp.

⑤ Khăn mặt

⑥ Khăn lau tay

- Dùng khi ăn cơm hộp.
- Làm ướt khăn có kích cỡ bằng bàn tay, vắt sạch nước và mang đi.
- Để khăn ướt vào trong hộp hoặc trong túi nilon và mang đi.

⑦ Khăn tay và khăn giấy

⑧ Balo

- Học sinh để tất cả đồ vào trong balo, đeo trên vai và đi bộ một quãng đường dài.
- Phụ huynh nên chuẩn bị balo có kích cỡ phù hợp với cơ thể của con mình. Đồ mang theo nặng thì cũng không được phép mang cặp có gắn bánh xe.

———Đồ dùng cần thiết khi đi tham quan———

⑨ Hộp bút (bút chì và tẩy)

⑩ Sách hướng dẫn (shiori) được nhà trường phát.

(“Shiori” là quyển sách có ghi kế hoạch dã ngoại và những đồ dùng cần mang theo)

4. Trường hợp trời mưa

- Buổi dã ngoại hay tham quan có thể bị hoãn nếu trời mưa. Phụ huynh cần xác nhận trước với giáo viên khi trời mưa.
- Hoãn nếu trời mưa (uten enki)… Buổi dã ngoại hay tham quan sẽ được đổi sang ngày khác nếu trời mưa.
- Hủy nếu trời mưa (uten chuushi)… Buổi dã ngoại hay tham quan sẽ bị hủy nếu trời mưa.
- Học sinh vẫn đến trường và học bình thường nếu buổi dã ngoại hay tham quan bị hủy.
- Học sinh phải mang cơm hộp nếu buổi dã ngoại hoặc tham quan bị hoãn hay bị hủy do trời mưa.

5. Một số lưu ý khác

- Học sinh sẽ phải tự mình mang đồ và đi bộ một quãng đường khá dài. Vì vậy, phụ huynh cần quan tâm đến sức khỏe của trẻ. Trước ngày dã ngoại hay tham quan, nếu sức khỏe của trẻ không tốt thì phụ huynh nên thông báo với giáo viên.
- Trường hợp đi dã ngoại hay tham quan bằng phương tiện giao thông công cộng, nếu trẻ bị say xe thì phụ huynh nên cho trẻ uống thuốc chống say.
- Học sinh không được phép mang theo những đồ không ghi trong danh sách đồ cần mang theo (ví dụ như máy chơi điện tử…)

プール

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. プールってなに？

体育の時間にプールを使って、水泳をします。　はじめは浅くて小さなプールで遊びながら、水に慣れていきます。中学年（3～4年生）から深くて大きいプールにも入って、いろいろな泳ぎ方を練習します。泳げなくても大丈夫です。

2. いつプールに入るの？

だいたい6月の終わりごろから夏休みの前までです。

※夏休みにプール登校日がある学校もあります。

（　　）月（　　）日から、プールが始まります。✎

いつプールがあってもいいように、**3**の持ち物を用意しておきましょう。

3. なにを持っていくの？

持ち物がそろっていないと、プールに入れないことがあります。早めに準備しておきましょう。どこで買ったらいいかわからない時は、学校の先生に聞きましょう。参観日などにお店の人が学校に来て売るところもあります。

チェック	持っていくもの・注意事項		
	①水着 ※指定のものがある学校もあります。水着の色は紺色の学校が多いです。	女の子は上下がつながっているか上下が分かれていても、おへそが出ない形の水着を着ます。 	 男の子は半ズボンタイプの水着を着ます。（上半身は裸です。）
		※注意：パンツ（下着）は履きません。 見えるところに名前を書いておきましょう。	
	②水泳帽 ※指定のものがある学校もあります。	メッシュ素材のプール用の帽子です。 髪の毛が長い人は、髪の毛をゴムで縛ります。 ※見えるところに名前を書いておきましょう。 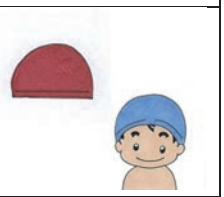	
	③ゴーグル	自分でゴーグルの調整ができるようにしておきましょう。 ※見えるところに名前を書いておきましょう。 	

Bơi lội

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Bơi lội là gì?

Học sinh sẽ bơi ở bể bơi trong tiết học thể chất. Thời gian đầu, học sinh sẽ chơi ở bể bơi nhỏ và nông để làm quen với môi trường nước. Từ lớp giữa trở đi (lớp 3 và lớp 4), học sinh sẽ được luyện tập nhiều cách bơi khác nhau ở bể bơi rộng và sâu hơn. Phụ huynh không cần phải quá lo lắng nếu trẻ không biết bơi.

2. Khi nào có giờ học bơi?

Thông thường, giờ học bơi sẽ bắt đầu từ khoảng cuối tháng 6 đến trước mùa hè.

※Một số trường có ngày đến trường bơi (toukoubi) trong kỳ nghỉ hè.

Bể bơi bắt đầu hoạt động từ ngày（　　）tháng（　　）.✎

Phụ huynh cần chuẩn bị trước cho trẻ những đồ ghi ở mục **3** để trẻ có thể sử dụng bất cứ khi nào bể bơi bắt đầu hoạt động.

3. Học sinh phải mang theo những đồ gì?

Nếu không mang đủ đồ dùng cần thiết, học sinh có thể không được vào bể bơi. Vì vậy, phụ huynh cần chuẩn bị trước đồ cho trẻ. Phụ huynh nên hỏi lại giáo viên nếu không biết địa điểm mua đồ. Ở một số trường, những người bán hàng có thể đến trường để bán đồ vào những ngày như ngày tham quan lớp học…

Xác nhận	Đồ dùng cần mang theo và những điều cần lưu ý		
	① Quần áo bơi ※ Một số trường có quy định về quần áo bơi. Nhiều trường quy định màu quần áo bơi là màu xanh đậm.	Học sinh nữ mặc quần áo bơi liền thân hoặc quần áo bơi rời nhưng không hở rốn.	Học sinh nam mặc quần đùi bơi (phía trên không mặc)
		※Lưu ý: Không được mặc đồ lót. Ghi tên vào vị trí có thể nhìn thấy được trên quần áo.	
	② Mũ bơi ※ Một số trường có quy định về mũ bơi.	Mũ dạng lưới dùng khi bơi. Học sinh tóc dài thì buộc tóc bằng dây chun. ※Ghi tên vào vị trí có thể nhìn thấy được trên mũ. 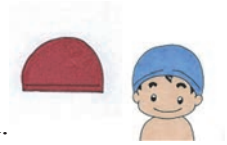	
	③ Kính bơi	Chuẩn bị kính bơi mà trẻ có thể tự điều chỉnh được kích cỡ. ※Ghi tên vào vị trí có thể nhìn thấy được trên kính.	

	④タオル	濡れた体をふくためのタオルです。 着替えるときに体を隠したい場合には、ゴムの入っているラップタオルを用意しましょう。 ※見えるところに名前を書いておきましょう。
	⑤プールバッグ	水着やタオルを入れるバッグです。 プールの後は、水着やタオルが濡れます。 濡れたものを入れても大丈夫なバッグを用意しましょう。（例：ビニールのバッグなど） ※見えるところに名前を書いておきましょう。

注意：浮き輪やボールなど、遊ぶものは持っていきません。

4. プールに入るために

プールがある日は、朝必ず体温を測ってプールに入ってもいいかを判断します。朝は元気でも前の日に熱があったり、病気が治ったばかりだったり、体調が悪いときは無理に入らせないようにしましょう。また、保護者が大丈夫だと思っても、先生の判断で入らせないこともあります。次の手順で子どもの様子を確認しましょう。

①家で　朝、家で子どもの体温を測ります。前日の体調を考えて子どもがプールに入ってもいいか、保護者が判断してください。

プールカードがある場合は、プールに入れるかどうかをカードに記入します。保護者の印鑑やサインが必要な小学校もあります。どんな手続きが必要か、先生に確認しましょう。プールに入るととてもつかれます。体調を整えるために当日だけでなく前の日もできるだけ早く寝かせましょう。

②小学校で　プールカードがある場合は記入したものを先生に提出します。学校でも健康観察などで、再度子どもの健康状態を把握します。体調が良くても持ち物を忘れたり、体温を測り忘れたり、プールカードを忘れるとプールには入れません。よく確認しましょう。

⚠ こんなとき・こんな人はプールに入れません

- けがをしているとき（ばんそうこうを貼っているときも入れません）
- 熱があるとき（朝熱がなくても、前の日に熱があったら子どもの様子を見て判断してください）
- ぎょう虫検査を受けていないとき、または検査の結果が陽性で治療をしていないとき
  （p１０５「ぎょう虫検査」のページを見てください）
- 腹痛　・下痢　・水いぼ　・飛びひ
- 結膜炎　・頭シラミ　・中耳炎
- 心臓病　・腎臓病
- 結核　・肺炎

感染する恐れがありますので、必ず医師の指示に従いましょう。

	④ Khăn tắm	Khăn dùng để lau khô người. Nếu học sinh muốn che người khi thay quần áo thì có thể chuẩn bị khăn tắm quây có dây chun. ※Ghi tên vào vị trí có thể nhìn được trên khăn tắm.
	⑤ Túi đựng đồ	Túi dùng để đựng quần áo tắm và khăn tắm. Sau khi ra khỏi bể bơi, quần áo tắm và khăn tắm sẽ bị ướt. Do đó, cần chuẩn bị túi phù hợp để đựng đồ ướt (ví dụ như túi nilon). ※Ghi tên vào vị trí có thể nhìn thấy được trên túi.

Lưu ý: Không mang theo những đồ để chơi như phao bơi, bóng…

4. Chuẩn bị trước khi vào bể bơi

Vào ngày bơi, phụ huynh cần đo nhiệt độ cơ thể của trẻ vào buổi sáng và phán đoán xem trẻ có thể vào bể bơi được không. Nếu trẻ bị sốt trước ngày bơi hoặc vừa mới khỏi ốm thì phụ huynh cũng không nên cho trẻ vào bể bơi cho dù buổi sáng hôm đó cơ thể của trẻ khỏe mạnh. Ngoài ra, mặc dù phụ huynh nhận định là trẻ không có vấn đề nhưng trẻ vẫn có thể không được vào bể bơi theo phán đoán của giáo viên. Phụ huynh cần kiểm tra tình trạng sức khỏe của trẻ theo các bước dưới đây.

① Ở nhà

Phụ huynh đo nhiệt độ cơ thể của trẻ vào buổi sáng. Sau đó, dựa trên tình hình sức khỏe ngày hôm trước của trẻ để phán đoán xem trẻ có thể vào bể bơi hay không.

Trường hợp có thẻ bơi (pool card), phụ huynh sẽ ghi vào thẻ xem trẻ có thể vào bể bơi được không. Một số trường yêu cầu chữ ký hoặc con dấu của phụ huynh. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên về những thủ tục cần thiết. Trẻ có thể sẽ rất mệt sau khi vào bể bơi. Do đó, để sức khỏe trẻ được tốt, phụ huynh nên cho trẻ ngủ sớm không chỉ ngày hôm đó mà cả ngày hôm trước nữa.

② Ở trường

Trường hợp có thẻ bơi, phụ huynh cần ghi thông tin và nộp cho giáo viên.

Nhà trường sẽ kiểm tra lại tình trạng sức khỏe của trẻ bằng việc khám sức khỏe.

Nếu tình trạng sức khỏe của trẻ tốt nhưng quên mang theo đồ, quên không đo nhiệt độ cơ thể hoặc quên thẻ bơi thì trẻ cũng không được vào bể bơi. Phụ huynh cần xác nhận thông tin này.

⚠ Những trường hợp không được phép vào bể bơi.

- Khi học sinh bị thương (Những học sinh đeo băng gạc cũng không được vào bể bơi)
- Khi học sinh bị sốt (Phụ huynh nên quan sát tình trạng sức khỏe của trẻ để phán đoán trong trường hợp trẻ không bị sốt vào ngày đi bơi nhưng bị sốt vào ngày hôm trước)
- Khi trẻ chưa tham gia xét nghiệm bệnh giun kim hoặc khi kết quả xét nghiệm là dương tính nhưng trẻ không điều trị (Tham khảo nội dung "Xét nghiệm bệnh giun kim (Gyouchuu kensa)" ở trang 106).

• Đau bụng	• Đi ngoài	• Mụn nước	• Bệnh chốc lở
• Viêm kết mạc	• Chấy đầu	• Viêm tai giữa	
• Bệnh tim	• Bệnh thận		
• Bệnh lao	• Viêm phổi		

Chúng mình nên tuân theo chỉ thị của bác sỹ để tránh lây nhiễm sang người khác nhé!

がつ　　にち　　ようび	おうちのひとのサイン

（　　）今日（きょう）は プールに 入（はい）ります。

（　　）今日（きょう）は プールに 入（はい）りません。

わるいところ	りゆう	チェック
✏わるいところをマークしてください。	かぜを ひきました。	
	ねつが あります。	
	おなかが いたいです。	
	けがを しました。	
	びょうき です。 （　　）	

Tháng Ngày Thứ	Chữ ký phụ huynh

( ) Hôm nay con sẽ vào bể bơi.

( ) Hôm nay con không vào bể bơi.

Cơ thể không khỏe	Lý do	Xác nhận
✏Hãy đánh dấu vào ô thích hợp.	Con bị cảm	
	Con bị sốt	
	Con đau bụng	
	Con bị thương	
	Con bị ốm ( )	

防災訓練・避難訓練

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 防災訓練・避難訓練

小学校では、いつ起きるか分からない災害に備えて、普段から防災教育を行っています。近いうちに起きると言われている東海地震に対する訓練だけではなく、火災や津波、不審者に対する訓練もあります。しかし、災害は小学校にいるときに起きるとは限りません。家庭でも災害時にどのように対応するのか家族みんなで確認しておきましょう。また、災害時に備えて食糧や生活用品を備えておきましょう。

2. 災害時対応について　地震

(1)東海地震に関する情報の種類

「東海地震に関する情報」については、気象庁のホームページで公表される他にテレビやラジオ、あるいは、自治体の防災無線などを通して、住民に知らされます。ただし、必ず予測されるものとは限りません。情報がなくても突然地震が起きる可能性もあります。

①東海地震予知情報

東海地震が発生するおそれがあると認められ、警戒宣言が発せられた場合に発表されます。

すべての小学校では、東海地震予知情報が発表された場合には休みとなります。小学校に子どもがいるときに発表された場合にはすぐに迎えに行きます。

その他、住民の避難や交通規制の実施、店の営業中止などの対策が行われます。

②東海地震注意情報

東海地震が発生する前兆現象がおきている可能性が高まった場合に発表されます。

すべての小学校では、東海地震注意情報が発表された場合には休みとなります。小学校に子どもがいるときに発表された場合にはすぐに迎えに行きます。

(2)引き渡し

- 地震が発生したとき、必ず誰かが子どもを迎えに行くことができるようにしておきましょう。
- 実際に、子どもを迎えに行ったら勝手に連れて帰ってはいけません。先生に連れて帰ることを伝えてから帰りましょう。
- 引き渡しの訓練も行われます。保護者も参加して、どのような流れで迎えに行くのかを確認しておきます。ぜひ訓練に参加しましょう。

Huấn luyện phòng chống thiên tai (Bousai kunren) và Huấn luyện lánh nạn (Hinan kunren)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Phòng chống thiên tai (Bousai kunren) và Huấn luyện lánh nạn (Hinan kunren)

Nhà trường tổ chức huấn luyện phòng chống thiên tai cho học sinh để phòng trường hợp thiên tai xảy ra bất ngờ. Nhà trường không chỉ huấn luyện để đối phó với động đất Toukai được dự đoán sẽ xảy ra trong tương lai gần mà còn huấn luyện để đối phó với hỏa hoạn, sóng thần và kẻ khả nghi. Tuy nhiên, thiên tai không chỉ xảy ra khi học sinh ở trường. Mỗi gia đình nên biết cách để đối phó khi thiên tai xảy ra. Ngoài ra, mỗi gia đình cũng cần dự trữ lương thực và đồ dùng sinh hoạt cần thiết trong trường hợp có thiên tai xảy ra.

2. Đối phó khi có thiên tai　Động đất

(1) Những thông tin liên quan đến động đất Tokai (Toukai jishin)

"Thông tin liên quan đến động đất Tokai" không chỉ được công bố trên trang web của cục khí tượng mà còn được thông báo đến người dân thông qua tivi, đài hoặc sóng vô tuyến về phòng chống thiên tai của địa phương. Tuy nhiên, không phải lúc nào thiên tai cũng được dự báo trước. Động đất có thể xảy ra đột ngột mà không có dự báo trước.

① Thông tin dự báo động đất Tokai (Tokai jishin yochi jouhou)

Thông tin được công bố khi động đất Toukai được nhận định là có nguy cơ xảy ra và khi xuất hiện cảnh báo (keikai sengen).

Tất cả các trường học sẽ đóng cửa khi thông tin dự báo động đất Tokai được công bố. Trong trường hợp này, nếu trẻ đang ở trường, phụ huynh phải đến trường đón trẻ ngay lập tức.

Ngoài ra, khi đó sẽ có nhiều đối sách được thực hiện như người dân đi lánh nạn, triển khai các quy luật giao thông hay các cửa hàng ngừng kinh doanh.

② Thông báo chú ý động đất Toukai (Toukai jishin chuui jouhou)

Thông báo này được công bố khi có khả năng cao xảy ra các hiện tượng báo hiệu trước động đất Toukai.

Tất cả các trường học sẽ đóng cửa nếu thông báo chú ý động đất Toukai được công bố. Trong trường hợp này, phụ huynh phải đến trường đón trẻ ngay lập tức nếu trẻ đang ở trường.

(2) Đến trường đón trẻ

- Trường hợp có động đất xảy ra, phụ huynh phải sắp xếp người đến trường đón trẻ.
- Phụ huynh không được tự ý đưa trẻ về khi đến trường đón trẻ. Phụ huynh cần thông báo với giáo viên trước khi đưa trẻ về.
- Nhà trường sẽ tổ chức huấn luyện việc đón trẻ. Phụ huynh nên tham gia buổi huấn luyện này để hiểu được quy trình đón trẻ ở trường.

運動会

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 運動会ってなに？

運動会とは、体育的な行事です。いろいろな運動競技を行います。団体競技や個人競技がありますが、運動能力を競い合うだけではなく、団結力を高めることなども目的としています。運動会の日が近づくと、子どもたちは競技の練習をします。子どもたちは、運動会に、家族が来て応援してくれるのを楽しみにしています。ぜひ見にいきましょう。

学校によって運動会を行う時期が異なります。５月や９月に行う学校があります。

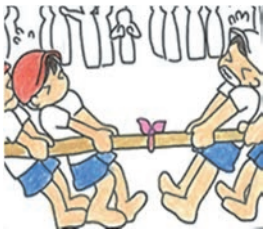

2. だれが参加するの？

(1)子ども

子どもは、みんな運動会に参加します。

(2)家族や親戚

日本では、多くの家族が運動会へ行きます。家族は、子どもの様子を見て楽しんだり、子どもの成長を感じたりすることができます。また、保護者はＰＴＡ（p.１３７）のメンバーとして競技に参加することもあります。おじいさん・おばあさんなど親戚の人も、運動会を見学することができます。家族も親戚も、小学校が決めた保護者席で運動会を見学します。

※この他、地域の方を招待する学校もあります。

3. どこでするの？

小学校の運動場で運動会をすることが多いです。

4. なにをするの？

(1)開会式

はじめに、開会式をします。開会式では、校長先生があいさつをします。また、運動会についての注意事項も伝えられます。

Đại hội thể thao (Undoukai)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Đại hội thể thao (Undoukai) là gì?

Đại hội thể thao là một hoạt động thể chất. Học sinh sẽ thi đấu nhiều môn thể thao khác nhau. Có các môn thi đấu đồng đội và các môn thi đấu cá nhân. Mục đích của đại hội thể thao không chỉ là để thi đấu khả năng vận động mà còn giúp đẩy mạnh tinh thần đoàn kết giữa các học sinh. Học sinh sẽ luyện tập các môn thể thao trước khi đại hội thể thao bắt đầu. Trẻ rất háo hức mong chờ đến đại hội thể thao vì gia đình sẽ đến trường cổ vũ. Vì vậy, phụ huynh nên đến để cổ vũ cho trẻ.

Thời điểm tổ chức đại hội thể thao khác nhau tùy theo từng trường. Một số trường tổ chức vào tháng 5 hoặc tháng 9.

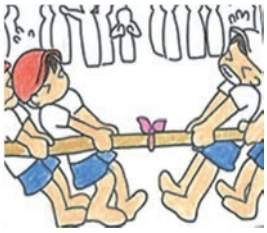

2. Ai tham gia đại hội thể thao?

(1) Học sinh

Tất cả học sinh đều tham gia đại hội thể thao.

(2) Gia đình và người thân

Ở Nhật, rất nhiều gia đình tham gia đại hội thể thao. Thành viên trong gia đình có thể thấy được trẻ hoạt động như thế nào và cảm nhận được sự phát triển của trẻ. Ngoài ra, có một số phụ huynh tham gia vào các môn thi đấu trong đại hội thể thao với tư cách là thành viên hội phụ huynh và học sinh PTA (trang 138). Người thân trong gia đình như ông bà cũng có thể tham gia vào đại hội thể thao. Phụ huynh và người thân của học sinh sẽ ngồi xem ở vị trí ghế phụ huynh do nhà trường quy định.

※Một số trường mời người dân sinh sống trong khu vực.

3. Đại hội thể thao được tổ chức ở đâu?

Hầu hết các trường thường tổ chức đại hội thể thao ở sân vận động của nhà trường.

4. Đại hội thể thao diễn ra như thế nào?

(1) Lễ khai mạc (Kaikaishiki)

Đầu tiên diễn ra lễ khai mạc. Hiệu trưởng nhà trường phát biểu trong lễ khai mạc. Hiệu trưởng cũng thông báo về những điều cần lưu ý trong đại hội thể thao.

⑵競技・ダンス

次に、競技やダンスをします。子どもたちは、決められた競技・ダンスに参加します。

子どもの学年や学級によって、どの競技・ダンスに参加するかが違います。自分の子どもが、どの競技・ダンスに参加するのかを、確認しておきましょう。（前もって配られる「運動会のプログラム」を見てください。）子どもたちが、がんばる様子をしっかり見てあげてくださいね。

⑶閉会式

最後に、閉会式をします。閉会式では、校長先生があいさつをします。運動会をがんばった子どもたちを、きっとほめてくれます。全校児童をチームに分けて、チーム対抗戦を行っている場合には、成績発表もあります。優勝チームは賞がもらえます。

子どもたちはこんな競技をします（例）

徒競争・・・短距離走です。ゴールまでの速さを競います。

つなひき・・・二つのチームが１本の綱を両側から引き合います。チームで力を合わせて行う団体競技です。

騎馬戦・・・チーム対抗の団体競技です。4人１組一つの騎馬を作ります。3人が手を組んで土台を作り、1人がその上に乗ります。相手チームの騎馬の上に乗っている子どもの帽子を取り合います。動きが激しいため裸足で行います。

5. なにを着ていくの？持っていくの？

⑴子どもの服装

①体操服

②運動靴（新しい運動靴ではなく、履きなれたいつもの靴をはきましょう）

③赤白帽子

④フェイスタオル

⑵子どもの持ち物

①水筒　（p.１３１　「お弁当・水筒」のページを見てください）

［注意］水筒にはお茶かお水を入れましょう。

⑶保護者の服装

保護者が競技に参加することもあります。動きやすい服を着ましょう。また、運動靴を持っていきましょう。

(2) Các môn thi đấu và nhảy múa

Tiếp theo là thời gian thi đấu và nhảy múa. Học sinh sẽ tham gia thi đấu và nhảy múa theo quy định của nhà trường.

Học sinh thi đấu và nhảy múa nội dung khác nhau tùy theo từng khối lớp và lớp học. Phụ huynh cần xác nhận trước xem con mình sẽ tham gia môn thi đấu và nhảy múa nào (Phụ huynh cần xem thông báo "Chương trình đại hội thể thao" đã được nhà trường phát trước đó). Phụ huynh nên theo dõi để khuyến khích và động viên sự cố gắng của trẻ.

(3) Lễ bế mạc (Heikaishiki)

Cuối cùng diễn ra lễ bế mạc. Hiệu trưởng nhà trường sẽ phát biểu trong lễ bế mạc. Hiệu trưởng sẽ tuyên dương những học sinh đã cố gắng trong đại hội thể thao. Trường hợp tất cả học sinh được chia thành nhóm để thi đấu thì kết quả sẽ được công bố. Đội chiến thắng sẽ nhận được giải thưởng.

Những môn thi đấu mà trẻ tham gia (ví dụ)

Thi chạy (Tokyousou) • • • Chạy cự ly ngắn. Thi đấu tốc độ chạy đến đích.

Kéo co (Tsunahiki) • • • Hai đội kéo một sợi dây từ hai phía. Đây là môn thi đấu đồng đội mà cả đội phải cùng hợp sức.

Kỵ mã chiến (Kibasen) • • • Là môn thi đấu đồng đội giữa các đội. Một nhóm gồm 4 người sẽ tạo thành một kỵ mã. Trong mỗi đội, 3 người sẽ khoác tay nhau để tạo thành khối và người còn lại sẽ ngồi trên đó. Mỗi đội sẽ có một người ngồi trên và những người này sẽ giành lấy mũ của nhau. Vì các đội phải di chuyển nhiều nên mọi người sẽ cởi giày của mình ra.

5. Trang phục như thế nào và mang theo những đồ gì?

(1) Trang phục của học sinh

① Quần áo thể dục

② Giầy thể thao

(không phải giày mới mà nên đi giày trẻ đã đi quen)

③ Mũ màu trắng đỏ

④ Khăn lau mặt

(2) Những đồ dùng học sinh cần mang theo

① Bình nước (Tham khảo nội dung "Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)" ở trang 132).

［Lưu ý］ Chỉ mang theo trà hoặc nước.

(3) Trang phục của phụ huynh

Phụ huynh cũng có thể tham gia vào các môn thi đấu. Do đó, phụ huynh nên mặc trang phục dễ vận động. Phụ huynh cũng nên mang theo giầy thể thao.

(4)保護者の持ち物

①水筒　（p.１３１　「お弁当・水筒」のページを見てください）

［注意］アルコールは禁止です。

②お弁当　（p.１３１　「お弁当・水筒」）のページを見てください）

［注意］昼食の時間は決められています。保護者がお弁当を持って行って子どもと一緒に食べる学校もあります。子どもと昼食を食べる時には昼食の時間に遅れないように行きます。子どもを連れてお店に食べに行ってはいけません。子どもと一緒に昼食を食べることができない場合は、事前に先生に相談しましょう。

③敷物：保護者席で子ども見るときに使います。(ビニールシート)

④カメラやビデオ：子どもの姿を映したい場合はカメラやビデオを持って行きます。カメラやビデオでの撮影は他の方や競技の邪魔にならないようにしましょう。

6. 早めに行こう！

運動会は決まった時間に始まります。運動会の始まる30分～15分前には、会場へ行きましょう。

7. その他

①運動会の間、子どもたちはクラスのみんなと一緒に活動します。運動会が終わるまでは、子どもを保護者席へ連れだしたり、家へ連れて帰ったりしないでください。

［注意］昼食の時間に保護者席などで、子どもと一緒に昼食を食べることもあります。

②雨が降った場合の対応を、小学校の先生に確認しておきましょう。

③当日の応援席の場所取りや駐車場の使用には制限があります。小学校から連絡がありますので、必ず内容を確認してルールを守りましょう。

④運動会の日は普段に比べ、のどがかわきます。水筒の量を普段よりも多めに持たせてください。

⑤運動会はパーティーではありません。子どもの楽しんでいる様子や成長を感じる場所です。音楽を流したり、バーベキューセットやお酒を持ち込んだりするのは禁止されています。運動場などの競技を見る場所へのビーチパラソルやテントの持ち込みは禁止されています。

⑥運動会の前日に子どもの手足の爪をしっかりと切って参加させてください。また、前日は早めに寝かせるようにしましょう。

(4) Những đồ dùng phụ huynh cần mang theo

① Bình nước (Tham khảo nội dung "Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)" ở trang 132).

［Lưu ý］ Cấm mang theo đồ uống có cồn.

② Cơm hộp (Tham khảo nội dung "Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)" ở trang 132).

［Lưu ý］Thời gian ăn trưa được quy định. Ở một số trường, phụ huynh mang theo cơm hộp và ăn cùng với trẻ. Nếu ăn trưa cùng trẻ thì phụ huynh cần đi đúng giờ để không bị muộn giờ ăn trưa. Phụ huynh không được đưa trẻ đi ăn ở quán ăn hay nhà hàng. Trường hợp không thể ăn trưa cùng trẻ thì phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.

③ Thảm：Dùng để trải khi phụ huynh ngồi xem ở ghế dành cho phụ huynh (thảm nilon).

④ Máy ảnh và máy quay: Phụ huynh nên mang theo máy ảnh hoặc máy quay phim nếu muốn chụp ảnh và quay phim cho trẻ. Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác và ảnh hưởng đến trận đấu khi chụp ảnh hay quay phim.

6. Đi sớm

Đại hội thể thao diễn ra vào đúng thời gian quy định. Phụ huynh nên đến hội trường sớm khoảng 15 phút đến 30 phút trước khi đại hội bắt đầu.

7. Những điều cần lưu ý khác

① Trong suốt thời gian diễn ra đại hội thể thao, trẻ sẽ hoạt động cùng với bạn bè trong lớp. Phụ huynh không nên đưa trẻ vào ghế dành cho phụ huynh hoặc đưa trẻ về nhà trước khi đại hội kết thúc.

[Lưu ý] Trong thời gian ăn trưa, phụ huynh có thể ăn cùng trẻ ở ghế dành cho phụ huynh.

② Phụ huynh cần xác nhận trước với giáo viên nhà trường khi trời mưa.

③ Có quy định đối với khu vực ngồi cỗ vũ và việc sử dụng bãi đỗ xe. Nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh, khi đó, phụ huynh cần xác nhận thông tin và tuân theo các quy định.

④ Trong ngày diễn ra đại hội thể thao, trẻ dễ khát nước hơn ngày thường. Do đó, phụ huynh nên cho trẻ mang trà hoặc nước uống nhiều hơn so với ngày thường.

⑤ Đại hội thể thao không phải là bữa tiệc mà là nơi phụ huynh quan sát trẻ vận động và thấy được sự trưởng thành của trẻ. Phụ huynh không được phép mở nhạc, mang theo đồ nướng BBQ hay rượu. Phụ huynh không được phép mang dù che nắng bãi biển hay lều vào khu vực xem trận đấu như sân vận động…

⑥ Phụ huynh nên cắt móng tay và móng chân cho trẻ trước ngày diễn ra đại hội thể thao. Phụ huynh cũng nên cho trẻ ngủ sớm trước ngày hôm đó.

学習発表会

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 学習発表会ってなに？

学習発表会は、子どもがこれまで学習してきたことを保護者や他の学年の子どもたちに発表する場です。学校によっては生活発表会、合唱祭、学芸会などと名前が変わるところもあります。子どもはたくさんの人の前で劇をしたり、歌を歌ったりします。個人ではなく、クラスごと、グループごとに発表します。子どもが作った作品を展示する作品展のような形で発表の場を設ける場合もあります。

子どもは発表会のために数ヵ月前から何度も学校で練習をします。当日は緊張しながらもがんばる子どもの姿をあたたかく見守ってください。

2. だれが参加するの？

(1) 子ども

子どもは、みんな学習発表会に参加します。

(2) 家族や親戚

日本では、多くの保護者が子どもの発表を見るために、学習発表会に行きます。おじいさん、おばあさん、親戚も見に行くことができます。学校が決めた「保護者席」で発表を見ます。たくさんの人が見に来るので、席はつめて座りましょう。

3. どこでするの？

学校の体育館や、近くの公民館・市民会館で学習発表会をすることが多いです。

4. なにをするの？

(1) 開会式

はじめに、「開会式」をします。開会式では、校長先生や教頭先生があいさつをします。子ども代表のあいさつがある学校もあります。

(2) 学習発表

つぎに、子どもたちが順番に発表をしていきます。劇や歌で発表をすることが多いです。パソコンやプロジェクターを使ったり、楽器を使って演奏をしたりすることもあります。何をやるかは、学校・学年・クラスによってさまざまです。

自分の子どもが、いつ発表するのかを、確認しておきましょう。前もって配られる「学習発表会のプログラム」を見てください。自分の子どもの出番まで、待つこともあります。その時は、他の子どもたちががんばる姿を静かに見ていましょう。上級生の発表を見ると、自分の子どもがこれからどんなことを勉強するのか知ることができます。

(3) 閉会式

さいごに、「閉会式」をします。閉会式では、校長先生や教頭先生があいさつをします。子ども代表のあいさつがある学校もあります。

Ngày hội văn hóa (Gakushuu happyoukai)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Ngày hội văn hóa (Gakushuu happyoukai) là gì?

Ngày hội văn hóa là ngày mà học sinh sẽ phát biểu trước phụ huynh và các học sinh lớp khác về những nội dung đã học từ trước đến giờ. Mỗi trường sẽ có tên gọi sự kiện này khác nhau như Seikatsu happyoukai, Gakushuusai hay Gakugeikai… Học sinh sẽ diễn kịch và ca hát trước nhiều người. Học sinh không biểu diễn cá nhân mà biểu diễn theo từng nhóm. Một số trường tổ chức ngày hội văn hóa theo hình thức triển lãm các tác phẩm do học sinh tự làm.

Để chuẩn bị cho ngày hội văn hóa, học sinh phải luyện tập rất nhiều lần ở trường từ vài tháng trước khi diễn ra sự kiện. Phụ huynh cần động viên, cổ vũ vì sự nỗ lực và cố gắng của trẻ.

2. Ai giam gia ngày hội văn hóa?

(1) Học sinh

Tất cả học sinh đều tham gia ngày hội văn hóa.

(2) Gia đình và người thân

Ở Nhật, rất nhiều phụ huynh đến ngày hội văn hóa để xem trẻ biểu diễn. Người thân trong gia đình, ông bà cũng có thể tham gia. Phụ huynh và người thân sẽ ngồi xem ở vị trí ghế dành cho phụ huynh (hogoshaseki) do nhà trường quy định. Có rất nhiều người đến xem nên mọi người sẽ phải ngồi gần nhau một chút.

3. Ngày hội văn hóa được tổ chức ở đâu?

Hầu hết các trường thường tổ chức ngày hội văn hóa ở nhà thể chất của trường, trung tâm văn hóa công cộng (kouminkan) hay hội trường thành phố (shimin kaikan) ở gần trường.

4. Ngày hội văn hóa diễn ra như thế nào?

(1) Lễ khai mạc (Kaikaishiki)

Đầu tiên diễn ra lễ khai mạc. Hiệu trưởng hoặc hiệu phó nhà trường phát biểu trong lễ khai mạc. Một số trường còn có bài phát biểu của học sinh đại diện.

(2) Biểu diễn

Tiếp theo, các học sinh biểu diễn theo thứ tự. Thông thường, học sinh sẽ diễn kịch hoặc ca hát. Học sinh có thể sử dụng máy tính, máy chiếu hoặc các nhạc cụ âm nhạc để biểu diễn. Nội dung biểu diễn sẽ khác nhau tùy theo từng trường, khối lớp và lớp học.

Phụ huynh cần xác nhận trước thời gian biểu diễn của con mình. Phụ huynh có thể xem thông tin “Chương trình ngày hội văn hóa” đã được nhà trường phát trước đó. Trong khi chờ đến lượt con mình, phụ huynh có thể xem phần biểu diễn của các học sinh khác Thông qua nội dung biểu diễn của các học sinh lớp lớn, phụ huynh có thể biết được nội dung con mình sẽ học tiếp theo.

(3) Lễ bế mạc (Heikaishiki)

Cuối cùng diễn ra lễ bế mạc. Hiệu trưởng hoặc hiệu phó nhà trường phát biểu trong lễ bế mạc. Một số trường còn có bài phát biểu của học sinh đại diện.

5. 学習発表会までに準備・練習しておくこと　※難しい時は早めに先生に相談しましょう。

(1)台詞

学習発表会で子どもが話すことや台詞を家で覚えてくるという宿題が出ることがあります。

(2)衣装・道具

家庭で必要な衣装や道具を準備することがあります。

6. なにを着ていくの？

(1)子どもの服装

普段、学校に行く服装と同じです。衣装には学校で着替えます。

(2)保護者の服装

学習発表会は式典ではありません。服装もカジュアルな服装でかまいません。しかし、学校は「学ぶ場所」です。たくさんの汚れがついている服、ジャージ、肌の露出が多い服、ドレスなどは控えましょう。

(3)保護者の持ち物

①学習発表会のプログラム

②スリッパ

③カメラやビデオ

子どもの姿を映したい場合はカメラやビデオを持って行きます。

カメラやビデオでの撮影は他の方や発表の邪魔にならないようにしましょう。

7. 早めに行こう！

学習発表会は決まった時間に始まります。遅れて行くと、子どもたちの発表を見ている人の迷惑になってしまうので、学習発表会の始まる30分～15分前には会場へ行きましょう。

8. その他

①学習発表会の間、子どもたちは先生やお友だちと一緒に活動します。子どもの発表が終わったからといって、子どもを保護者席へ連れだしたり、家へ連れて帰ったりしないでください。

②移動やトイレは発表と発表のあいだの時間で行きましょう。

③カメラやビデオで撮影をしてもいい学校としてはいけない学校があります。先生に確認をしましょう。撮影をするときは、決められた撮影場所で撮影したり、自分の頭の高さを超えない範囲で撮影をしたりして、他に見ている人や発表の邪魔にならないようにしましょう。

④子どもが間違えて発表してしまったり、失敗してしまうこともあります。その時は責めずに、何度も練習したことややりきったことを認め、ほめたり励ましたりしましょう。

5. Những việc cần làm và luyện tập trước ngày hội văn hóa

※ Học sinh nên trao đổi với giáo viên sớm nếu thấy quá khó.

(1) Lời thoại

Giáo viên có thể giao cho học sinh bài tập về nhà để học sinh luyện tập ở nhà những nội dung và những lời thoại sẽ nói trong ngày hội văn hóa.

(2) Trang phục và dụng cụ

Học sinh có thể phải chuẩn bị trang phục và dụng cụ cần thiết từ nhà.

6. Trang phục như thế nào?

(1) Trang phục của học sinh

Học sinh mặc trang phục thường ngày mặc khi đến trường. Học sinh sẽ thay trang phục biểu diễn ở trường.

(2) Trang phục của phụ huynh

Ngày hội văn hóa không phải là một buổi lễ. Phụ huynh có thể mặc trang phục thường ngày. Tuy nhiên, trường học là "Nơi để học". Vì vậy, phụ huynh nên tránh mặc quần áo bẩn, quần áo thun, quần áo hở hang hay váy dạ hội…

(3) Những đồ phụ huynh cần mang theo

① Chương trình ngày hội văn hóa

② Dép đi trong nhà

③ Máy ảnh và máy quay

Phụ huynh nên mang theo máy ảnh hoặc máy quay nếu muốn chụp ảnh và quay phim cho con mình.

Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi chụp ảnh hay quay phim.

7. Đi sớm

Ngày hội văn hóa diễn ra vào đúng thời gian quy định. Phụ huynh nên đến hội trường sớm 15 đến 30 phút trước khi sự kiện bắt đầu để tránh làm ảnh hưởng đến những người đang xem học sinh biểu diễn.

8. Những điều cần lưu ý khác

① Trong suốt thời gian diễn ra ngày hội văn hóa, trẻ sẽ hoạt động cùng với giáo viên và bạn bè mình. Phụ huynh không nên đưa trẻ vào ghế dành cho phụ huynh hoặc đưa trẻ về nhà kể cả sau khi phần biểu diễn của trẻ kết thúc.

② Phụ huynh nên di chuyển hoặc đi vệ sinh trong khoảng thời gian giữa các phần biểu diễn.

③ Có trường cho phép chụp ảnh và quay phim nhưng cũng có trường không cho phép chụp ảnh và quay phim. Phụ huynh cần xác nhận thông tin này với giáo viên. Phụ huynh nên chụp ảnh và quay phim ở khu vực cho phép hoặc trong phạm vi không cao hơn đầu mình để tránh làm ảnh hưởng đến những người đang xem biểu diễn và ảnh hưởng đến buổi biểu diễn.

④ Học sinh có thể nhầm lẫn khi biểu diễn. Trong trường hợp này, phụ huynh không nên trách mắng trẻ, nên công nhận, khen ngợi và động viên sự nỗ lực, cố gắng của trẻ.

野外学習

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 野外学習の目的

小学校５年生は１泊２日または２泊３日の野外学習に行きます。家や小学校を離れて、豊かな自然の中での集団生活を体験することにより、自然に親しみ、友だちとの交流を深めることが目的です。

2. どこに泊まるの？

現在では、ほとんどの学校が「少年自然の家」のような宿泊施設を利用します。施設内の敷地で、１泊はテント宿泊を体験するところもあります。

3. なにをするの？

野外学習では、次のような活動を行います。

［活動の例］

- （登山）山に登ります。
- （オリエンテーリング）グループごとに、目印を見つけながら制限時間内にゴールを目指すスポーツです。
- （飯盒炊さん）自分たちでご飯を炊いたり、食事を作って食べます。
- （キャンプファイヤー）焚き火を囲んで、ゲームをしたり歌を歌ったりします。

4. 気をつけること

- 学校から事前に「持ち物リスト」が配布されます。よく確認して、忘れ物のないように早めに準備をしましょう。宿泊するので、大きいバッグが必要です。キャスターがついたかばんはいけません。
- 子どもはみんな野外学習をとても楽しみにしています。当日、病気で休むことがないように体調を整えるようにしましょう。
- 野外学習では、集団で入浴や食事をします。宗教的な理由やアレルギーで食べられないものがあったり、何か心配なことがあれば事前に先生に相談しましょう。
- 途中で体調が悪くなった場合には、保護者に迎えにきてもらうことになります。必ず連絡がとれるようにしておいてください。
- 薬を持たせる場合は事前に学校に届け出が必要です。学校に連絡せずに持たせてはいけません。

Học ngoại khóa (Yagai gakushuu)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Mục đích của học ngoại khóa

Học sinh lớp 5 sẽ đi học ngoại khóa trong thời gian 2 ngày 1 đêm hoặc 3 ngày 2 đêm. Mục đích của học ngoại khóa là giúp học sinh gần gũi với thiên nhiên và có cơ hội giao lưu thân thiết với bạn bè thông qua trải nghiệm xa gia đình và nhà trường để sinh hoạt tập thể trong môi trường thiên nhiên phong phú.

2. Học sinh sẽ ở đâu?

Hiện tại, nhiều nhà trường sử dụng nhà nghỉ như Trung tâm thiếu niên (Shounen shizen no ie). Trong khu vực nhà nghỉ, học sinh có thể có cơ hội trải nghiệm ở lều trong một đêm.

3. Học sinh sẽ làm gì?

Trong thời gian học ngoại khóa, học sinh sẽ tham gia những hoạt động như dưới đây.

[Ví dụ]

- (Tozan): Leo núi
- (Orienteering): Là môn thể thao chơi theo nhóm, người chơi sẽ tìm vị trí đánh dấu và đến đích trong khoảng thời gian quy định.
- (Hangousuisan /nấu cơm bằng bếp lửa): Học sinh tự nấu cơm, nấu thức ăn và ăn cùng nhau.
- (Campfire): Học sinh cùng ngồi quanh đống lửa, chơi trò chơi và ca hát.

4. Những điều cần lưu ý

- Nhà trường sẽ phát trước danh sách những đồ cần mang theo. Phụ huynh cần kiểm tra kỹ và chuẩn bị sớm để không quên bất cứ đồ gì. Bởi vì trẻ sẽ ở lại qua đêm nên cần phải mang theo túi cỡ lớn. Trẻ không được mang theo cặp có gắn bánh xe.
- Trẻ rất háo hức mong chờ buổi học ngoại khóa. Phụ huynh nên chú ý đến sức khỏe của trẻ để trẻ không bị ốm vào ngày hôm đó.
- Trong thời gian học ngoại khóa, trẻ sẽ tắm và ăn tập thể. Nếu có bất cứ lo lắng gì như trẻ không ăn được đồ ăn do dị ứng hoặc vì lý do tôn giáo, phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.
- Trường hợp trẻ có vấn đề về sức khỏe trong thời gian học ngoại khóa thì phụ huynh phải đến đón trẻ. Phụ huynh cần giữ liên lạc để nhà trường có thể liên lạc được bất cứ lúc nào.
- Trường hợp phụ huynh cho trẻ mang theo thuốc thì cần thông báo trước với nhà trường. Trẻ không được phép mang theo thuốc nếu chưa thông báo với nhà trường.

修学旅行

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 修学旅行の目的

小学校６年生は、１泊２日の修学旅行に行きます。修学旅行は遊びに行くのではありません。文化的遺産などを見学し伝統にふれることにより、日本の歴史や文化に対する関心を深めることが目的です。

2. どこに泊まるの？

ホテルや旅館、民宿などの宿泊施設に泊まります。宿泊施設では集団で朝・晩の食事や入浴をします。宗教的な理由やアレルギーで食べられないものがあったり、心配なことがあれば旅行前に先生に相談しましょう。

3. どこに行くの？

［愛知県の小学校の行き先の例です。］

- 京都［清水寺、金閣寺、銀閣寺、二条城など］
- 奈良［奈良公園、東大寺、法隆寺など］
- 三重［伊勢神宮、志摩スペイン村、鳥羽水族館など］

4. 気をつけること

- 一度に多額の出費を避けるため、修学旅行代として毎月一定の金額を集金し積み立てをすることがあるので予算を確保しましょう。
- 子どもはみんな修学旅行を楽しみにしています。当日病気で休むことがないように体調を整えるようにしましょう。
- 事前に小学校で配布される持ち物リストをチェックし、早めに持ち物の準備をしましょう。宿泊するので、大きいバッグが必要です。キャスターがついたかばんはいけません。
- 神社・仏閣を見学することがあるので、宗教的な理由で見学できない場合には事前に先生に相談しましょう。
- 途中で体調が悪くなった時や緊急時に必ず連絡があります。保護者は連絡が取れるようにしておいてください。
- おやつや小遣いを持っていくことができる学校が多いです。しかし金額が決まっています。決められた額以上は持たせないようにしましょう。

Du lịch cuối khóa (Shuugaku ryokou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Mục đích của du lịch cuối khóa

Học sinh lớp 6 sẽ đi du lịch cuối khóa trong thời gian 2 ngày 1 đêm. Du lịch cuối khóa không có nghĩa là học sinh đi chơi. Mục đích của du lịch cuối khóa là để khuyến khích học sinh quan tâm đến lịch sử và văn hóa Nhật Bản thông qua việc tham quan các di sản văn hóa và tiếp xúc với nền văn hóa truyền thống.

2. Học sinh sẽ ở đâu?

Học sinh sẽ nghỉ qua đêm ở khách sạn, nhà nghỉ (ryokan)【Một kiểu nhà nghỉ truyền thống của Nhật Bản】, nhà trọ (minshuku)… Học sinh sẽ cùng nhau ăn sáng, ăn tối và tắm bồn. Nếu có bất cứ lo lắng gì như trẻ không ăn được đồ ăn do dị ứng hoặc vì lý do tôn giáo, phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.

3. Học sinh sẽ đi đâu?

[Dưới đây là ví dụ của một trường tiểu học trong tỉnh Aichi]

- Kyoto [Kiyomizu dera (Chùa Kiyomizu), Kinkaku ji (Chùa Kinkaku),
  Ginkaku ji (Chùa Ginkaku), Nijyou jyou (Thành Nijyou)…]
- Nara [Nara kouen (Công viên Nara), Toudai ji (Chùa Toudai),
  Houryuu ji (Chùa Houryuu)…]
- Mie [Ise jingu (Thần cung Ise),
  Shima Spain mura (Làng Tây Ban Nha Shima),
  Toba suizokukan (Thủy cung Toba)…]

4. Những điều cần lưu ý

- Để tránh phải chi quá nhiều tiền trong một lần, nhà trường sẽ thu một số tiền nhất định hàng tháng. Do đó, phụ huynh cần đảm bảo ngân sách.
- Trẻ rất háo hức mong chờ buổi du lịch cuối khóa. Phụ huynh nên chú ý đến sức khỏe của trẻ để trẻ không bị ốm vào ngày hôm đó.
- Phụ huynh cần kiểm tra danh sách đồ cần mang theo được nhà trường phát từ trước và chuẩn bị từ sớm. Bởi vì trẻ sẽ ở lại qua đêm nên cần phải mang theo túi cỡ lớn. Trẻ không được mang theo cặp có gắn bánh xe.
- Học sinh có thể đi tham quan đền (jinja) hoặc miếu thờ (bukkaku). Phụ huynh cần trao đổi trước với nhà trường nếu trẻ không thể tham quan được vì lý do tôn giáo.
- Nhà trường có thể liên lạc với phụ huynh khi trẻ có vấn đề về sức khỏe trong thời gian đi du lịch hoặc trong trường hợp khẩn cấp. Phụ huynh cần giữ liên lạc để nhà trường có thể liên lạc được bất cứ lúc nào.
- Nhiều trường cho phép học sinh mang theo đồ ăn vặt hoặc tiền. Tuy nhiên, học sinh chỉ được mang một số tiền nhất định. Phụ huynh không nên cho trẻ mang nhiều tiền hơn số tiền quy định.

卒業式

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 卒業式ってなに？

卒業式は、子どもたちが小学校での教育課程を終えたことをお祝いする式です。また、お世話になった小学校の先生たちとお別れをする式です。

卒業式は、宗教的な行事ではありません。

2. いつするの？

卒業式は、3月ごろに行われます。

（日本の小学校の1年は、4月に始まって3月に終わります。）

［注意］卒業式は、土曜日に行われることもあります。

3. だれが参加するの？

①子ども

子どもたちはみんな参加します。土曜日に行われる場合でも、みんな参加します。

②保護者

日本では、ほとんどの保護者が卒業式に出席します。

［注意］祖父母など親戚を含めた大人数での参加は確認しましょう。保護者が卒業式に参加する家族は、保護者以外の人（おじいさん・おばあさん・おじさん・おばさんなど）が卒業式に参加できないことがあります。たくさん行くと、会場に入りきらなかったり、イスの数がたりなかったりするからです。小学校の先生に確認してください。

4. なにをするの？

①校長先生のあいさつ

校長先生が、卒業する子どもたちにむけて、お祝いのメッセージを言います。

②卒業証書授与

校長先生から、卒業する子どもたちに、卒業証書が渡されます。

③教育委員会、来賓のお祝いのことば

教育委員会や来賓の方が、卒業する子どもたちにむけて、お祝いのメッセージを言います。

④卒業生合唱

卒業する子どもたちが、歌をうたいます。この日のために歌の練習をしています。

Lễ tốt nghiệp (Sotsugyoushiki)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Lễ tốt nghiệp (Sotsugyoushiki) là gì?

Lễ tốt nghiệp là buổi lễ chúc mừng học sinh đã hoàn thành quá trình học tập ở trường tiểu học. Đây cũng là buổi lễ học sinh chia tay với bạn bè và giáo viên đã giúp đỡ mình trong suốt thời gian ở trường.

Lễ tốt nghiệp không phải là một sự kiện mang tính tôn giáo.

2. Lễ tốt nghiệp được tổ chức khi nào?

Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào khoảng tháng 3.

(Một năm học ở trường tiểu học của Nhật Bản bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3).

[Lưu ý] Lễ tốt nghiệp có thể được tổ chức vào thứ bảy.

3. Ai tham gia vào lễ tốt nghiệp?

① Học sinh

Tất cả học sinh trong trường đều tham gia. Nếu lễ tốt nghiệp được tổ chức vào thứ bảy thì tất cả học sinh cũng đều tham gia.

② Phụ huynh

Ở Nhật, hầu hết các phụ huynh đều tham gia lễ tốt nghiệp.

[Lưu ý] Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường nếu nhiều thành viên trong gia đình tham gia, bao gồm cả người thân như ông bà… Ngoài bố mẹ ra, một số nhà trường không cho phép người thân trong gia đình (ông, bà, cô, chú…) tham gia. Bởi vì nếu quá nhiều người tham gia thì sẽ không thể vào hết được hội trường hoặc không đủ chỗ ngồi. Phụ huynh cần xác nhận thông tin với giáo viên nhà trường.

4. Lễ tốt nghiệp diễn ra như thế nào?

① Hiệu trưởng nhà trường phát biểu

Hiệu trưởng nhà trường gửi lời chúc mừng đến những học sinh tốt nghiệp.

② Trao bằng tốt nghiệp

Hiệu trưởng nhà trường trao bằng tốt nghiệp cho những học sinh tốt nghiệp.

③ Lời chúc từ ủy ban giáo dục và các khách mời

Ủy ban giáo dục và các khách mời sẽ gửi lời chúc mừng đến những học sinh tốt nghiệp.

④ Học sinh tốt nghiệp hát hợp xướng.

Những học sinh tốt nghiệp hát hợp xướng. Học sinh sẽ luyện tập trước để hát trong lễ tốt nghiệp.

⑤卒業生・在校生お別れの言葉

卒業生・在校生がお互いにお別れのメッセージを言います。

⑥記念撮影

卒業する子どもたち、先生、保護者みんなで写真を撮ります。

5. なにを着よう？なにを持って行こう？

(1)服装

①子ども

フォーマルな服など、少しきちんとした服を着ていくことが多いです。詳しいことは、先生に聞いておきましょう。

②保護者

落ち着いた色・デザインの服を着ましょう。たとえば、女の人なら、色は、黒や紺色がおすすめです。デザインは、ジャケットとスカート、ワンピースなどがおすすめです。

男の人は、黒いスーツがいいです。

女の人も、男の人も、ジーパンやTシャツ、スウェットなどは着ません。

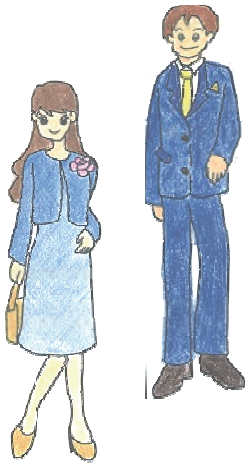

(2)保護者の持ち物

①スリッパ

②ビデオ・カメラ　子どもの姿を映したい場合はカメラやビデオを持って行きます。カメラやビデオでの撮影は他の方の邪魔にならないようにしましょう。

6. その他

(1)早めに行こう！

卒業式では、始まる時間や、プログラムが決まっています。卒業式が始まる 15分ほど前に、小学校に着くようにしましょう。

(2)卒業式の雰囲気

卒業式は、子どもの成長をみんなで喜ぶ式です。また、中学校にむけて新しい出発を静かに見守る式です。パーティーのように、にぎやかな式ではありません。

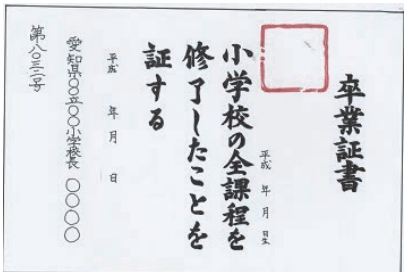

(3)卒業証書

子どもたちが、小学校での教育課程を終えたことを証明するものです。大切に家に持って帰り、失くさないようにしましょう。

⑤ Lời chia tay từ học sinh tốt nghiệp

Học sinh tốt nghiệp gửi cho nhau những lời chia tay.

⑥ Chụp ảnh kỷ niệm

Những học sinh tốt nghiệp, giáo viên và phụ huynh cùng nhau chụp ảnh.

5. Trang phục như thế nào và mang theo những đồ gì?

(1) Trang phục

① Học sinh

Hầu hết học sinh đều mặc trang phục trang trọng, lịch sự. Phụ huynh cần xác nhận chi tiết với giáo viên.

② Phụ huynh

Phụ huynh nên mặc trang phục có màu sắc nhẹ nhàng và thiết kế đơn giản. Ví dụ: Về màu sắc, phụ nữ nên mặc màu đen hoặc màu xanh đậm. Còn về thiết kế, phụ nữ nên mặc áo khoác, váy hoặc đầm.

Đàn ông nên mặc comple màu đen.

Cả phụ nữ và đàn ông không nên mặc quần bò, áo phông hay áo thun…

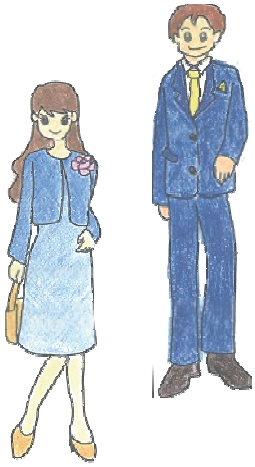

(2) Những đồ phụ huynh cần mang theo

① Dép đi trong nhà

② Máy ảnh hoặc máy quay

Phụ huynh nên mang theo máy ảnh hoặc máy quay phim nếu muốn chụp ảnh và quay phim cho trẻ. Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi chụp ảnh hay quay phim.

6. Những điều cần lưu ý khác

(1) Đi sớm

Thời gian diễn ra lễ tốt nghiệp và chương trình trong buổi lễ được nhà trường quy định trước. Phụ huynh nên đến trường sớm 15 phút trước khi buổi lễ bắt đầu.

(2) Không khí của lễ tốt nghiệp

Lễ tốt nghiệp là buổi lễ mà các phụ huynh đều rất vui mừng vì sự trưởng thành của trẻ. Đây còn là buổi lễ để các phụ huynh lặng lẽ dõi theo một chặng đường mới ở trường trung học cơ sở của trẻ. Đây không phải là một buổi lễ náo nhiệt như bữa tiệc.

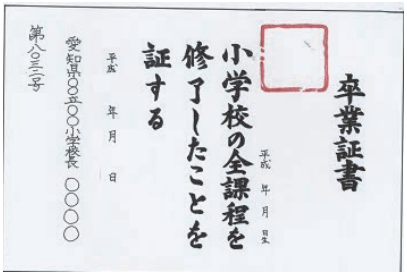

(3) Bằng tốt nghiệp

Bằng tốt nghiệp chứng minh học sinh đã hoàn thành quá trình học tập ở trường tiểu học. Phụ huynh nên mang về nhà và lưu giữ cẩn thận để tránh làm mất.

病気やけがのとき

1．子どもが病気やけがをしたら

家や外で子どもが病気やけがをしたら、落ち着いて対応しましょう。病院が休みの休日や夜間に病気やけがをした場合、医療機関案内サービスを利用しましょう。

外国語での案内サービス

鉄道の駅名または市区町村名を発音すると、一番近い医療機関を、音声またはＦＡＸで自動的に案内します。５ヶ国語（中国語、英語、ポルトガル語、スペイン語、韓国語）に対応しています。

電話・ＦＡＸ：（０５０）５８１０－５８８４

緊急の場合は救急車を呼びましょう。電話番号は「１１９」です。電話をするときには、日本語で話さなければいけません。日本語でうまく説明できないときは、近くの日本語を話せる人に助けを求めましょう。近くに助けを求められる人がいない場合は、簡単な日本語で伝えるようにしましょう。

聞かれる内容　「火災か救急か」
→救急です。
「住所」
→救急車に来てほしい場所を伝えます。
「名前、連絡先」
→かけた人の名前と電話番号
「いつ、誰が、どこで、どうしてけがをしたのか」
→子どもがいつ、どこで、どうしてけがをしたのか言います。
「今どんな状態か」
→見たままの子どもの状態を簡単に言います。

2．病院へ行ったあと

病院で診察を受けたら、医師に小学校に行ってもいいか確認をします。

（1）行けないとき

小学校を休ませて、家で看病します。小学校の先生は、子どものことを心配しています。休むことと病名や症状を具体的に伝えてください。

（2）行けるとき

小学校へ行けるときも、先生に子どもの病名や症状を具体的に伝えましょう。あらかじめ、医師に紙に書いておいてもらうことをおすすめします。

Khi trẻ bị ốm hoặc bị thương

1. Khi trẻ bị ốm hoặc bị thương

Nếu trẻ bị ốm hoặc bị thương khi ở nhà hoặc ở bên ngoài thì phụ huynh cần bình tĩnh xử lý. Trường hợp trẻ bị ốm hoặc bị thương vào ngày bệnh viện đóng cửa hoặc vào ban đêm thì phụ huynh nên sử dụng dịch vụ hướng dẫn của cơ sở y tế (iryou kikan annai).

Dịch vụ hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài

Nếu nói tên ga hoặc tên tỉnh, thành phố thì hệ thống sẽ hướng dẫn tự động cơ sở y tế gần nhất bằng âm thanh hoặc bằng FAX. Dịch vụ có 5 ngôn ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Hàn Quốc).

Điện thoại • FAX: (050) 5810-5884

Phụ huynh cần gọi xe cấp cứu trong trường hợp khẩn cấp. Số điện thoại của xe cấp cứu là “119”. Nếu gọi điện thoại thì phụ huynh phải nói bằng tiếng Nhật. Nếu phụ huynh không thể giải thích được rõ ràng bằng tiếng Nhật thì phụ huynh nên nhờ người có thể nói được tiếng Nhật ở gần đó giúp đỡ. Trường hợp không thể nhờ người gần đó giúp đỡ thì phụ huynh nên sử dụng những câu tiếng Nhật đơn giản để nói chuyện.

Nội dung hội thoại
「Kasai ka kyuukyuu ka」(Hỏa hoạn hay Cấp cứu?)
→ Kyuukyuu desu (Cấp cứu)
「Juusho」(Địa chỉ)
→ Nói địa chỉ mong muốn xe cấp cứu đến.
「Namae, Renrakusaki」(Tên và Số điện thoại liên lạc)
→ Nói tên và số điện thoại của người gọi điện.
「Itsu, Darega, Dokode, Doushite Kega wo Shitanoka」
(Bị thương khi nào? Ở đâu? Ai bị thương? Tại sao bị thương?)
→ Nói thời điểm, địa điểm và lý do trẻ bị thương.
「Ima donna joutai ka」(Tình trạng hiện tại như thế nào?)
→ Nói đơn giản về tình trạng hiện tại của trẻ mà phụ huynh nhìn thấy.

2. Sau khi đến bệnh viện

Sau khi trẻ được bác sỹ khám xong ở bệnh viện, phụ huynh cần hỏi bác sỹ xem trẻ có thể đến trường được không.

(1) Trường hợp trẻ không thể đến trường

Phụ huynh nên cho trẻ nghỉ học và chăm sóc trẻ ở nhà. Giáo viên nhà trường sẽ rất lo lắng cho học sinh. Do đó, phụ huynh cần thông báo với giáo viên việc trẻ nghỉ học, tên bệnh và thông báo chi tiết về triệu chứng bệnh của trẻ.

(2) Trường hợp trẻ có thể đến trường

Trong trường hợp trẻ có thể đến trường, phụ huynh cần thông báo cụ thể cho giáo viên về tên bệnh và chi tiết triệu chứng bệnh của trẻ. Phụ huynh nên chuẩn bị bằng cách nhờ bác sỹ viết những thông tin này vào giấy.

薬の取り扱いについて

- 小学校は薬を預かってくれません。もし給食の後に薬を飲む必要があれば、子どもが自分で飲めるよう練習をさせましょう。担任の先生に「子どもが薬を持っていること」を伝えましょう。学校に連絡せずに薬を持っていってはいけません。
- 「１日３回」の薬は、必ず昼食の後に飲まなければいけないというわけではありません。帰宅後に飲ませることもできます。そのときは夜の薬まで何時間あけなくてはいけないか医師に相談しましょう。
- 病院で医師に相談すると「１日３回」の薬を「１日２回」にしてくれる事があります。相談してみましょう。

3．もしものときのために

子どもは、病気やけがをよくします。緊急のときあわてないために、病院の連絡先や時間を調べましょう。

①あいち救急医療ガイド http://www.qq.pref.aichi.jp/

「愛知県　救急医療情報システム」のホームページ「あいち救急医療ガイド」では、外国語で対応できる休日診療所を検索することができます。

②あいち医療通訳システム http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/

愛知県の一部の病院などで受けられる通訳や翻訳のサービスです。
外国語でホームページを見ることができます。

4．保健室でできること

（1）保健室ってなに？

小学校には保健室があります。保健室には養護教諭と呼ばれる先生がいます。養護教諭は子どもが学校で病気やけがをした時、応急処置をしてくれます。そして病院に行った方がいいか、その後学校で授業が受けられるかを判断します。

養護教諭は医師ではありません。必要なときは必ず病院で診察を受けましょう。

（2）迎えが必要なとき

養護教諭が「病院に行く必要がある」や「この後学校で授業を受けることができない」と判断したら、保護者は子どもを学校に迎えに行かなくてはいけません。できるだけ早く学校に迎えに行ってください。また子どもが病気やけがをした時に、きちんと連絡が取れるよう、学校に連絡先を教えておきましょう。

Sử dụng thuốc

- Nhà trường không bảo quản thuốc giúp học sinh. Nếu trẻ phải uống thuốc sau bữa trưa thì phụ huynh cần cho trẻ luyện tập để trẻ có thể tự uống thuốc. Phụ huynh cần thông báo với giáo viên chủ nhiệm về việc trẻ mang thuốc đến trường. Học sinh không được tự ý mang thuốc đến trường nếu không liên lạc với nhà trường.
- Thuốc được chỉ định "3 lần/ ngày" không có nghĩa bắt buộc phải uống sau bữa trưa. Trẻ có thể uống sau khi về nhà. Khi đó, phụ huynh cần hỏi bác sỹ xem thời gian uống thuốc buổi tối và thời gian uống thuốc trước buổi tối cách nhau mấy tiếng.
- Một số trường hợp, bác sỹ có thể thay đổi đơn thuốc từ "3 lần/ ngày" sang "2 lần/ ngày". Phụ huynh cần trao đổi với bác sỹ về điều này.

3. Chuẩn bị cho trường hợp khẩn cấp

Trẻ em thường dễ bị thương hoặc bị ốm. Phụ huynh cần tìm hiểu trước thông tin liên lạc và thời gian làm việc của bệnh viện để chuẩn bị trước trong trường hợp khẩn cấp.

① Hướng dẫn về y tế cấp cứu tỉnh Aichi http://www.qq.pref.aichi.jp/

Trên trang web "Hướng dẫn về y tế cấp cứu Aichi" của "Hệ thống thông tin y tế cấp cứu tỉnh Aichi", phụ huynh có thể tìm kiếm trung tâm khám bệnh vào ngày nghỉ có hỗ trợ tiếng nước ngoài.

② Hệ thống phiên dịch y tế tỉnh Aichi

http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/

Đây là dịch vụ phiên dịch và biên dịch có ở một số bệnh viện thuộc tỉnh Aichi.
Phụ huynh có thể xem trang web bằng tiếng nước ngoài.

4. Phòng y tế (Hokenshitsu)

(1) Phòng y tế là gì?

Ở trường tiểu học có phòng y tế. Trong phòng y tế có giáo viên được gọi là "Y tá" (Yougo kyouyu). Y tá sẽ xử lý khẩn cấp trong trường hợp học sinh bị ốm hoặc bị thương ở trường. Ngoài ra, y tá sẽ nhận định xem học sinh có nên đi bệnh viện không và có thể tiếp tục tham gia các tiết học trên lớp hay không.

Y tá không phải là bác sỹ. Phụ huynh cần đưa trẻ đến bệnh viện khám khi cần thiết.

(2) Trường hợp phụ huynh cần đến trường đón trẻ

Nếu y tá nhận định "Trẻ cần đi bệnh viện" hoặc "Trẻ không thể tiếp tục tham gia các tiết học ở trường" thì phụ huynh cần đến trường đón trẻ sớm nhất có thể. Ngoài ra, trường hợp trẻ bị ốm hoặc bị thương, phụ huynh cần thông báo trước cho nhà trường thông tin liên lạc để nhà trường có thể liên lạc bất cứ lúc nào.

体の成長

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 子どもの体の成長について

子どもが小学校に通う６才～１２才の間、子どもの体は大きく成長します。身長も体重もぐっと増え、第二次性徴が現れます。子どもは自分の体の変化に戸惑い、恥ずかしがることもあるでしょう。そんな時こそ保護者の理解が必要です。必要な時にサポートをしながら、子どもの成長を温かく見守りましょう。

2. 体に合ったものを身につけよう

子どもは小学生の間に身長は30cm～40cm、体重は20kg～30kg増えます。昨年着ていた服が今年は着られないかもしれません。そんな時は体に合ったものを子どもに与えてあげましょう。いつも買う必要はありません。きょうだいの服を使ったり、近所のお兄さんお姉さんにもらったりするという方法もあります。フリーマーケットなどを利用してもいいでしょう。

3. 第二次性徴ってなに？

第二次性徴とは、子どもの体が大人の体になるための準備を始めることです。第二次性徴が始まると子どもの体にはいろいろな変化が起こります。10才前後から始まることが多いですが、早い子どもは女の子では7才から、男の子では9才から始まります。

第二次性徴が始まると、子どもは自分の体の変化に戸惑います。恥ずかしくて保護者のサポートを必要としている時も、自分から言い出すことが出来ないかもしれません。ぜひそんな時は保護者から声をかけてあげてください。普段から子どもの様子をよく見てあげることが大切です。

★第二次性徴の体の変化と必要なサポート★

男子	保護者のサポート	女子	保護者のサポート
声変わり		乳房の発達	※ブラジャーを身につけさせる
ひげの発生	シェーバーの使い方を教える	初潮	生理用品の使い方を教える

※服の上からでも胸のふくらみがわかるようになったら、子ども用のブラジャーを身につけさせましょう。日本では人前に出る場合、ブラジャーを身につけます。

4. 小学校のサポート

ほとんどの小学校で、子どもが４年生の時に第二次性徴について授業があります。そこで子どもは自分の体の変化について学ぶことが出来ますが、ぜひ家でも話す機会を作ってあげてください。

女の子は、もし学校で初潮がきた場合、保健室でサポートを受けることが出来ます。保健室には生理用品や下着の予備が準備してあります。

Sự phát triển thể chất của trẻ

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Sự phát triển thể chất của trẻ

Cơ thể của trẻ sẽ phát triển nhanh trong khoảng thời gian học tiểu học từ 6 tuổi đến 12 tuổi. Chiều cao và cân nặng của trẻ sẽ tăng nhanh và xuất hiện những đặc điểm của tuổi dậy thì. Trẻ có thể sẽ lo lắng và cảm thấy xấu hổ về những thay đổi trên cơ thể của bản thân. Sự thấu hiểu của phụ huynh rất quan trọng trong lúc này. Phụ huynh cần theo dõi sự phát triển của trẻ và hỗ trợ trẻ khi cần thiết.

2. Trẻ nên mặc quần áo phù hợp với cơ thể

Trong khoảng thời gian trẻ học tiểu học, chiều cao của trẻ sẽ tăng so với chiều cao hiện tại từ 30 cm đến 40 cm, cân nặng sẽ tăng so với cân nặng hiện tại từ 20 kg đến 30 kg. Trẻ có thể không mặc vừa quần áo của năm trước. Khi đó, phụ huynh nên cho trẻ mặc quần áo phù hợp với cơ thể của trẻ. Phụ huynh không nhất thiết phải thường xuyên mua quần áo mới cho trẻ. Phụ huynh có thể cho trẻ mặc quần áo cũ của anh chị trong gia đình hoặc xin quần áo cũ của anh chị hàng xóm. Ngoài ra, phụ huynh cũng có thể mua đồ ở chợ bán đồ cũ (flea markets).

3. Đặc điểm của tuổi dậy thì là gì?

Đặc điểm của tuổi dậy thì là đặc điểm đánh dấu sự bắt đầu phát triển thành người lớn của trẻ. Khi đặc điểm của tuổi dậy thì xuất hiện thì cơ thể trẻ có rất nhiều thay đổi. Những đặc điểm này thường bắt đầu khoảng trước hoặc sau 10 tuổi. Đối với những trẻ phát triển sớm, nữ sẽ bắt đầu từ 7 tuổi và nam sẽ bắt đầu từ 9 tuổi.

Khi đặc điểm của tuổi dậy thì xuất hiện, trẻ sẽ lo lắng về những thay đổi trên cơ thể của bản thân. Trẻ có thể sẽ xấu hổ và không thể nói ra những suy nghĩ của bản thân kể cả khi trẻ cần sự giúp đỡ của bố mẹ. Trong trường hợp này, phụ huynh nên chủ động nói chuyện với trẻ. Phụ huynh cũng nên quan tâm đến tình trạng hàng ngày của trẻ.

★Những thay đổi cơ thể khi xuất hiện đặc điểm của tuổi dậy thì và sự hỗ trợ cần thiết★

Nam	Sự hỗ trợ từ phía phụ huynh	Nữ	Sự hỗ trợ từ phía phụ huynh
Vỡ giọng		Ngực phát triển	Cho trẻ mặc áo lót
Mọc râu	Dạy trẻ cách sử dụng dao cạo râu	Xuất hiện kinh nguyệt lần đầu	Dạy trẻ cách sử dụng băng vệ sinh

※Nếu thấy ngực trẻ phát triển khi nhìn qua áo, phụ huynh nên cho trẻ mặc áo lót dành cho trẻ em. Ở Nhật, phụ nữ sẽ mặc áo lót khi xuất hiện trước mọi người.

4. Sự hỗ trợ từ phía nhà trường

Hầu hết các trường tiểu học đều có tiết học về đặc điểm của tuổi dậy thì vào năm lớp 4. Do đó, học sinh có thể học được về những thay đổi trên cơ thể của bản thân. Tuy nhiên, phụ huynh cũng cần tạo cơ hội để nói chuyện với trẻ về vấn đề này khi ở nhà.

Nếu học sinh nữ xuất hiện kinh nguyệt lần đầu khi đang ở trường thì phòng y tế nhà trường sẽ hỗ trợ. Phòng y tế có chuẩn bị băng vệ sinh và đồ lót.

予防接種

1．なぜ予防接種を受けるの？

子どもは、免疫力が弱く、病気にかかりやすいです。予防接種で、予防できる病気があります。大切な子どもの命を守るために、予防接種を受けましょう。国籍や在留資格に関係なく受けることができます。

2．ワクチンのしくみ

予防接種に使う薬液のことを「ワクチン」と言います。ワクチンは、体のなかに人工的に免疫を作りだします。ワクチンによって、病気が重くなる危険を低くすることができます。ただ、その免疫は少し弱く、何回かの接種が必要な場合があります。

3．予防接種の種類

予防接種には、定期接種と任意接種の２種類があります。

①定期接種・・・国が決めて、受けるよう保護者に勧めている予防接種です。
予防できる病気：ジフテリア、百日せき、ポリオ、麻しん・風しん、日本脳炎、破傷風、結核

②任意接種・・・流行の時期にあわせて、受けるかどうか医師と相談して決めます。
予防できる病気：インフルエンザ、おたふくかぜ、水ぼうそう、B型肝炎、など

4．費用は？

①の定期接種は、定められた期間内であれば、おおよそ無料です。

②の任意接種は、ほとんどの場合、全額自己負担です。費用は安いものではありません。しかし、予防接種を受けなかったために、重い病気にかかり、命を落すことがあるのです。そのことを考えれば、予防接種はとても重要です。

5．いつ受けるの？

ワクチンは、それぞれの月齢や年齢によって接種できる期間が決まっています。接種期間についてのお知らせが、自治体から来ます。その期間内に受けるようスケジュールをたてましょう。期間外に受ける場合、費用が高くなることがあります。

Tiêm phòng (Yobou sesshu)

1. Tại sao trẻ cần phải tiêm phòng?

Khả năng miễn dịch của trẻ em rất kém nên dễ bị ốm. Có những bệnh có thể phòng tránh bằng cách tiêm phòng. Phụ huynh cần cho trẻ tiêm phòng để bảo vệ sức khỏe của trẻ. Tất cả trẻ em đều có thể tiêm phòng, bất kể quốc tịch nào và tư cách lưu trú là gì.

2. Chức năng của vacxin

Thuốc thể lỏng sử dụng khi tiêm phòng được gọi là "Vacxin". Vacxin sẽ tạo ra miễn dịch đặc hiệu chủ động nhằm tăng sức đề kháng của cơ thể đối với một số tác nhân gây bệnh. Một số loại vacxin có thể làm giảm nguy cơ dẫn đến bệnh nặng. Tuy nhiên, một số trường hợp cần tiêm chủng nhiều lần do hệ miễn dịch kém.

3. Các loại tiêm phòng

Tiêm phòng được chia ra làm 2 loại, đó là tiêm phòng định kỳ và tiêm phòng không bắt buộc.

① Tiêm phòng định kỳ…Là loại tiêm phòng do nhà nước quy định và khuyến khích phụ huynh cho huynh cho trẻ tham gia.
Phòng chống các bệnh: Bệnh bạch hầu, ho lâu ngày, bệnh bại liệt, bệnh sởi, bệnh rubella, viêm não Nhật Bản, bệnh uốn ván, bệnh lao.

② Tiêm phòng không bắt buộc…Phụ huynh cần trao đổi với bác sỹ xem có nên cho trẻ tham gia hay không vào mùa có dịch bệnh.
Phòng chống các bệnh: Bệnh cảm cúm, bệnh quai bị, bệnh thủy đậu, bệnh viêm gan B…

4. Phí tiêm phòng

Đối với tiêm phòng định kỳ nêu ở ①, chi phí tiêm phòng được miễn phí trong khoảng thời gian quy định.

Đối với tiêm phòng không bắt buộc nêu ở ②, người tham gia phải chịu tất cả các chi phí. Phí tiêm phòng khá đắt. Tuy nhiên, nếu không tham gia tiêm phòng, bệnh có thể nặng hơn và có thể ảnh hưởng đến tính mạng. Nếu xét đến yếu tố này thì tiêm chủng phòng bệnh là rất cần thiết.

5. Tham gia tiêm phòng khi nào?

Thời gian có thể tham gia tiêm chủng các loại vacxin được quy định theo tháng tuổi và theo năm tuổi. Chính quyền địa phương sẽ thông báo cho người dân về thời gian tiêm phòng. Phụ huynh cần lập kế hoạch để có thể cho trẻ tham gia tiêm phòng trong thời gian quy định. Trường hợp tham gia tiêm phòng ngoài thời gian quy định thì phí tiêm phòng có thể đắt hơn.

スケジュールをたてるとき

母国の予防接種のスケジュールと日本のスケジュールが、大きく異なることがあります。母国で受けた予防接種があれば、それを把握しましょう。そのうえで、日本で受ける予防接種のスケジュールをたてましょう。

6．どこで受けるの？

市が指定した保健所や保健センター、かかりつけの小児科などで受けます。
市が指定したところの場合、住民登録された方のみ受けることができます。

7．受ける前に

予診票を記入します。記入のしかたが分からないときは、保健所や病院に相談しましょう。

8．もちもの

母子健康手帳、予診票（記入したもの）、予防接種手帳など
就学時健診や入学説明会では、ワクチンの接種記録を提出します。準備しておきましょう。

受けたあと

9．副作用について

ワクチンを接種したあと、副作用が出ることがあります。程度はいろいろですが、接種した場所が赤く腫れる、熱が出るなどです。心配なときは、医師によく相談しましょう。

子どもの健康のために

10．かかりつけの小児科をみつけよう！

疑問や不安を気軽に相談できる、かかりつけの小児科をみつけましょう。また、予防接種だけでなく、子どものようすについて心配なことがあれば、医師に何でも相談しましょう。

11．正しい情報を得よう！

予防接種を安心して受けるために、正しい情報を得ましょう。

「予防接種と子どもの健康」　（財）予防接種リサーチセンター
http://www.yoboseshu-rc.com/index.php?id=8

「予防接種と子どもの健康2012」の本文を、外国語（英語、韓国語、中国語、ポルトガル語、フィリピノ語）で読むことができます。また、外国語の予診票も、ダウンロードして使えます。
（お願い）ダウンロードするときは、利用規約をしっかり読んで守るようにしましょう。

Lập kế hoạch tiêm phòng

Kế hoạch tiêm phòng ở nước ngoài và ở Nhật có thể khác nhau khá nhiều. Trường hợp trẻ đã tham gia tiêm phòng ở trong nước rồi thì phụ huynh cần phải nhớ các loại vacxin trẻ đã tiêm. Ngoài ra, phụ huynh cũng nên lập kế hoạch cho trẻ tham gia tiêm phòng ở Nhật.

6. Tham gia tiêm phòng ở đâu?

Trẻ có thể tham gia tiêm phòng ở nhiều nơi như nhà y tế do thành phố chỉ định, trung tâm y tế hoặc ở khoa nhi riêng.

Chỉ những người dân đã đăng ký tạm trú mới có thể tham gia tiêm phòng ở địa điểm do thành phố chỉ định.

7. Trước khi tham gia tiêm phòng

Phụ huynh phải điền vào Phiếu khám sơ bộ (Yoshinhyou). Phụ huynh cần trao đổi với trung tâm y tế hoặc bệnh viện nếu không biết cách điền thông tin.

8. Đồ mang theo khi tham gia tiêm phòng

Sổ tay sức khỏe mẹ và bé (Boshi kenkou techou), Phiếu khám sơ bộ (Phiếu đã điền thông tin), Sổ tiêm phòng (Yobou sesshu techou)…

Phụ huynh phải nộp danh sách vacxin trẻ đã tiêm khi khám sức khỏe trước khi nhập học hoặc trong buổi hướng dẫn nhập học. Phụ huynh cần chuẩn bị trước danh sách này.

Sau khi tiêm phòng

9. Tác dụng phụ

Một số tác dụng phụ có thể xuất hiện sau khi tiêm phòng. Tác dụng phụ có nhiều mức độ khác nhau, ví dụ như vị trí tiêm có thể bị sưng đỏ hay trẻ có thể bị sốt… Phụ huynh nên trao đổi kỹ với bác sỹ nếu cảm thấy lo lắng.

Bảo vệ sức khỏe của trẻ

10. Tìm khoa nhi riêng

Phụ huynh nên tìm khoa nhi riêng cho gia đình để có thể trao đổi bất cứ lúc nào khi có thắc mắc hoặc khi cảm thấy lo lắng. Không chỉ khi tiêm phòng, phụ huynh cũng nên trao đổi tất cả với bác sỹ nếu có điều gì lo lắng về tình trạng sức khỏe của trẻ.

11. Tìm hiểu thông tin chính xác

Phụ huynh cần tìm hiểu thông tin chính xác để có thể yên tâm cho trẻ tham gia tiêm phòng.

"Tiêm phòng và sức khỏe của trẻ"(Yobousesshu to kodomo no kenkou)
Trung tâm nghiên cứu tiêm phòng (Yobousesshu research center)
http://www.yoboseshu-rc.com/index.php?id=8

Nội dung về "Tiêm phòng và sức khỏe của trẻ 2012" có nhiều ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Philippines). Phụ huynh có thể tải trên mạng phiếu khám sơ bộ bằng ngôn ngữ nước ngoài và sử dụng.

(Lưu ý) Trước khi tải về, phụ huynh cần đọc kỹ và tuân thủ quy định khi sử dụng.

ぎょう虫検査

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう

小学校では、春に１～３年生がぎょう虫検査を行います。（平成27年度限りで廃止）

1．ぎょう虫ってなに？

ぎょう虫は、人が寝ているとき、腸から出て来てお尻の穴のまわりに卵をうみます。すると、お尻の穴がかゆくなります。さらに、卵が手について口に入ったり、他の人に感染することもあります。感染に気付かないこともあるので、検査しなければなりません。

2．いつ検査するの？

朝起きてすぐ、うんちやおしっこをする前に検査します。

検査する日✎：＿＿＿月＿＿＿日（　　）の朝と＿＿＿月＿＿＿日（　　）の朝

↓

提出日✎：＿＿＿月＿＿＿日（　　）

（注意！）おしっこやうんちを提出する必要はありません。

3．どうやって検査するの？

～1日目～

① 透明のカバーをはがす。
② お尻の穴に、セロファンの青いのりの部分を貼りつけ、指で２、３回押す。
③ お尻からセロファンを取る。
④ 透明のカバーを再び貼りつける。

～2日目～

⑤ ①～③を同じように行う。
⑥ １日目のカバーをはがして、２日目のセロファンと合わせる。

Xét nghiệm bệnh giun kim (Gyouchuu kensa)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Ở trường tiểu học, học sinh lớp 1 đến lớp 3 sẽ được xét nghiệm bệnh giun kim vào mùa xuân (hủy bỏ sau năm 2015).

1. Giun kim là gì?

Giun kim xuất hiện từ ruột và đẻ trứng xung quanh hậu môn trong khi chúng ta đang ngủ. Khi đó, chúng ta sẽ cảm thấy ngứa hậu môn. Không chỉ vậy, trứng của giun kim có thể vào đường miệng nếu trứng dính vào tay hoặc có thể lây nhiễm sang người khác. Chúng ta cần phải xét nghiệm vì không phải lúc nào cũng có thể nhận biết được có bị lây nhiễm hay không.

2. Xét nghiệm bệnh giun kim vào thời điểm nào?

Bệnh giun kim thường được xét nghiệm ngay sau khi ngủ dậy, trước khi đi vệ sinh.

Ngày xét nghiệm✐ : Buổi sáng, ngày_____tháng_____(　　)
và Buổi sáng, ngày_____ tháng_____(　　)

↓

Ngày nộp✐: ngày_____tháng_____(　　)

(Lưu ý!) Phụ huynh không cần phải nộp nước tiểu và phân của trẻ.

3. Xét nghiệm như thế nào?

~ Ngày thứ nhất ~

① Tháo màng bọc trong suốt.
② Dán phần màu xanh của giấy bóng kính vào hậu môn, sau đó ấn 2 đến 3 lần.
③ Tháo giấy bóng kính khỏi mông.
④ Dán màng bọc trong suốt lại.

~ Ngày thứ hai ~

⑤ Thực hiện các bước từ ①～③.
⑥ Tháo màng bọc của ngày thứ nhất, sau đó chập vào giấy bóng kính của ngày thứ hai.

4．ぎょう虫を予防しよう！

1．爪を短く切り、かまないようにしよう。
2．お尻の穴をかかないようにしよう。
3．トイレの後やごはんの前は、手をよく洗おう。
4．パンツを清潔に保とう。

5．ぎょう虫がみつかったら

・ぎょう虫を退治するための薬をのみます。医師や薬剤師に相談しましょう。
・薬は、卵には効きません。そのため、成虫になる期間を考えて、１回目に薬をのんだ後の２～３週間後に、もう一度薬をのみます。
・家族に感染することも多いです。その場合、一緒に治療しましょう。

6．検査日を忘れないで！

小学校の検査を受けなかったら、各自で検査を受けます。その場合、有料です。絶対に、小学校の検査日を忘れないようにしましょう。
検査の結果が出たら、小学校へ伝えてください。

4. Phòng chống bệnh giun kim

1. Cắt móng tay ngắn, không cắn móng tay.
2. Không gãi vùng hậu môn.
3. Rửa tay sạch sẽ sau khi đi vệ sinh và trước khi ăn cơm.
4. Giữ quần lót sạch sẽ.

5. Nếu phát hiện giun kim

- Uống thuốc để tiêu diệt giun kim. Trao đổi với bác sỹ hoặc dược sỹ.
- Thuốc không có tác dụng tiêu diệt trứng. Do đó, cần xem xét thời gian trứng phát triển thành giun kim và uống thuốc lần tiếp theo khoảng 2 đến 3 tuần sau khi uống thuốc lần thứ nhất.
- Bệnh giun kim thường lây nhiễm cho các thành viên khác trong gia đình. Trường hợp này, mọi người nên điều trị cùng nhau.

6. Không quên ngày xét nghiệm

Nếu học sinh không tham gia xét nghiệm ở trường thì từng cá nhân phải tự tham gia xét nghiệm. Trường hợp này sẽ mất phí xét nghiệm. Phụ huynh cần nhớ ngày xét nghiệm ở trường.

Phụ huynh cần phải thông báo cho nhà trường sau khi nhận được kết quả xét nghiệm.

検便

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 検便とは？

病気や寄生虫、細菌が体内にあるかどうか、うんちを調べる検査です。小学校では、病気が広まらないように、1年に1回全員検査をします。仕方が分からないときは、先生に聞いてできるようにしましょう。

検査の結果が陽性なら、もう一度検査が必要です。病院で検査を受けましょう。

2. いつ検便をするの？

小学校では、毎年春(4月～6月の間)に検便をします。検便検査を受けていないとプールに入ることができません。また検便で陽性反応が出た場合、治療をしないとプールには入れません。

＿＿＿月＿＿＿日（　　）に検便をします。✎

3. 検便の道具

検便の道具(検便採取容器)は、何種類かあります。

[検便採取容器の例]

①

②

③

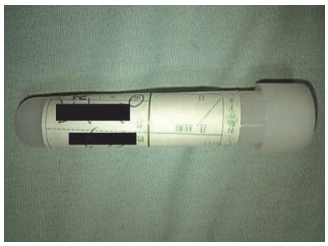

4. 検便の仕方

検便の仕方は、容器の種類によって違います。種類によっては、容器が2本入っていることがあります。その場合は、2日分のうんちを取る必要があります。通っている小学校の先生に確認しましょう。ここでは②の検便採取容器の方法を紹介します。

Xét nghiệm phân (Kenben)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Xét nghiệm phân là gì?

Là xét nghiệm kiểm tra mẫu phân xem trong cơ thể có bệnh tật, ký sinh trùng hay vi khuẩn không. Ở trường tiểu học, tất cả học sinh sẽ được kiểm tra mỗi năm một lần để tránh bệnh lan rộng. Phụ huynh cần hỏi giáo viên nếu không biết cách làm.

Nếu kết quả xét nghiệm của trẻ là dương tính thì trẻ cần phải xét nghiệm thêm một lần nữa. Khi đó, phụ huynh phải cho trẻ xét nghiệm ở bệnh viện.

2. Xét nghiệm khi nào?

Trường tiểu học tổ chức xét nghiệm phân vào mùa xuân hàng năm (khoảng từ tháng tư đến tháng sáu). Nếu trẻ không tham gia xét nghiệm phân thì trẻ sẽ không được vào bể bơi. Trường hợp kết quả xét nghiệm phân là dương tính, nếu trẻ không điều trị thì sẽ không được vào bể bơi.

Xét nghiệm phân vào ngày_____tháng_____(　　)✐

3. Dụng cụ xét nghiệm phân

Dụng cụ xét nghiệm phân (dụng cụ lấy mẫu phân) có nhiều loại.

[Một số dụng cụ lấy mẫu phân]

①

②

③

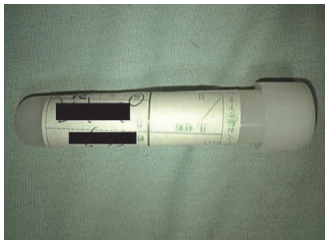

4. Cách xét nghiệm phân

Cách xét nghiệm phân khác nhau tùy theo từng dụng cụ. Một số loại có hai dụng cụ đi kèm. Trường hợp này, phụ huynh phải lấy mẫu phân hai ngày cho trẻ. Phụ huynh cần xác nhận với trường mà trẻ đang theo học. Dưới đây là hướng dẫn phương pháp xét nghiệm phân bằng dụng cụ lấy mẫy phân số ②.

	検便の手順	
①	容器と一緒にラベルが入っています。ラベルに子どもの名前、性別、年齢、うんちを取った日を書きます。	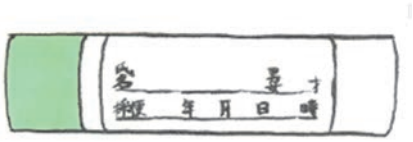
②	キャップを回して引き抜きます。	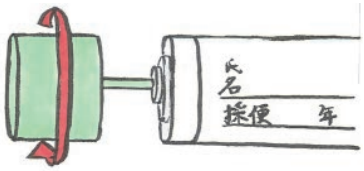
③	トイレットペーパーを折りたたみ、便器の中に置き、その上にうんちをします。	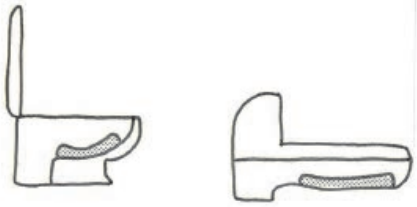
④	検便採取容器の棒の先でうんちを取ります。 棒の先で、うんちの表面をまんべんなくこすり取ります。	
	注意:棒についているうんちの量が多すぎるときちんと検査ができません。棒の溝が埋まるくらいにしましょう。	
⑤	棒を容器に差し込み、パチンと音がするまで押し込みます。1回閉めたらもう開けてはいけません。	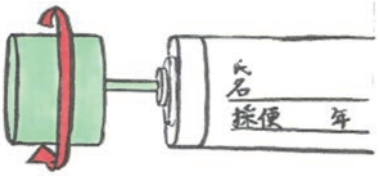
⑥	提出用の袋に入れて、小学校に提出します。	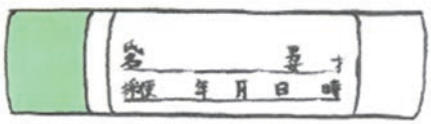

5. 検便をする時の注意

- 必ず本人(子ども)のうんちを取ります。
- 検便採取器の中の液は、捨てたり出したりしてはいけません。

	Trình tự xét nghiệm	
①	Trên dụng cụ có dán nhãn. Nhãn này dùng để ghi tên, giới tính, tuổi của trẻ và ngày lấy mẫu phân.	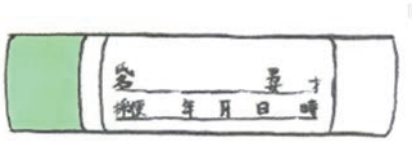
②	Vặn nắp để tháo nắp ra.	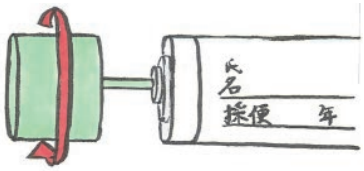
③	Gấp giấy vệ sinh lại, đặt vào trong bồn cầu và đi vệ sinh lên đó.	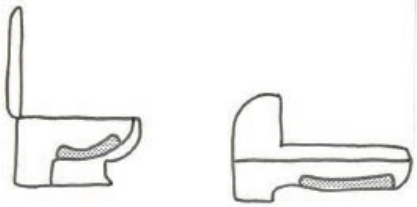
④	Lấy mẫu phân bằng đầu que của dụng cụ lấy mẫu phân. Dùng đầu que để lấy hết bề mặt phân.	
	Lưu ý: Nếu lượng phân dính trên que quá nhiều thì sẽ không thể thực hiện xét nghiệm phân. Vì vậy, cần lấy lượng vừa đủ vào rãnh của que.	
⑤	Cắm que vào dụng cụ, sau đó ấn đến khi phát ra tiếng kêu. Nếu đã đóng một lần rồi thì không được mở ra.	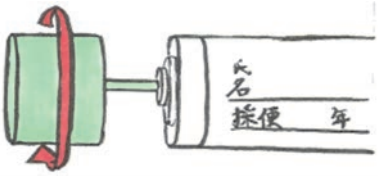
⑥	Đặt vào trong túi dùng để nộp và mang đến trường nộp.	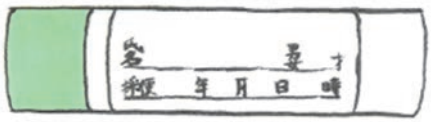

5. Những điều cần lưu ý khi xét nghiệm phân

- Lấy đúng mẫu phân của người cần xét nghiệm (mẫu phân của trẻ).
- Không được vứt hoặc lấy dung dịch trong dụng cụ lấy mẫu phân.

感染症（かんせんしょう）

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1．感染症（かんせんしょう）ってなに？

感染症とは、ウイルスや細菌が体の中に入って起こる病気です。子どもは免疫力が十分でなく、急に発病することがあります。また、病気の進行も早いので、十分注意が必要です。また、感染のルートはさまざまです。せき・くしゃみによって広がったり、手や食べ物を通して広がります。これらのルートをさえぎることが大切です。

2．感染症（かんせんしょう）にかかったら

感染症にかかったら、小学校へ行くことができなくなる場合があります。医師に小学校に行けるかどうか確認しましょう。

○小学校へ行けない場合　→　他の子どもへ感染しないと判断されるまでの期間、保護者が家などで看病します。「**出席停止証明書**」などの書類が必要な場合があります。確認しましょう。

> 病気が治って小学校に行くには…
> 「行っても大丈夫」という「**登校許可証**」を、医師に記入してもらうことが必要です。それを先生に提出します。

○小学校へ行ける場合　→　行けるからといって油断は禁物です。病気をほかの子どもに感染させるおそれがあります。子どもの様子を十分に観察して、何か気になることがあれば、すぐに医師や小学校の先生に伝えましょう。

3．感染症（かんせんしょう）を予防（よぼう）しよう！

家にいるときも、感染症を予防することはとても大切です。

（1）こまめに手洗（てあら）いをしよう

石けんを泡立てて、手のすみずみまで洗います。そのあと、水で洗い流します。

（2）マスクをつけよう

特に病気の子どもは、マスクをつけます。

Bệnh truyền nhiễm (Kansenshou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Bệnh truyền nhiễm (Kansenshou) là gì?

Bệnh truyền nhiễm là bệnh gây ra do virus hoặc vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể. Hệ miễn dịch của trẻ chưa phát triển đầy đủ nên trẻ có thể đột ngột nhiễm bệnh. Phụ huynh cần lưu ý vì bệnh tiến triển rất nhanh. Ngoài ra, có rất nhiều con đường lây nhiễm. Bệnh có thể lan rộng khi ho, hắt hơi, hay lan rộng qua tay hoặc thức ăn. Ngăn chặn những con đường lây nhiễm này là việc rất quan trọng.

2. Khi mắc bệnh truyền nhiễm

Trẻ có thể không được đến trường nếu mắc bệnh truyền nhiễm. Phụ huynh cần xác nhận với bác sỹ xem trẻ có thể đến trường không.

○ Trường hợp trẻ không thể đến trường →Phụ huynh phải chăm sóc trẻ ở nhà cho đến khi bác sỹ nhận định là trẻ không lây nhiễm sang người khác. Một số trường hợp cần phải có **"Giấy chứng nhận vắng mặt" (Shusseki teishi shoumeisho)**. Phụ huynh cần xác nhận thông tin này.

Để trẻ có thể đến trường sau khi khỏi bệnh …
Phụ huynh cần phải xin **"Giấy cho phép đến trường" (Toukou kyokashou)** có xác nhận của bác sỹ. Sau đó nộp giấy này cho giáo viên.

○ Trường hợp trẻ có thể đến trường → Phụ huynh vẫn cần phải cẩn thận trong trường hợp trẻ có thể đến trường. Trẻ có thể truyền nhiễm bệnh sang học sinh khác. Phụ huynh cần theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ, nếu thấy có điều gì lo lắng thì cần thông báo ngay lập tức cho bác sỹ và giáo viên nhà trường.

3. Phòng chống bệnh truyền nhiễm

Phòng chống bệnh truyền nhiễm khi ở nhà là việc rất quan trọng.

(1) Rửa tay thường xuyên

Đánh kỹ bọt nước rửa tay, sau đó rửa tay kỹ. Cuối cùng, rửa sạch lại bằng nước.

(2) Đeo khẩu trang

Đặc biệt trẻ đang nhiễm bệnh cần đeo khẩu trang.

（３）おう吐物やうんちに気をつけよう

おう吐物やうんちには、ウイルスが含まれていることがあります。使い捨てのマスクやビニール手袋をつけて、できるだけ早く取り除きます。

（４）そうじをしよう

床や壁やドアなど、こまめに水拭きします。

（５）予防接種を受けよう→（ｐ．１０１　「予防接種」のページを見てください）

（６）生活リズムをととのえよう

ふだんから食事、睡眠などを充分にとります。また、運動をして体を丈夫にすることも大切です。→（ｐ．１２５　「元気な子どもの１日」のページを見てください）

(3) Chú ý vật nôn mửa và phân

Trong vật nôn mửa và phân có chứa virus. Loại bỏ virus bằng cách dùng khẩu trang một lần hoặc đeo gang tay nilon.

(4) Dọn vệ sinh

Thường xuyên lau nền nhà, tường và cửa bằng khăn ướt.

(5) Tiêm phòng

→ (Tham khảo nội dung “Tiêm phòng (Yobousesshu)” ở trang 102).

(6) Sinh hoạt điều độ

Hàng ngày, cần ăn uống và ngủ đầy đủ. Vận động để tăng cường sức khỏe cũng là một việc rất quan trọng → (Tham khảo nội dung “Một ngày của trẻ khỏe mạnh” ở trang 126).

けんこうしんだん
健康診断

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

＿＿＿月＿＿＿日（　　）に　健康診断をします。✎

1. 健康診断ってなに？

健康診断では、子どもたちの体の発育のようすや、栄養状態を確認します。専門のお医者さんが小学校に来て、健康診断をします。

2. なにをするの？

✎	なにをするの？	どんな検査なの？
	①体重測定	検査は上下体操服・裸足で行う学校が多いです。子どもの体重・身長を正確に測定するためです。宗教上の理由で、異性の前で着替えることができない、半袖・半ズボンの体操服を着ることができない場合は、事前に先生に相談しましょう。
	②身長測定	
	③内診、触診	医師が、子どもの胸や背中に聴診器を当てて、心臓の音を聞きます。また、目やのど、鼻の中を見ることもあります。
	④眼科検診 視力検査	視力検査ではスプーンのような道具で片目を隠します。もう一方の目で、検査用の記号や絵を見ます。検査用の記号や絵はいろいろな大きさ・形があります。子どもたちは、自分が見えたものが何かを答えます。
	⑤聴力検査	子どもの反応があるかないかで、聞こえているかどうかを判断します。
	⑥歯科健診	子どもは口を大きく開けます。歯医者さんが、子どもの口の中を見ます。おもに、歯の状態（歯をしっかりみがいているか、歯並びはどうか、かみ合わせはどうかなど）を見ます。 ※小学校によっては、むし歯を防ぐため、定期的に「フッ素洗口」を行う学校もあります。専用の液を口に含み、ぶくぶくうがいをします。

Khám sức khỏe (Kenkou shindan)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Khám sức khỏe vào ngày_____tháng_____(　　)✐

1. Khám sức khỏe (Kenkou shindan) là gì?

Mục đích của khám sức khỏe là để kiểm tra tình trạng phát triển thể chất và chế độ dinh dưỡng của trẻ. Bác sỹ chuyên môn sẽ đến trường để khám sức khỏe cho trẻ.

2. Khám sức khỏe như thế nào?

✐	Khám gì?	Khám như thế nào?
	① Đo cân nặng	Nhiều trường học kiểm tra khi trẻ trong trạng thái mặc quần áo thể thao và không đi tất. Mục đích là để đo chính xác cân nặng và chiều cao của trẻ. Trong trường hợp trẻ không thể thay quần áo trước mặt bạn khác giới hoặc không thể mặc quần áo thể thao với áo tay ngắn và quần ngắn vì lý do tôn giáo, phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.
	② Đo chiều cao	
	③ Nội chẩn và xúc chẩn	Bác sỹ sẽ đặt ống nghe vào ngực và lưng của trẻ để nghe nhịp tim. Bác sỹ cũng có thể kiểm tra được mắt, họng và trong mũi của trẻ.
	④ Kiểm tra mắt Kiểm tra thị lực	Bác sỹ sẽ che mắt trẻ bằng một dụng cụ giống như chiếc thìa. Trẻ sẽ nhìn các ký hiệu và tranh dùng khi kiểm tra bằng một mắt còn lại. Các ký hiệu và tranh dùng khi kiểm tra có độ lớn và kích cỡ khác nhau. Trẻ sẽ phải trả lời những gì trẻ nhìn thấy.
	⑤ Kiểm tra khả năng nghe	Bác sỹ sẽ phán đoán xem trẻ có nghe được hay không thông qua phản ứng của trẻ.
	⑥ Kiểm tra răng	Trẻ sẽ há to miệng. Bác sỹ sẽ kiểm tra trong miệng trẻ. Bác sỹ chủ yếu kiểm tra tình trạng của răng (trẻ có đánh răng sạch sẽ hay không, răng trẻ có mọc đều hay không…) ※Một số trường học tổ chức “Vệ sinh răng miệng bằng fluoride” định kỳ để chống sâu răng. Trẻ sẽ súc miệng bằng dung dịch chuyên dụng.

3. 健康診断は受けないといけないの？

必ず受けさせてください。小学校に通う子どもたちは、少なくとも１年間に２回、健康診断を受けることになっています。また、健康診断の内容や方法は決められています。

子どもの体や口の中を人に見せたりすることに抵抗を感じるかもしれません。でも、安心してください。専門の医師が、正しい方法で検査します。子どもの健康と成長のために、健康診断を受けさせてあげてくださいね。

4. 知っていてほしいこと・・・

(1)子どもの成長

健康診断の結果を見ると、「うちの子は、まわりの子より細い…」「うちの子は、標準体重より重い…」など、心配になることがあるかもしれません。とくに、一人目の子どもを育てている保護者の方は心配になることがあるかもしれません。

知っておいてください。小学校に通う小さな子どもたちは、成長の様子が一人ひとり大きく違います。これは、お母さんのお腹の中にいた日数、生まれた時の体の大きさ、生まれてからの栄養状態、子どもの体質によります。早い段階で、急激に成長する子もいれば、ゆっくり成長する子もいます。

どうか、健康診断の結果だけを見て、まわりの子どもと自分の子どもを比べて、ひとりで不安にならないでください。子どもたちの成長の様子は、みんな違うのです。

(2)心配なときは

それでも、子どもの成長を見ていて心配になることがあるかもしれません。そんなとき、ひとりで悩まないでくださいね。

まずは、小学校の先生に話してください。小学校の先生は、保護者と一緒になって子どもの成長をサポートします。気軽に話してくださいね。

3. Tại sao phải tham gia khám sức khỏe?

Phụ huynh nhất định phải cho trẻ tham gia khám sức khỏe. Trẻ đang học ở trường tiểu học phải tham gia khám sức ít nhất hai lần một năm. Ngoài ra, nội dung và cách thức khám sức khỏe cũng được quy định.

Phụ huynh có thể sẽ cảm thấy không thoải mái khi cho người khác nhìn cơ thể và trong miệng của con mình. Tuy nhiên, phụ huynh hãy yên tâm về điều này. Bác sỹ chuyên môn sẽ sử dụng phương pháp chính xác để khám cho trẻ. Vì sức khỏe và sự phát triển của trẻ, phụ huynh nên cho trẻ tham gia khám sức khỏe.

4. Những điều cần biết

(1) Sự phát triển của trẻ

Sau khi xem kết quả khám sức khỏe, có thể phụ huynh sẽ lo lắng như "Con mình gầy hơn những đứa trẻ khác", "Con mình nặng hơn so với chỉ số cân nặng tiêu chuẩn"… Đặc biệt, những phụ huynh mới có một con có thể sẽ khá lo lắng.

Tuy nhiên, phụ huynh nên nhớ rằng, đối với những trẻ nhỏ đang học ở trường tiểu học, tình trạng phát triển của mỗi cá nhân khác nhau rất lớn. Điều này phụ thuộc nhiều yếu tố như số ngày trẻ ở trong bụng mẹ, cân nặng của trẻ khi sinh ra, chế độ dinh dưỡng sau khi sinh ra, thể chất của trẻ. Có những trẻ phát triển nhanh ở thời điểm rất sớm, nhưng cũng có những trẻ phát triển chậm.

Do đó, phụ huynh đừng so sánh con mình với những đứa trẻ xung quanh và không cần lo lắng khi xem kết quả khám sức khỏe của trẻ. Mỗi trẻ em có tình trạng phát triển khác nhau.

(2) Khi cảm thấy lo lắng

Mặc dù vậy, nhưng có thể phụ huynh vẫn lo lắng khi theo dõi tình trạng phát triển của trẻ. Phụ huynh không nên quá lo lắng.

Trước hết, phụ huynh nên nói chuyện với giáo viên nhà trường. Giáo viên nhà trường sẽ cùng hợp tác với phụ huynh để hỗ trợ sự phát triển của trẻ. Phụ huynh hãy trao đổi bất cứ điều gì với giáo viên.

衛生管理

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 衛生管理ってなに？

衛生管理とは「子どもが常に健康、清潔でいられるように、保護者が気をつけておきましょう」ということです。子どもが清潔でいることは子どもの成長に大切なだけでなく、小学校で集団生活を送る子どもの人間関係にも、とても大切なことです。

2. 清潔検査ってなに？

小学校では定期的に清潔検査があります。清潔検査とは、子どもにいくつか質問をして「清潔にしよう」「健康に気をつけよう」ということを教えていくための検査です。

	★なにを聞かれるの？	★なんで必要なの？
1	ハンカチ、ティッシュを持っていますか？	ハンカチ、ティッシュを持っていないと、手を洗った後に服で手を拭いたり、手や服で鼻を拭いたりします。ばい菌が増え、病気になるかもしれません。 また持ち歩くハンカチは毎日洗いましょう。
2	爪は長くないですか？	手と足の爪を定期的に切るようにしましょう。爪が長いと、汚れやばい菌がたまってしまいます。遊んでいる時に友だちにけがをさせてしまうかもしれません。 手のひらから見て、爪の先が見えない長さがいいでしょう。ただ切りすぎないように気をつけましょう。
3	歯をみがきましたか？	食事のあとは歯をみがきましょう。みがかないと虫歯になってしまいます。
4	毎日お風呂に入っていますか？	子どもはたくさん汗をかきます。毎日お風呂に入って、体の汚れを流し頭を洗いましょう。毎日お風呂に入らないと、においがしてくることがあります。
5	手洗い・うがいをしていますか？	石けんを使って手を洗いましょう。外から室内に入ったらうがいをしましょう。ばい菌を落とし、風邪の予防になります。
6	下着を着ていますか？	服の下にシャツやタンクトップなどの下着を着ましょう。下着が汗を吸収してくれます。 また靴下も履くようにしましょう。裸足で靴をはくと、足がにおってくることがあります。

Quản lý vệ sinh

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Quản lý vệ sinh là gì?

Quản lý vệ sinh có nghĩa là phụ huynh cần quan tâm đến trẻ để trẻ luôn luôn được khỏe mạnh và sạch sẽ. Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ cho trẻ không chỉ quan trọng đối với sự phát triển của trẻ mà còn rất quan trọng trong quan hệ xã hội của trẻ khi sinh hoạt tập thể ở trường tiểu học.

2. Kiểm tra vệ sinh (Seiketsu kensa) là gì?

Trường tiểu học sẽ tiến hành kiểm tra vệ sinh định kỳ cho trẻ. Mục đích của kiểm tra vệ sinh là để dạy cho trẻ giữ gìn vệ sinh và quan tâm đến sức khỏe thông qua việc hỏi trẻ một số câu hỏi.

	★ Hỏi gì?	★Tại sao lại cần thiết?
1	Con có mang theo khăn tay hay khăn giấy không?	Nếu trẻ không mang theo khăn tay hoặc khăn giấy, trẻ có thể sẽ lau tay vào quần áo sau khi rửa tay, hoặc lau mũi bằng tay hay quần áo. Như vậy, vi khuẩn sẽ sinh sôi và trẻ có thể sẽ mắc bệnh. Phụ huynh nên giặt khăn tay cho trẻ hàng ngày.
2	Móng tay con có dài không?	Phụ huynh nên cắt móng tay và móng chân thường xuyên cho trẻ. Nếu móng tay và móng chân dài thì rất dễ bẩn và vi khuẩn dễ sinh sôi. Ngoài ra, khi trẻ chơi đùa với bạn, trẻ có thể làm bạn bị thương. Độ dài của móng tay tốt nhất là độ dài không thấy được đầu móng tay khi nhìn từ lòng bàn tay. Phụ huynh cũng chú ý không cắt quá ngắn cho trẻ.
3	Con đã đánh răng chưa?	Phụ huynh nên cho trẻ đánh răng sau bữa ăn. Nếu không đánh răng, trẻ sẽ bị sâu răng.
4	Hàng ngày con có tắm không?	Cơ thể trẻ ra rất nhiều mồ hôi. Phụ huynh nên cho trẻ tắm và gội đầu sạch sẽ hàng ngày. Nếu trẻ không tắm hàng ngày thì cơ thể trẻ sẽ có mùi khó chịu.
5	Con có thường xuyên rửa tay và súc miệng không?	Trẻ nên rửa tay bằng nước rửa tay. Sau khi đi từ ngoài về, trẻ nên súc miệng. Việc này sẽ giúp giảm lượng vi khuẩn và phòng chống bệnh cảm cúm.
6	Con có mặc đồ lót không?	Phụ huynh nên cho trẻ mặc đồ lót trong quần áo như áo phông hay áo may ô. Bởi vì đồ lót thấm mồ hôi tốt. Phụ huynh cũng nên cho trẻ đi tất khi đi giày. Nếu trẻ đi giầy mà không đi tất thì chân trẻ sẽ có mùi khó chịu.

7	顔を洗いましたか？	朝起きたら顔を洗って、汚れや目やにを落としましょう。朝、顔を洗うと目が覚めます。

※清潔検査で全部の項目を聞かれるわけではありません。ただ清潔のためにしておくといいことです。保護者が気をつけてあげるようにしましょう。

3. 家庭で気をつけること…

保護者が協力しないと子どもの清潔を保つことはできません。家庭でも特に以下のことに気をつけましょう。

①洗濯

子どもはたくさん汗をかきます。子どもの服、体操服、給食ナプキンはきちんと洗濯しましょう。また給食当番の週は金曜日に白衣と帽子を持って帰ってきます。洗濯をしてアイロンをかけてから、月曜日に小学校に持っていけるようにしましょう。忘れたり洗濯をしていなかったりすると、次の当番の子どもに迷惑がかかってしまいます。

②洗い物

給食で使ったはしや学校に持っていった水筒は毎日洗いましょう。洗わないと、ばい菌が増えたものに口をつけることになってしまいます。

③お風呂

毎日お風呂に入るようにしましょう。子どもは汗をたくさんかきます。体の汚れを流し、頭を洗いましょう。湯船につからなくても、シャワーを浴びたり、濡れタオルで体を拭いたりするのでも大丈夫です。

お風呂に入らないと、子どもからにおいがしてくることがあります。だからといって子どもに香水など香りのあるものをつけることはやめましょう。日本の子どもは香水をつける習慣がありません。小学校に香水をつけていくと、それがいい香りでも「くさい」と言われてしまうかもしれません。

国によって毎日お風呂に入らない国もあるかもしれません。しかし日本の気候は、気温も湿度も高く汗をかきやすいです。毎日汚れや汗をきちんと落としましょう。

7	Con đã rửa mặt chưa?	Buổi sáng, sau khi ngủ dậy, trẻ nên rửa mặt để loại bỏ bụi bẩn và nhử mắt. Nếu trẻ rửa mặt vào buổi sáng, trẻ sẽ thấy tỉnh táo.

※Khi kiểm tra vệ sinh, trẻ có thể không được hỏi tất cả những câu hỏi nêu trong bảng trên. Tuy nhiên, trẻ nên thực hiện để giữ vệ sinh sạch sẽ. Phụ huynh cần chú ý giữ vệ sinh cho trẻ.

3. Những điều cần lưu ý trong gia đình

Trẻ sẽ không thể giữ gìn vệ sinh sạch sẽ nếu không có sự hợp tác của phụ huynh. Phụ huynh cần lưu ý những điều sau đây:

① Giặt giũ

Cơ thể trẻ thường ra nhiều mồ hôi. Phụ huynh cần giặt giũ sạch sẽ quần áo, quần áo thể dục, khăn trải bàn dùng khi ăn trưa cho trẻ. Ngoài ra, trẻ sẽ mang quần áo màu trắng và mũ về nhà vào thứ sáu của tuần được phân công phục vụ bữa trưa. Phụ huynh cần giặt giũ và là cẩn thận để trẻ có thể mang đến trường vào thứ hai tuần tiếp theo. Nếu trẻ quên mang hoặc không giặt thì sẽ gây ảnh hưởng đến những học sinh được phân công lần tiếp theo.

② Rửa đũa và bình nước

Hàng ngày, phụ huynh cần rửa sạch đũa dùng khi ăn trưa ở trường và bình nước trẻ mang đến trường. Nếu không rửa sạch sẽ, miệng của trẻ sẽ tiếp xúc với đồ chứa nhiều vi khuẩn.

③ Tắm rửa

Phụ huynh nên cho trẻ tắm rửa sạch sẽ hàng ngày. Cơ thể trẻ thường ra nhiều mồ hôi. Do đó, phụ huynh cần tắm rửa và gội đầu sạch sẽ cho trẻ. Trẻ không nhất thiết phải tắm bồn, mà chỉ cần tắm vòi hoa sen hoặc lau người bằng khăn ướt.

Nếu trẻ không tắm, cơ thể trẻ có thể sẽ có mùi khó chịu. Tuy nhiên, phụ huynh không nên cho trẻ sử dụng đồ có mùi thơm như nước hoa. Trẻ em Nhật Bản không có thói quen sử dụng nước hoa. Nếu trẻ sử dụng nước hoa khi đến trường, trẻ có thể bị mọi người xung quanh cảm thấy mùi khó chịu.

Nhiều quốc gia không có thói quen tắm bồn hàng ngày. Tuy nhiên, nhiệt độ và độ ẩm của Nhật cao nên cơ thể dễ ra mồ hôi. Vì vậy, phụ huynh nên cho trẻ tắm rửa sạch sẽ hàng ngày.

元気な子どもの１日

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

子どもが毎日を元気に過ごすために、生活リズムをととのえましょう。子どもが明るく元気に過ごすには、運動、バランスの良い食事、十分な睡眠が必要です。特に**早寝・早起き・朝ごはん**は、子どもの成長にとても大切です。保護者の生活は子どもの生活リズムに大きな影響を与えます。子どもと保護者、一緒に規則正しい生活を心がけましょう。

あさ

- 生活リズムをととのえるには、早起きが大切です。登校するギリギリの時間ではなく余裕をもって起きましょう。朝起きたらカーテンを開け、太陽の光を浴びましょう。
- 必ず朝ごはんを食べましょう。朝ごはんが、午前中の勉強や休み時間を元気に過ごすエネルギーになります。朝ごはんを食べないと、授業中に頭がぼんやりしたり、眠くなったりします。また食事のバランスが崩れ、肥満につながることがあります。
- なるべく朝に家でうんちをしましょう。うんちの状態は健康の目安です。
- 顔を洗って歯みがきをしましょう。

ひる

- 体育の時間に運動したり、休み時間に外で遊んだりして、適度に運動しましょう。
- 外から帰ったら手洗い・うがいをしましょう。
- 給食をしっかり食べましょう。
- 夕食までの間にお腹が空いたら、おやつを食べましょう。

よる

- 夜ごはんはバランスよく食べましょう。あまり遅くならないようにしましょう。
- お風呂に入りましょう。子どもは汗をたくさんかきます。汚れを流し頭を洗いましょう。
- 寝る前に歯をみがきましょう。
- 夜９時までに寝ることが目標です！子どもの体も頭も寝ている間に成長します。寝るのが遅くなり睡眠時間が短くなると、子どもの学力に影響したり、子どもがイライラしたりします。早く寝るようにしましょう。

なぜ手洗い・うがいをするの？

手や口のなかにいるウイルスやばい菌を洗い落とし、病気を予防するためです。

うがいの方法

水を口に含み、上を向いて口を開けながら「あー」や「がー」と声を出します。そのあと水を吐きだして捨てます。これを数回くり返しましょう。

Một ngày của trẻ khỏe mạnh

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Trẻ cần có chế độ sinh hoạt hợp lý để duy trì sức khỏe hàng ngày. Vận động, ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng và ngủ đủ giờ là những việc rất quan trọng để trẻ luôn vui vẻ, khỏe mạnh. Đặc biệt, **ngủ sớm, dậy sớm và ăn sáng đầy đủ** rất cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Chế độ sinh hoạt của phụ huynh ảnh hưởng rất lớn đến chế độ sinh hoạt của trẻ. Phụ huynh và trẻ nên cùng nhau cố gắng để duy trì cuộc sống lành mạnh và điều độ.

Sáng

- Dậy sớm rất quan trọng trong chế độ sinh hoạt hàng ngày. Trẻ nên dậy sớm để có thời gian thoải mái trước giờ đến trường. Buổi sáng, sau khi ngủ dậy, trẻ nên mở rèm cửa và tắm ánh nắng mặt trời.
- Ăn sáng. Bữa sáng cung cấp năng lượng giúp trẻ khỏe mạnh suốt thời gian học buổi sáng và thời gian nghỉ ngơi. Nếu không ăn sáng, trẻ sẽ lơ đãng và cảm thấy buồn ngủ trong giờ học. Không chỉ vậy, chế độ ăn uống không hợp lý có thể dẫn đến nguy cơ béo phì.
- Cố gắng đi vệ sinh ở nhà. Tình trạng của phân có thể biết được tình trạng sức khỏe.
- Rửa mặt và đánh răng.

Trưa

- Vận động một cách hợp lý như tập thể dục trong tiết học thể chất, chơi ngoài trời trong thời gian nghỉ ngơi.
- Rửa tay và súc miệng khi đi từ ngoài về.
- Ăn đầy đủ bữa trưa ở trường.
- Ăn đồ ăn nhẹ nếu cảm thấy đói trước bữa tối.

Tối

- Ăn tối điều độ. Không nên ăn tối quá muộn.
- Tắm rửa sạch sẽ. Cơ thể trẻ ra nhiều mồ hôi. Vì vậy, phụ huynh nên cho trẻ tắm rửa và gội đầu sạch sẽ.
- Đánh răng trước khi đi ngủ.
- Mục tiêu là đi ngủ trước 9:00 tối! Cơ thể và trí óc sẽ của trẻ phát triển trong thời gian ngủ. Nếu trẻ ngủ muộn thì thời gian ngủ sẽ ngắn, khi đó học lực của trẻ sẽ bị ảnh hưởng và trẻ sẽ mất tính kiên nhẫn. Vì vậy, phụ huynh nên cho trẻ đi ngủ sớm.

Tại sao phải rửa tay và súc miệng?
Để loại bỏ virus và vi khuẩn ở tay, trong miệng và phòng chống bệnh tật.

Cách súc miệng
Ngậm nước trong miệng, ngửa mặt lên trên, há miệng và nói “A…”, “Ga…”. Sau đó nhổ nước trong miệng ra. Lặp lại các bước này một vài lần.

給食

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 給食ってなに？

給食は、小学校で食べるお昼ご飯のことです。栄養のバランスを考えて作られています。食べる楽しさ、食べることの大切さ、食べる時のマナーも一緒に学びます。

給食の時間は決まっています。みんなで一緒に食べます。給食の時間だけ家に帰って食べることはできません。日本では、多くの保育園や中学校でも給食があります。

2. 給食にかかるお金

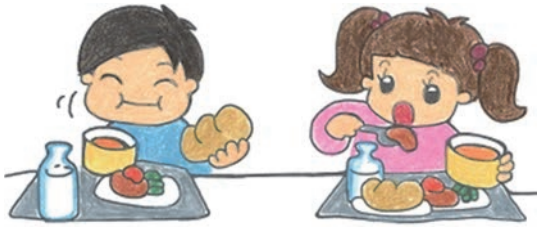

給食は無料ではありません。毎月給食費を払います。

3. 給食の味付けについて

基本的には、日本人向けの味付けになっています。初めのうちは食べ慣れないこともあります。これから毎日給食を食べます。少しずつでも食べて慣れていきましょう。

4. 食事のマナーについて

箸の使い方、食べる時の姿勢、お椀を手に持って食べるなど、日本のマナーがあります。給食の時間に間違ったマナーで食べていると先生がいろいろと教えてくれます。みんなで楽しく食べるためにはマナーを守ることも必要です。分からないことや不思議に思うことがあれば、先生に聞いてみましょう。

5. 宗教上食べられないものがある場合

宗教上、食べられない食材がある場合には、しっかり保護者から小学校の先生に伝えましょう。できるだけ取り除いてもらえることもありますが、小学校で対応しきれない場合は、保護者に協力していただき、その日はお弁当を持っていくこともあります。

Bữa trưa ở trường (Kyuushoku)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Bữa trưa ở trường (Kyuushoku) là gì?

Bữa trưa ở trường là bữa trưa mà học sinh ăn ở trường. Bữa trưa được nấu với đầy đủ chất dinh dưỡng. Đây là cơ hội để học sinh cùng nhau ăn uống vui vẻ, học về tầm quan trọng của bữa ăn và những quy tắc khi ăn.

Nhà trường quy định thời gian cho bữa trưa. Tất cả học sinh cùng nhau ăn trưa ở trường. Học sinh không được phép về nhà chỉ để ăn trưa trong thời gian ăn trưa. Ở Nhật, hầu hết các nhà trẻ (hoikuen) và trường trung học cơ sở đều có bữa trưa.

2. Chi phí cho bữa trưa ở trường

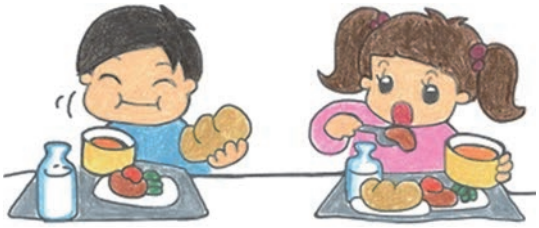

Bữa trưa ở trường không miễn phí.

Hàng tháng, nhà trường sẽ thu tiền ăn trưa.

3. Gia vị bữa trưa ở trường

Về cơ bản, bữa trưa ở trường có gia vị phù hợp với khẩu vị của người Nhật. Lúc đầu, học sinh có thể sẽ không ăn quen. Tuy nhiên, từ giờ trở đi, học sinh sẽ ăn trưa ở trường hàng ngày. Do đó, học sinh cần làm quen với gia vị bữa trưa ở trường.

4. Những quy tắc khi ăn

Ở Nhật có những quy tắc liên quan đến cách sử dụng đũa, tư thế khi ăn, cầm bát trên tay khi ăn… Giáo viên sẽ sửa cho học sinh nếu học sinh không thực hiện đúng các quy tắc khi ăn bữa trưa ở trường. Học sinh cần tuân thủ đúng các quy tắc khi ăn để tất cả mọi người cùng thưởng thức bữa ăn một cách vui vẻ. Học sinh cần hỏi giáo viên nếu có điều gì không hiểu hoặc điều mình cảm thấy lạ lẫm.

5. Trường hợp học sinh không thể ăn được một số món ăn vì lý do tôn giáo

Trường hợp có những thực phẩm mà trẻ không thể ăn được vì lý do tôn giáo, phụ huynh cần thông báo với giáo viên nhà trường. Nhà trường sẽ cố gắng đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh nhưng cũng có những trường hợp không thể đáp ứng được. Khi đó, phụ huynh cần hợp tác và cho trẻ mang cơm hộp vào ngày hôm đó.

6. アレルギーなどで食べられないものがある場合

アレルギーなどで食べられない食材がある場合には、しっかり保護者から小学校に伝えましょう。対応について、先生と相談しましょう。

小学校では通常、アレルギーなどで食べられない食材（主に卵・乳製品）を取り除いた給食（除去食）を申請することができます。その際、食べられない食材について医師の指示書などが必要です。病院に行って指示書をもらってから、小学校に相談しましょう。小学校によっては除去食が準備できないこともあります。除去食が準備できない場合や、除去食でも対応することができないアレルギーがある場合は、お弁当を持っていくことが多いです。

（注意）・除去食は、子どもの嫌いな物を取り除くということではありません。
・医師より、食物アレルギーによるアナフィラキシーに緊急対応するための「エピペン」を処方されている場合は、必ず小学校にも１セット渡すようにしましょう。
・通常の献立よりさらに詳しく使用食材が書かれた献立表が学校や給食センターにはあります。それを見てチェックするとよいでしょう。

7. その他

（１）給食のために各家庭で準備するものがあります。小学校によって異なりますので、確認しましょう。
（例）手ふき用ハンカチ、おはし、給食ナプキン、マスク
コップ、歯ブラシ（給食のあとに歯磨きをします。）
※毎日家で洗うものを学校で確認しましょう。

（２）給食の準備（みんなに配るなど）から子どもが自分たちでやっていきます。7～10人くらいの班で、ローテーションをしていきます。当番になった人は、白衣・帽子または三角巾・マスクを着けて給食をよそったりします。給食当番の人は、一週間の当番が終わったら、白衣と帽子を家に持ち帰り、洗濯をしアイロンをかけて月曜日に学校へ持っていきます。忘れると次の当番の人に迷惑をかけるので忘れないようにしましょう。

【保護者の方へ】

（　　）給食があります。

（　　）給食がありません。弁当を持ってきてください。

（　　）給食に食べられない食材があるときだけ、弁当を持ってきてください。

6. Trường hợp học sinh không thể ăn được một số món ăn do bị dị ứng

Trường hợp có những thực phẩm mà trẻ không thể ăn được do bị dị ứng, phụ huynh cần thông báo với nhà trường. Khi đó, phụ huynh và giáo viên cần trao đổi để tìm cách giải quyết.

Thông thường, ở trường tiểu học, phụ huynh có thể đăng ký bữa ăn không sử dụng các nguyên liệu gây dị ứng mà con mình không ăn được (chủ yếu là trứng và các sản phẩm sữa), bữa ăn này được gọi là "jokyoshoku". Khi đó, phụ huynh cần xin giấy hướng dẫn của bác sỹ về các nguyên liệu con mình không ăn được. Phụ huynh cần trao đổi với nhà trường sau khi nhận được giấy hướng dẫn của bác sỹ ở bệnh viện. Một số nhà trường không thể chuẩn bị được bữa ăn không sử dụng nguyên liệu gây dị ứng. Trường hợp nhà trường không thể chuẩn bị được hoặc trường hợp chuẩn bị được nhưng vẫn có một số nguyên liệu gây dị ứng thì học sinh phải mang theo cơm hộp.

(Lưu ý)
- Bữa ăn không sử dụng nguyên liệu gây dị ứng không phải là bữa ăn không sử dụng các nguyên liệu học sinh không thích ăn.
- Trường hợp học sinh đang được bác sỹ kê đơn "epipen" (một thiết bị y tế sử dụng để điều trị khẩn cấp đối với sốc phản vệ gây ra bởi dị ứng thực phẩm), phụ huynh cần đưa cho nhà trường một bộ để nhà trường giữ.
- Ở trường hoặc trung tâm phục vụ bữa trưa có bảng thực đơn, bảng thực đơn này ghi chi tiết hơn thực đơn thông thường về các nguyên liệu sử dụng. Phụ huynh có thể xác nhận thông tin trên bảng thực đơn này.

7. Một số nội dung khác

(1) Mỗi gia đình phải chuẩn bị một số đồ dùng cho bữa ăn ở trường. Mỗi trường sẽ có quy định khác nhau nên phụ huynh cần xác nhận với nhà trường.
(Ví dụ) Khăn lau tay, đũa, khăn trải bàn, cốc, bàn chải đánh răng (để đánh răng sau bữa ăn).
※Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường về những đồ dùng phải giặt hàng ngày ở nhà.

(2) Học sinh phải tự phục vụ bữa trưa ở trường từ bước chuẩn bị bữa ăn (như phân phát cho mọi người…). Học sinh thực hiện luân phiên nhau theo nhóm khoảng 7 đến 10 người. Học sinh đến lượt phụ trách của mình phải mặc trang phục màu trắng, đội mũ hoặc đội khăn hình tam giác và đeo khẩu trang để chuẩn bị bữa trưa. Sau khi hết một tuần phụ trách, học sinh phải mang trang phục màu trắng và mũ về nhà để giặt, là, sau đó mang đến trường vào thứ hai tuần tiếp theo. Nếu học sinh quên không mang thì sẽ ảnh hưởng đến người phụ trách tiếp theo. Do đó, học sinh cần chú ý nhớ mang theo.

【Dành cho phụ huynh】
(　　) Ở trường có bữa trưa.
(　　) Ở trường không có bữa trưa. Học sinh cần mang theo cơm hộp.
(　　) Học sinh cần mang theo cơm hộp khi bữa trưa ở trường có món ăn sử dụng nguyên liệu học sinh không ăn được.

お弁当・水筒

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. お弁当がいる日

遠足や社会科見学、運動会、修学旅行、野外学習の日、また天候によって小学校で給食が準備できない日などに持って行きます。

2. お弁当を準備するときに気をつけること

お弁当を準備するときには次のことに気をつけてください。

①お弁当は自分のお弁当箱にいれます。店で買ったものでも、お弁当箱に入れなおして持たせてあげるといいでしょう。

②子どもが食べられる量を準備します。多すぎたり、少なすぎたりしないようにしましょう。

③持ち運ぶときに汁がこぼれてしまうことがあります。汁気のない物を入れましょう。

④腐りやすい物、生ものはできるだけ控えましょう。特に夏は腐りやすいので、保冷剤などを利用しましょう。

⑤外で食べることもあります。こぼしたり、手がよごれたりしない食べやすいものを入れましょう。

⑥お弁当にはおかしなどのおやつは入れません。くだものなどは入れてもいいです。

⑦子どもたちは手作りのお弁当を楽しみにしています。楽しく食べられるようなお弁当を準備しましょう。

3. 日本のお弁当

日本にはお弁当の文化があります。栄養のバランスだけでなく、色どりなど見た目も考えて作ります。子どもが食べるお弁当と言えば、ほとんど手作りです。

【日本のお弁当】

Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Ngày mang cơm hộp (Obentou)

Học sinh mang cơm hộp vào những ngày như dã ngoại, tham quan, đại hội thể thao, du lịch cuối khóa, học ngoại khóa, và những ngày nhà trường không chuẩn bị được bữa trưa do điều kiện thời tiết.

2. Những điều cần lưu ý khi chuẩn bị cơm hộp

Phụ huynh và học sinh cần lưu ý những điều dưới đây khi chuẩn bị cơm hộp.

① Cơm hộp phải để trong hộp cơm của mình. Nếu cơm mua ở cửa hàng thì phải gắp sang hộp của mình để mang đến trường.

② Chuẩn bị đủ lượng thức ăn mà trẻ có thể ăn được. Không mang quá nhiều hoặc quá ít.

③ Đồ ăn có nước sẽ tràn ra trên đường đi. Vì vậy, không nên mang đồ ăn có nước.

④ Hạn chế mang đồ ăn dễ hỏng, đồ ăn sống. Đặc biệt nên sử dụng chất giữ lạnh vào mùa hè vì mùa hè đồ ăn dễ hỏng.

⑤ Thỉnh thoảng học sinh sẽ ăn ở bên ngoài. Vì vậy, nên mang những đồ dễ ăn để tránh làm đổ hay làm bẩn tay.

⑥ Không đặt đồ ăn vặt như bánh kẹo vào hộp cơm. Tuy nhiên, có thể mang hoa quả.

⑦ Trẻ thường háo hức mong chờ những hộp cơm nấu ở nhà. Vì vậy, phụ huynh nên chuẩn bị cơm hộp để con mình có thể vui vẻ thưởng thức.

3. Cơm hộp của Nhật Bản

Nhật Bản có văn hóa mang cơm hộp. Hộp cơm không chỉ đầy đủ chất dinh dưỡng mà còn rất đẹp mắt, nhiều màu sắc. Hầu hết cơm hộp trẻ ăn thường là cơm nấu ở nhà.

【Cơm hộp của Nhật】

4. 水筒がいる日

遠足や社会科見学、運動会、野外学習、修学旅行に持っていったり、また夏の間は毎日小学校に持っていったりします。一年中持っていってもいい小学校もあります。先生に確認しましょう。学校からお茶や水を子どもに与えることはありません。給食のときにお茶が出される学校もあります。

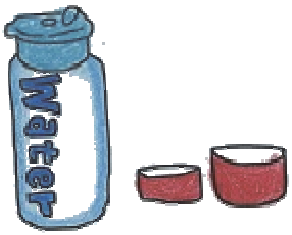

5. 水筒を準備する時に気をつけること

水筒を準備する時には次のことに気をつけてください。

①水筒は保冷・保温効果のあるステンレス製のものがおすすめです。

②お茶や水は必ず水筒にいれます。ペットボトルのまま持っていきません。

③水筒は子どもの飲む量に合った大きさのものを準備しましょう。

④水筒の中身はお茶か水です。ジュースは入れてはいけません。お茶は、麦茶・玄米茶・ウーロン茶などです。

⑤コップつきの水筒を準備しましょう。ストローのついたものは、衛生上よくありません。

⑥運動部で部活動をしている子どもは、熱中症を防ぐためスポーツ飲料を持っていっていい場合があります。小学校によってルールが違うので、先生に確認しましょう。

6. 日本で水筒の中身がお茶か水である理由

国によっては食事のときにジュースを飲んだり、甘いお茶を飲んだりします。食事の味付けとのバランスによります。日本食には砂糖を使った甘い味付けのものもあります。糖分のバランスも考えた食事になっています。ジュースなどを飲みすぎると糖分の取りすぎになってしまいます。そのため、食事の時や水分補給には糖分のないお茶や水を飲みます。

4. Ngày mang bình nước (Suitou)

Học sinh mang bình nước khi đi dã ngoại, tham quan, đại hội thể thao, học ngoại khóa, du lịch cuối khóa. Ngoài ra, vào mùa hè, học sinh mang bình nước đến trường hàng ngày. Một số trường cho phép học sinh mang bình nước đến trường tất cả các ngày trong năm. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường về điều này. Nhà trường không phát cho học sinh trà và nước uống. Tuy nhiên, một số trường phát trà cho học sinh vào bữa trưa.

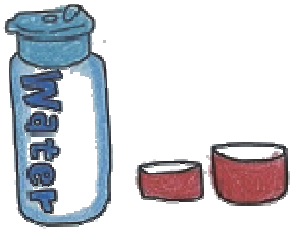

5. Những điều cần lưu ý khi mang bình nước

Phụ huynh và học sinh cần lưu ý những điều dưới đây khi mang bình nước.

① Nên mang bình nước có chất liệu thép không gỉ, có chế độ giữ lạnh và giữ ấm.

② Trà và nước phải để trong bình nước. Không được mang chai nhựa mua ở cửa hàng.

③ Chuẩn bị bình nước có dung tích phù hợp với lượng nước mà trẻ uống.

④ Chỉ được phép mang theo bình nước có trà hoặc nước. Không được phép mang theo bình có nước hoa quả. Trà có nhiều loại như trà lúa mạch, trà gạo lứt, trà oolong…

⑤ Chuẩn bị bình nước có kèm theo cốc. Bình nước có kèm theo ống hút sẽ không đảm bảo vệ sinh.

⑥ Những học sinh tham gia hoạt động câu lạc bộ liên quan đến thể thao có thể được cho phép mang theo đồ uống thể thao để tránh bị say nắng. Mỗi trường sẽ có những quy định khác nhau nên phụ huynh cần xác nhận với giáo viên về vấn đề này.

6. Lý do tại sao ở Nhật chỉ mang theo trà hoặc nước

Một số quốc gia uống nước hoa quả hoặc uống trà ngọt trong bữa ăn. Điều này phụ thuộc vào sự cân bằng về gia vị trong bữa ăn. Một số đồ ăn Nhật sử dụng đường nên có vị ngọt. Bữa ăn đã có sự cân bằng về lượng đường. Do đó, nếu uống các đồ uống ngọt như nước hoa quả trong bữa ăn thì sẽ dẫn đến tình trạng hấp thu quá nhiều lượng đường. Vì lý do này, trong bữa ăn hoặc khi cần bổ sung nước thì nên uống trà không đường hoặc nước.

家庭での使用言語について

1. 家庭の言葉の大切さ

子どもは今、保護者と何語でお話していますか？保護者の母語ですか？それとも日本語ですか？子どもにとって家庭で話す言葉はとても大切です。家庭での言語が十分育っていると、日本語もよく育つと言われています。日本語を早く上達させたいと思って家庭でも日本語を話すようにすすめ、母語の使用を禁止したりしていませんか？保護者の日本語レベルが日本人と同レベルであれば、子どもとの意思疎通が十分にとれますが、そうではない場合、子どもとのコミュニケーションを十分に日本語でとることはできません。日本にいても保護者が一番自由に話せる言葉（母語）で子どもとしっかりコミュニケーションをとることが大切です。

幼い子どもの母語はまだ十分に育っていません。小学校で日本語にたくさん触れる生活になると、だんだん日本語の方が話せるようになっていきます。子どもは言語を覚えるのも早いですが忘れるのもとても早いです。日本語に触れることが多くなればなるほど、母語を忘れていってしまいます。日頃から母語でコミュニケーションをとることを心がけましょう。

2. 母語を忘れるとどうなるの？

【会話が成り立たない！】

母語を忘れる事の一番大きな問題は、保護者と会話をする言葉を失うことです。保護者と会話をする言葉を失うとはどういうことでしょう？日本語だけ話せればいいと思いますか？子どものころは保護者の分かる簡単な日本語で会話ができるかもしれません。しかし、中学生、高校生と成長していくうちに、保護者が母語で話しかけても子どもは日本語で返すようになったり、進学のことや将来のことを話し合いたいのに話し合えないという状況になったりします。そうすると子どもは大変不安定な精神状態になります。子どもの心の安定のためにも、日頃から母語で十分に話をしましょう。

【母語能力も日本語能力も低いとどうなる？】

小学校へ入ると、勉強に必要な言葉などがたくさん出てきます。そしてその言葉は目に見えるものの言葉だけではなく、学年が上がるにしたがって目の前にないことについて述べたり、考えたりするための言語力が必要となります（例：「木」→「自然」→「環境」）。母語が十分育ち、母語でしっかり考えることができる子どもであれば、日本語で分からなくても母語に置き換えることで理解することができますが、母語でも日本語でも知らない概念を身につけるということは、子どもにとってとても大変なことです。母語をしっかり習得させるか日本語での教育をしっかり行うかしないと、どちらの言語も考える力が発達しません。教科学習に大きな影響を与えます。

3. どうしたらいい？

日本にいるんだから日本語だけ！いずれ母国に帰るから母語だけ！ではなく、母語も日本語も大切にしましょう。保護者が無理に日本語で話そうとするよりも、一番得意な言語(母語)で話すことで、子どもは母語と日本語を使い分けて話せるようになっていきます。

Ngôn ngữ sử dụng trong gia đình

1. Tầm quan trọng của ngôn ngữ sử dụng trong gia đình

Con bạn đang sử dụng ngôn ngữ gì khi nói chuyện với bố mẹ? Tiếng mẹ đẻ của bố mẹ hay tiếng Nhật? Ngôn ngữ sử dụng trong gia đình rất quan trọng đối với trẻ. Nếu trẻ học tốt ngôn ngữ sử dụng trong gia đình thì cũng sẽ học tốt được tiếng Nhật. Có bố mẹ nào cấm con mình sử dụng tiếng mẹ đẻ, khuyên con sử dụng tiếng Nhật ngay cả trong gia đình chỉ vì muốn con mình nhanh chóng giỏi tiếng Nhật không? Nếu trình độ tiếng Nhật của bố mẹ tương đương với người Nhật thì có thể thấu hiểu được những suy nghĩ của trẻ, nhưng nếu không phải như vậy thì bố mẹ không thể giao tiếp hoàn toàn được với trẻ. Điều quan trọng nhất là bố mẹ phải giao tiếp với trẻ bằng ngôn ngữ mà bố mẹ sử dụng thành thạo nhất (tiếng mẹ đẻ) kể cả khi sống ở Nhật.

Năng lực tiếng mẹ đẻ của trẻ nhỏ chưa thể hoàn chỉnh được. Do trẻ sống trong môi trường là trường tiểu học, có nhiều cơ hội tiếp xúc với tiếng Nhật nên trẻ sẽ dần giao tiếp được bằng tiếng Nhật. Trẻ học ngôn ngữ rất nhanh nhưng cũng quên rất nhanh. Càng tiếp xúc với tiếng Nhật nhiều, trẻ càng dễ quên tiếng mẹ đẻ. Do đó, phụ huynh cần cố gắng giao tiếp với con mình bằng tiếng mẹ đẻ hàng ngày.

2. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu trẻ quên tiếng mẹ đẻ?

【Bố mẹ không thể giao tiếp được với con mình!】

Vấn đề nghiêm trọng nhất khi trẻ quên tiếng mẹ đẻ là trẻ sẽ đánh mất ngôn ngữ để giao tiếp với bố mẹ. Trẻ đánh mất ngôn ngữ để giao tiếp với bố mẹ nghĩa là như thế nào? Bố mẹ có nghĩ trẻ chỉ cần nói được tiếng Nhật không? Khi còn nhỏ, trẻ có thể giao tiếp được với bố mẹ bằng cách sử dụng những câu tiếng Nhật đơn giản mà bố mẹ hiểu được. Tuy nhiên, khi trẻ học lên trung học cơ sở và trung học phổ thông, nếu bố mẹ nói bằng tiếng mẹ đẻ thì trẻ sẽ nói bằng tiếng Nhật, và dẫn đến tình trạng bố mẹ và trẻ không thể trao đổi được với nhau về việc học tập hay tương lai của trẻ. Khi đó, trẻ sẽ bị rơi vào tình trạng bất ổn định về mặt tinh thần. Vì vậy, phụ huynh cần nói chuyện với trẻ bằng tiếng mẹ đẻ hàng ngày để tâm lý của trẻ luôn được ổn định.

【Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cả năng lực tiếng mẹ đẻ và năng lực tiếng Nhật giảm?】

Khi trẻ bắt đầu học tiểu học, rất nhiều từ ngữ cần thiết cho việc học sẽ xuất hiện. Năng lực về từ ngữ rất quan trọng, vì từ ngữ không chỉ đơn thuần dùng để giải thích những sự vật, sự việc nhìn thấy bằng mắt, mà khi trẻ học cao hơn, những từ ngữ này còn dùng để biểu đạt suy nghĩ, diễn tả về những sự vật, sự việc không thể nhìn thấy bằng mắt (Ví dụ: “Cây” → “Thiên nhiên” → “Môi trường”). Nếu trẻ có đủ năng lực tiếng mẹ đẻ và có thể suy nghĩ, tư duy bằng tiếng mẹ đẻ thì trẻ có thể hiểu được ý nghĩa từ ngữ bằng cách chuyển đổi từ ngữ đó sang tiếng mẹ đẻ cho dù trẻ không hiểu tiếng Nhật. Tuy nhiên, việc học những khái niệm mới mà trong tiếng mẹ đẻ hay tiếng Nhật trẻ đều không biết là một việc rất khó khăn đối với trẻ. Nếu phụ huynh không cho trẻ học tiếng mẹ đẻ một cách hệ thống hoặc không dạy trẻ tiếng Nhật thì trẻ không phát triển được khả năng tư duy trong cả hai ngôn ngữ. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc học ở trường của trẻ.

3. Phụ huynh nên làm gì?

Phụ huynh nên coi tầm quan trọng của tiếng mẹ đẻ và tiếng Nhật tương đương nhau. Phụ huynh không nên có những suy nghĩ như “Đang sống ở Nhật nên chỉ cần học tiếng Nhật” hay “Kiểu gì cũng về nước nên chỉ cần học tiếng mẹ đẻ”. Phụ huynh nên nói chuyện với trẻ bằng ngôn ngữ mình thành thạo nhất (tiếng mẹ đẻ), không nên cố nói tiếng Nhật một cách gượng gạo. Nhờ đó, trẻ sẽ hình thành khả năng phân biệt, sử dụng tiếng mẹ đẻ và tiếng Nhật theo từng tình huống.

PTA活動

1. PTAって何？

PTAは英語の「保護者と先生の会」の略です。保護者と先生が、協力し合って子どもたちの教育を支援するいろいろな活動をしています。小学校に子どもが入学すると保護者はPTAの会員になります。PTAの会員の中から役員を決めます。役員を中心として、いろいろな委員会を運営していきます。教育に関する学習活動や広報活動、文化・スポーツ活動、教育資金集めなどを行います。PTAが主催する行事や活動は、役員が企画し、毎回小学校を通して保護者全員に案内が届きます。

PTAの活動は全て無報酬です。仕事を休んで参加しなければならないこともあります。しかし、その活動は全て子どもたちの教育を支援する活動につながっています。

2. 具体的にどんな活動があるの？

活動内容は各小学校によります。例として、以下のような活動があります。

○バザー

各家庭の不用品（自分にとっては不用品だが、他の人にとっては価値のあるもの）を持ち寄り販売します。売上げは教育に役立てる資金として使用されます。

まずは各家庭の不用品を集めるところから始まります。そして一つひとつに値札をつけ、販売の準備をします。

バザー当日には、売る側として作業をします。バザーはとても人気なので、多くの人が買いに来ます。

○廃品回収

学区の各家庭からリサイクルできる廃品を集め、業者に回収を依頼します。回収された量によって、業者からお金を受け取ります。受け取ったお金は教育に役立てる資金として使用されます。

まずは学区の方々に廃品回収へのご協力をお願いするところから始まります。廃品回収の日時の広報、回収当日の作業などがあります。多くの場合、土日などの休みの日に行われます。

3. 役員になったらどうしよう・・・

日本語が分からないからといって、PTAの活動に参加しなくてもいいというわけではありません。外国人の保護者でも役員をすることもあります。分からないときには周りの人に助けてもらえばいいのです。普段関わり合うことのない保護者や小学校の先生とコミュニケーションをとることのできる機会でもあります。子どもの小学校での様子を知る機会も増えます。積極的に参加してみましょう。

Hoạt động PTA

1. PTA là gì?

PTA (Parent-Teacher Association) là từ viết tắt trong tiếng Anh, có nghĩa là "Hội phụ huynh và giáo viên). Phụ huynh và giáo viên cùng nhau hợp tác để thực hiện các hoạt động hỗ trợ giáo dục cho trẻ em. Phụ huynh sẽ trở thành hội viên của PTA khi con mình bắt đầu học tiểu học. Hiệp hội sẽ lựa chọn ủy viên từ các hội viên của PTA. Hiệp hội bao gồm nhiều ủy ban do các ủy viên điều hành. Các ủy ban này sẽ thực hiện các hoạt động như hoạt động học tập liên quan đến giáo dục, hoạt động thông báo, hoạt động văn hóa và thể thao, thu quỹ giáo dục… Thông tin về các sự kiện và hoạt động do PTA tổ chức sẽ được nhà trường thông báo đến tất cả các phụ huynh.

Tất cả các hoạt động của PTA đều là hoạt động tình nguyện. Phụ huynh có thể phải nghỉ làm để tham gia hoạt động. Tuy nhiên, tất cả các hoạt động này đều có liên quan đến hoạt động hỗ trợ giáo dục trẻ em.

2. Có hoạt động cụ thể nào?

Nội dung hoạt động khác nhau tùy theo từng trường học. Dưới đây là một số ví dụ.

○ **Bán đồ cũ**

Hiệp hội sẽ tập hợp những đồ dùng không cần thiết từ các hộ gia đình (đồ dùng không cần thiết với người này nhưng có giá trị với người khác) để bán. Số tiền thu được sẽ được sử dụng làm quỹ giáo dục.

Trước hết, hiệp hội sẽ tập hợp những đồ dùng không cần thiết từ các hộ gia đình. Sau đó, dán giá tiền lên từng sản phẩm để chuẩn bị bán.

Trong ngày bán đồ cũ, phụ huynh sẽ làm công việc của một người bán hàng. Đây là một hoạt động được nhiều người quan tâm nên sẽ có rất nhiều người đến mua đồ.

○ **Thu hồi phế phẩm**

Hiệp hội sẽ tập hợp các phế phẩm có thể tái chế được từ các hộ gia đình trong khu vực trường học. Sau đó bên thu mua sẽ đến thu hồi và trả tiền theo số lượng phế phẩm. Số tiền thu được sẽ được sử dụng làm quỹ giáo dục

Trước hết, hiệp hội sẽ yêu cầu các hộ gia đình trong khu vực trường học hợp tác để thu hồi phế phẩm. Sau đó, hiệp hội sẽ thông báo thời gian thu hồi và thực hiện công việc thu hồi phế phẩm vào ngày đó. Hoạt động này chủ yếu được tổ chức vào ngày nghỉ như thứ bảy, chủ nhật.

3. Phụ huynh phải làm gì khi được chọn làm ủy viên?

Phụ huynh không biết tiếng Nhật cũng phải tham gia hoạt động PTA. Phụ huynh người nước ngoài cũng có thể được chọn làm ủy viên. Phụ huynh có thể nhờ những người xung quanh giúp đỡ nếu có điều gì không hiểu. Đây là một cơ hội rất tốt để phụ huynh có thể nói chuyện và trao đổi với giáo viên nhà trường và các phụ huynh khác mà ngày thường ít có dịp tiếp xúc. Đây cũng là cơ hội để phụ huynh có thể quan sát hoạt động ở trường của trẻ. Phụ huynh nên tích cực tham gia.

子どものために

1. 小学校生活を楽しく過ごすために・・・

さぁ、いよいよ子どもにとっても保護者にとっても初めての日本の小学校生活が始まります。子どもは日本の小学校に通うことを楽しみにしていますか？それとも不安に感じていますか？

残念ながら楽しいことばかりではないかもしれません。授業で先生の話していることが理解できなくて、勉強が分からなくなってしまうこともあります。母国ではやったことのない掃除や給食当番などを急にやらされて、とまどってしまうこともあるかもしれません。保護者も日本の小学校の経験がなければ子どもの毎日の中で生じる疑問に答えてあげることも難しいですよね。でも、まずは子どもの話をしっかりと聞いて、不安な気持ちを受け止めてあげてください。そして、子どもが不安に思っていることや保護者が分からないことはどんどん小学校の先生に相談したり、聞いたりしましょう。

先生も日本の小学校生活で、外国から来た子どもが不安に思うことや、文化の違いについて、想像しきれないことがあります。保護者と先生が子どもを一緒に支えていけるように、積極的にコミュニケーションをとりましょう。

子どもは不安を乗り越えて、小学校が楽しみになると、勉強も小学校生活もやる気をもってがんばれます。子ども本人のやる気が一番の成長につながります。

2. 毎日小学校に通うことが大切です。

日本では子どもにとって、小学校や中学校で義務教育を受けることが最優先されます。体調が悪いとき以外は学校を休みません。家事をするためや弟や妹の世話をするために休むことはありません。途中で小学校生活が途切れてしまうことのないように、子どもが小学校に継続して通える環境を整えましょう。

3. 教育にかかるお金

公立小学校では授業料はかかりませんが、毎月、給食費や修学旅行・遠足・見学費などの集金があります。入学時も公立学校は入学金は必要ありませんが、制服やカバン、体操服、学用品を買い揃えるためにまとまった金額が必要になります。子どものために毎月の教育費を確保してください。家族の経済的な理由により、これらの支払いが困難な時には、教育費の一部を援助する就学援助制度があります。詳しくは小学校に確認してください。

小学校卒業後の中学校への進学、高校への進学にもお金は必要です。なかにはまとまったお金を準備できず、やむを得ず高校進学をあきらめる子どももいます。将来のために早いうちからお金を貯金しておきましょう。

Vì lợi ích của trẻ

1. Để trẻ có cuộc sống vui vẻ ở trường tiểu học …

Cuộc sống sinh hoạt ở trường tiểu học của Nhật sắp sửa bắt đầu với cả phụ huynh và trẻ. Trẻ háo hức mong chờ hay trẻ cảm thấy lo lắng?

Rất tiếc khi phải nói rằng cuộc sống sinh hoạt ở trường không phải lúc nào cũng vui vẻ. Trẻ sẽ có những lúc không hiểu những gì giáo viên nói dẫn đến không hiểu được nội dung bài học. Trẻ cũng sẽ có thể cảm thấy lúng túng khi phải làm những việc mà trước đây chưa từng làm khi sống ở nước mẹ đẻ như dọn vệ sinh hay phục vụ bữa trưa… Về phía phụ huynh, nếu không có kinh nghiệm về trường tiểu học của Nhật, phụ huynh cũng sẽ cảm thấy khó khăn khi phải trả lời những câu hỏi trong cuộc sống hàng ngày của trẻ. Tuy nhiên, trước hết, phụ huynh cần lắng nghe những gì trẻ nói và thấu hiểu tâm trạng lo lắng của trẻ. Phụ huynh nên trao đổi và hỏi giáo viên về những điều trẻ cảm thấy lo lắng và những điều phụ huynh không hiểu.

Giáo viên có thể không hình dung được hết sự khác nhau về văn hóa, những điều mà một đứa trẻ ngoại quốc lo lắng trong cuộc sống sinh hoạt ở trường tiểu học của quốc gia khác. Phụ huynh và giáo viên cần tích cực trao đổi để có thể cùng nhau hỗ trợ và giúp đỡ trẻ.

Nếu vượt qua được những lo lắng và vui vẻ đến trường thì trẻ sẽ có thêm động lực để cố gắng trong học tập và trong cuộc sống sinh hoạt ở trường tiểu học. Động lực phấn đấu của trẻ đóng vai trò quan trọng rất lớn đối với sự phát triển của trẻ.

2. Đến trường hàng ngày rất quan trọng

Ở Nhật, việc tham gia giáo dục bắt buộc ở trường tiểu học và trường trung học cơ sở được ưu tiên hàng đầu. Trẻ chỉ nghỉ học khi tình trạng sức khỏe không tốt. Trẻ không nghỉ học vì các lý do như phải làm việc nhà, phải chăm sóc em trai hoặc em gái… Phụ huynh nên tạo môi trường tốt để trẻ có thể đến trường mà không bị gián đoạn giữa chừng.

3. Chi phí giáo dục

Trường tiểu học công lập được miễn phí học phí. Tuy nhiên, hàng tháng, nhà trường sẽ thu tiền ăn trưa, tiền du lịch cuối khóa (shuugaku ryokou), tiền dã ngoại (ensoku), tiền tham quan… Trường tiểu học công lập không thu phí nhập học, nhưng phụ huynh cần chuẩn bị một số tiền nhất định để mua quần áo, cặp sách, quần áo thể thao, đồ dùng học tập… cho trẻ. Phụ huynh cần đảm bảo chi phí giáo dục cho trẻ hàng tháng. Đối với những gia đình có khó khăn trong việc chi trả các khoản này do vấn đề kinh tế, có chế độ hỗ trợ giáo dục (shuugaku enjo seido) hỗ trợ một phần chi phí giáo dục. Phụ huynh có thể xác nhận thông tin chi tiết với nhà trường.

Sau khi trẻ tốt nghiệp tiểu học, phụ huynh cần chuẩn bị một khoản tiền để trẻ học tiếp lên trung học cơ sở và trung học phổ thông. Có những trẻ phải từ bỏ việc học trung học phổ thông một cách bất đắc dĩ chỉ vì không chuẩn bị đủ tiền. Vì tương lai của trẻ, phụ huynh nên tiết kiệm tiền từ sớm.

帰宅後の過ごし方

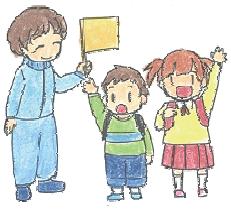

○小学校が終わったら・・・

小学校が終わったら、部活や学童保育（学童クラブ、放課後子どもクラブ、学童保育所などとも呼ばれます）に行く子ども以外は、まっすぐ家に帰ります。寄り道をしていたり、ランドセルを持ったまま公園で遊んでいたりすると、周りの大人は驚いてしまいます。時には「何かあったのか」と思われて小学校や警察に連絡されることもあります。かならず家に帰らせましょう。帰ってから遊びに行かせましょう。

○遊びに行くときは・・・

小学校から帰ってきた子どもは、そのまま遊びに行くこともあるでしょう。かならず子どもと保護者で「どこに行くのか？」「誰と遊ぶのか？」「何時までに帰ってくるのか？」を確認しましょう。子どもが帰ってくる時、家にいない保護者は、メモなどを使って子どもの動きが分かるようにしておくといいですね。日頃から「どうやって保護者に行き先などを伝えるか」のルールを決めておくといいかもしれません。

○外で遊ぶときは・・・

子どもは遊びを見つける天才です。大人では気付かないことに気付き、新しい遊びを見つけます。危険な場所も子どもたちにとっては遊ぶ場所となる可能性があります。そこで大切なことは、子どもと保護者で「遊んでいい場所」と「遊んではいけない場所」をきちんと話し合っておくことです。小学校は「学区外に行ってはいけない」と子どもに教えています。学区内で遊べる場所を確認しておきましょう。ゲームセンターやレストランなどには子どもだけで行かせないようにしましょう。

遊んでいい場所（例）
- 公園
- 児童館
- 図書館（静かにしないといけません！）

遊んではいけない場所（例）
- 私有地
- 工事現場
- 川

○友だちの家に遊びに行くときは・・・

子ども同士で家に遊びに行ったり、友だちが遊びに来たりすることがあります。家庭にはそれぞれルールがあります。子どもが相手の家のルールを乱したり無礼な事があったりすると、友だちだけでなく友だちの保護者までいやな思いをしてしまうかもしれません。お行儀よく遊びに行って、気持ちのいい友だち関係を築けるようにしましょう。

1．あいさつができる子どもにしましょう！

「こんにちは」「ありがとうございます」をきちんと言いましょう。また日本独特の挨拶もあります。言えるようにしておきましょう。

Thời gian sau khi về nhà

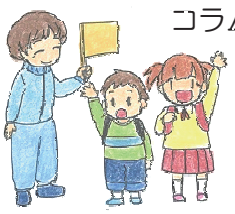

○ Sau khi trẻ tan học …

Sau khi tan học, trừ những học sinh tham gia hoạt động câu lạc bộ hay Chương trình giữ trẻ (Gakudou hoiku) (có nhiều tên gọi khác nhau như Gakudou Club, Houkado kodomo club, Gakudou hoikujo…), tất cả học sinh phải về thẳng nhà sau khi tan học. Những người lớn xung quanh sẽ thấy ngạc nhiên khi thấy trẻ đi chơi trên đường về nhà hay chơi ở công viên trong khi vẫn cầm cặp sách. Họ sẽ nghĩ rằng trẻ gặp chuyện gì đó và có thể họ sẽ liên lạc với nhà trường hoặc cảnh sát. Phụ huynh cần nhắc nhở trẻ về nhà ngay sau khi tan học và chỉ cho trẻ đi chơi sau khi trẻ về nhà.

○ Khi trẻ đi chơi …

Trẻ có thể đi chơi sau khi về nhà từ trường học. Phụ huynh cần hỏi trẻ “Đi đâu?”, “Chơi với ai?”, “Về nhà trước mấy giờ?”. Nếu phụ huynh không có ở nhà khi trẻ về nhà, phụ huynh có thể yêu cầu trẻ dùng giấy ghi nhớ để thông báo với bố mẹ nơi mình đi. Phụ huynh nên quy định với trẻ hình thức trẻ thông báo với bố mẹ.

○ Khi trẻ chơi ở ngoài …

Trẻ em là thiên tài khám phá các trò chơi. Trẻ em có thể nhận thấy những điều mà người lớn không nhận thấy và khám phá ra các trò chơi mới. Những nơi nguy hiểm cũng có thể là nơi trẻ sẽ chơi. Do đó, phụ huynh và trẻ nên trao đổi với nhau về “Khu vực được phép chơi” và “Khu vực không được phép chơi”. Nhà trường cũng luôn nhắc nhở trẻ “Không được phép ra khỏi khu vực trường học”. Phụ huynh cần biết được những nơi mà trẻ có thể chơi quanh khu vực trường học. Phụ huynh không nên cho trẻ đi một mình đến những nơi như quán điện tử (game center) hay nhà hàng.

Khu vực được phép chơi (Ví dụ)
- Công viên
- Trung tâm thiếu nhi (jidoukan)
- Thư viện (phải giữ yên lặng!)

Khu vực không được phép chơi (Ví dụ)
- Khu đất thuộc sở hữu cá nhân
- Khu vực đang thi công
- Sông

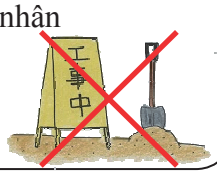

○ Khi trẻ đến nhà bạn chơi …

Trẻ có thể đến nhà bạn chơi hoặc bạn có thể đến nhà trẻ chơi. Mỗi gia đình sẽ có những quy tắc khác nhau. Nếu trẻ phá vỡ những quy tắc của nhà bạn hoặc cư xử không lễ phép thì không chỉ bạn mà cả bố mẹ của bạn cũng cảm thấy không hài lòng. Do đó, trẻ nên cư xử lễ phép khi đi chơi để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè.

1. Dạy trẻ chào hỏi lễ phép!

Trẻ phải nói được “Konnichiwa” (Xin chào) và “Arigatougozaimasu” (Cám ơn). Ngoài ra, trong tiếng Nhật có một số câu chào hỏi đặc trưng. Trẻ cần luyện tập để có thể sử dụng được những câu này.

「おじゃまします」　・・・友だちの家に入る時に言います。
「おじゃましました」　・・・友だちの家を出る時に言います。
「いただきます」　・・・飲む前や食べる前に言います。
「ごちそうさまでした」・・・飲み終わった時、食べ終わった時に言います。

2．友だちの家は自分の家ではありません。

友だちの家の物を勝手にさわってはいけません。日本人は家族以外の人が勝手に部屋のドアを開けたり、冷蔵庫を開けたりすることを、とても無礼なことだと感じます。もし「トイレに行きたい」や「のどが渇いた」というときは、友だちに「トイレ借りていい？」「お水もらってもいい？」をきちんと言えるようにしておきましょう。

3．おやつを出してもらったら・・・

友だちの保護者が子どもにおやつを出してくれることがあるかもしれません。よく家に遊びに行く友だちの保護者には、会った時にお礼を言うようにしましょう。またおやつを出してもらうことを当たり前と思わず、子どもがあまりお腹が空くようなら、家でおやつを食べてから遊びに行かせるようにしましょう。

○暗くなる前に・・・

子どもが外や友だちの家に遊びに行くときは、暗くなる前に帰るよう、子どもと約束しましょう。暗いときに子どもだけで外を歩いていると危険です。犯罪に巻き込まれる可能性もあります。また周りの大人も驚いて、小学校や警察に連絡することがあります。日本は海外から安全な国だと言われていますが、子どもが巻き込まれる犯罪が増えています。

季節によって外が暗くなる時間は異なります。季節ごとに子どもと「何時までに帰ってくるか」を確認しましょう。

また友だちの家に遊びに行っている時は、暗くなってくると友だちの家でも夕食やお風呂の準備を始めます。友だちの家の夕食やお風呂の邪魔にならないように、子どもが帰ってくるように約束しておきましょう。

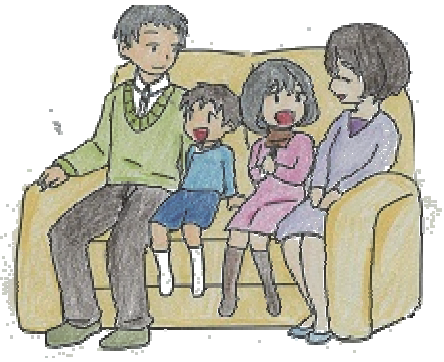

○子どもと保護者のコミュニケーション

もし子どもが帰ってきた時に保護者が家にいる時は、ぜひ子どもの小学校での様子を聞いてあげてください。子どもは自分のことを保護者に聞いてもらうことが大好きです。子どもが大きくなってきて中～高学年（3～6年生）になってくると、あまり自分のことを話さなくなることがあるかもしれません。それでも「今日小学校で何があった？」と聞いてあげてください。子どもは「保護者が自分に関心を持ってくれている」と安心します。

子どもが明るく健康に過ごすには、保護者のサポートやコミュニケーションがとても大切です。

"Ojamashimasu"··· Dùng khi vào nhà bạn.
"Ojamashimashita"··· Dùng khi ra khỏi nhà bạn.
"Itadakimasu":··· Dùng trước khi ăn hoặc trước khi uống.
"Gochisosamadeshita"··· Dùng sau khi ăn xong hoặc sau khi uống xong.

2. Nhà của bạn không phải là nhà của mình

Trẻ không được tự ý sờ vào đồ đạc trong nhà của bạn. Đối với người Nhật, việc người ngoài gia đình tự ý mở cửa phòng hay tự ý mở tủ lạnh là những việc làm không lịch sự. Phụ huynh nên dạy trẻ để khi muốn đi vệ sinh hay khi thấy khát nước, trẻ có thể nói được "Toire karite ii?" (Tớ dùng nhà vệ sinh một chút nhé) hay "Omizu moratte ii?" (Cho tớ xin một cốc nước nhé).

3. Khi trẻ được mời đồ ăn …

Trẻ có thể được bố mẹ của bạn mời đồ ăn. Phụ huynh nên nói lời cảm ơn khi gặp những phụ huynh mà con mình thường đến nhà chơi. Phụ huynh không nên nghĩ việc trẻ được mời đồ ăn là điều tất nhiên. Nếu trẻ đói thì phụ huynh nên cho trẻ ăn nhẹ ở nhà trước khi đi chơi.

○ Trước khi trời tối …

Khi trẻ đi ra ngoài chơi hoặc đi đến nhà bạn chơi, phụ huynh nên yêu cầu trẻ hứa trở về nhà trước khi trời tối. Trẻ đi bộ một mình bên ngoài khi trời tối rất nguy hiểm. Trẻ có nguy cơ bị lôi kéo phạm tội. Ngoài ra, những người lớn xung quanh sẽ thấy ngạc nhiên và có thể họ sẽ liên lạc với nhà trường hoặc cảnh sát. Người nước ngoài thường cho rằng Nhật là một nước an toàn. Tuy nhiên, số lượng tội phạm liên quan đến trẻ em ở Nhật đang tăng lên.

Thời gian mặt trời lặn khác nhau theo từng mùa. Phụ huynh cần hỏi trẻ thời gian trẻ trở về nhà.

Ngoài ra, trong khi trẻ đang chơi ở nhà bạn, gia đình bạn có thể bắt đầu chuẩn bị bữa tối và chuẩn bị đi tắm khi mặt trời lặn. Phụ huynh cần yêu cầu trẻ hứa về sớm để tránh làm ảnh hưởng đến bữa tối hay thời gian tắm của gia đình bạn.

○ Giao tiếp giữa bố mẹ và con

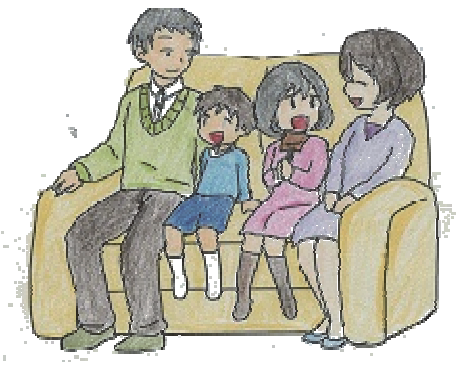

Nếu phụ huynh ở nhà khi trẻ đi học về thì phụ huynh nên lắng nghe trẻ kể về những sự việc xảy ra ở trường. Trẻ rất thích kể cho bố mẹ nghe những việc liên quan đến mình. Khi trẻ lớn hơn, khoảng thời gian khi trẻ học lớp giữa đến lớp lớn (từ lớp 3 đến lớp 6), trẻ có thể không muốn kể về bản thân nữa. Phụ huynh nên hỏi trẻ "Hôm nay ở trường như thế nào?". Khi đó, trẻ sẽ cảm thấy yên tâm rằng bố mẹ rất quan tâm đến mình.

Sự hỗ trợ và giao tiếp của phụ huynh đối với trẻ rất quan trọng để trẻ luôn có một cuộc sống vui vẻ và khỏe mạnh.

子どもの本名 Họ và tên của trẻ	
小学校で使用する名前 Tên gọi ở trường của trẻ ※本名と異なる場合のみ Trường hợp khác với tên thật	
日本語について Tiếng Nhật （困った時にお願いできる人） (Người mà phụ huynh có thể nhờ hỗ trợ về ngôn ngữ)	日本語の通訳／日本語の文書を保護者の言語で説明などお願いできる人 Người mà phụ huynh có thể nhờ phiên dịch tiếng Nhật hay giải thích những tài liệu tiếng Nhật bằng tiếng mẹ đẻ của phụ huynh. **（　　）いる Có　　お名前 Họ tên ＜　　＞** （　　）家族 Gia đình　（　　）親族 Người thân　（　　）勤務先の人 Đồng nghiệp （　　）知り合い Người quen **（　　）いない Không có**
保護者の方が読める言語（全て） Ngôn ngữ mà phụ huynh có thể đọc hiểu (tất cả)	
保護者の方が話せる言語（全て） Ngôn ngữ mà phụ huynh có thể giao tiếp (tất cả)	
小学校からの文書について Những tài liệu nhà trường gửi	（　　）日本語は全く読めない。Không đọc được chút nào （　　）ふりがながあれば読める。Có thể đọc được nếu có Furigana （　　）ふりがながなくても読める。Không có Furigana cũng đọc được
子どもが使う言語 Ngôn ngữ mà trẻ sử dụng	
宗教について 【　　】教 ※特に配慮が必要ない場合には記入しない Tôn giáo Đạo【　　】 ※Phụ huynh có thể để trống nếu thấy không cần phải lưu ý đặc biệt	宗教上食べてはいけない食材　Đồ ăn mà trẻ không thể ăn được vì lý do tôn giáo. **（　　）ある　Có** ※食材名について、ここにないものは正確に伝わるよう、辞書で調べるなどして、日本語で先生に伝えましょう。 Ngoài những đồ ăn nêu dưới đây, nếu có đồ ăn mà trẻ không thể ăn được thì phụ huynh nên tra từ điển để có thể truyền đạt được chính xác với giáo viên. （　　）豚肉 Thịt lợn　（　　）牛肉 Thịt bò　（　　）鶏肉 Thịt gà　（　　）イカ・タコ Mực và bạch tuộc （　　）発酵させたもの Đồ ăn lên men　（　　）乳製品 Các sản phẩm sữa　（　　）魚類　Các loại cá （　　）貝類 Động vật có vỏ　（　　）血の混ざったもの Đồ ăn có máu （　　）宗教的な処置を施していないもの　Đồ ăn chưa được xử lý về mặt tôn giáo 【Ví dụ: người ăn chay không chỉ không ăn thịt động vật mà còn không ăn thực phẩm có sử dụng mỡ động vật …】 （　　）その他 Những đồ ăn khác（　　） **（　　）ない　Không có**
	宗教上参加してはいけない行事　Sự kiện mà trẻ không thể tham gia được vì lý do tôn giáo. **（　　）ある　Có** （　　）遠足・社会科見学 Dã ngoại và tham quan　（　　）プール Bơi lội　（　　）キャンプ　Cắm trại （　　）運動会　Đại hội thể thao　（　　）修学旅行 Du lịch cuối khóa （　　）その他　Những hoạt động khác（　　） **（　　）ない　Không có**

・この他、気をつけてほしいことがあれば、直接先生に伝えましょう。

Ngoài những nội dung nêu trên, phụ huynh có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên nếu có điều gì cần lưu ý đối với con mình.

・ここに記入した配慮事項全てに対応できるというわけではありません。どのように対応していくかは、小学校と保護者で相談して決めます。

Nhà trường có thể không đáp ứng được tất cả những nội dung nêu trong bảng. Khi đó, phụ huynh và nhà trường cùng bàn bạc để tìm cách giải quyết.

行事のお知らせ　Thông báo sự kiện

（　　）← 行事名 / Tên sự kiện

【参加について　Tham gia】

（　　）子どもと保護者は必ず参加します。Phụ huynh và học sinh bắt buộc phải tham gia.

（　　）子どもは必ず参加します。保護者はできるだけ参加します。
Học sinh bắt buộc phải tham gia. Phụ huynh tham gia nếu có thể.

（　　）子どもだけ必ず参加します。保護者は参加しません。
Học sinh bắt buộc phải tham gia. Phụ huynh không cần tham gia.

【日時　Thời gian】

※時間は必ず守ります。集合時間に遅れてはいけません。
Tuân thủ thời gian quy định. Đi đúng giờ tập trung.

（　　）子どもの集合時間です。Thời gian tập trung của học sinh

○　日にち　Ngày〈　　〉　集合時間 Giờ tập trung〈　　：　　〉

（　　）子どもと保護者の集合時間は同じです。
Thời gian tập trung của phụ huynh và học sinh giống nhau

○　日にち　Ngày〈　　〉　集合時間 Giờ tập trung〈　　：　　〉

（　　）子どもと保護者の集合時間は違います。
Thời gian tập trung của phụ huynh và học sinh khác nhau

○ 子ども　Học sinh
　日にち　Ngày　〈　　〉　集合時間　Giờ tập trung〈　　：　　〉

○ 保護者　Phụ huynh
　日にち　Ngày　〈　　〉　集合時間　Giờ tập trung〈　　：　　〉

【弁当・水筒　Cơm hộp và bình nước】

○子ども Học sinh

（　　）弁当を持ってきてください。　Hãy mang theo cơm hộp

（　　）水筒を持ってきてください。　Hãy mang theo bình nước

○保護者 Phụ huynh

（　　）弁当を持ってきてください。　Hãy mang theo cơm hộp

（　　）水筒を持ってきてください。　Hãy mang theo bình nước

【持ち物　Đồ mang theo】

（　　）特別な持ち物が必要です。先生に確認してください。
Cần mang theo một số đồ đặc biệt. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên.

（　　）いつもと同じです。　Mang theo đồ giống ngày thường.

【服装　Trang phục】

（　　）いつもと違う服装で来ます。先生に確認してください。
Trang phục khác ngày thường. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên.

（　　）いつもと同じです。　Trang phục giống ngày thường.

参考URL

下記サイトも参考になります。

○あいち医療通訳システム運営事務局「あいち医療通訳システム」

<http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/>

病気やけがをしてしまったとき、日本語がわからない人のために、通訳の相談に乗ってくれます。

言語は英語、中国語、ポルトガル語、スペイン語、フィリピノ語です。

○あいち救急医療ガイド　救急医療情報センター「あいち救急医療ガイド」

<http://www.qq.pref.aichi.jp/es/qq/qq23egmp_lt.asp>

メインページは英語ですが、自分の言語に対応できる病院などを探すことができます。

○豊橋市教育委員会　外国人児童生徒教育資料「学校行事関係の案内文」

<http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/>

他の学校の、外国人の方向けに作られたおたよりを見ることができます。

「学校行事関係の案内文」のところをクリックしてください。

○（財）自治体国際化協会　地域国際化協会連絡協議会「多言語生活情報」

<http://www.clair.or.jp/tagengo/index.html>

外国人の方が日本で生活するために必要な基本的な生活情報を１３言語で説明しています。

○名古屋国際センター「海外児童生徒教育相談」

<http://www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/johosodan/kyoikusodan>

専門の相談員が、外国人の方の子どもの教育全般について相談に乗ってくれます。電話による予約制です。

○公益財団法人「愛知県国際交流協会」

<http://www2.aia.pref.aichi.jp/>

愛知県に住む外国人の方向けに様々な情報が載っています。

言語は英語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、韓国語、日本語です。

Trang web tham khảo

Phụ huynh có thể tham khảo các trang web dưới đây

○ Phòng vận hành hệ thống phiên dịch y tế tỉnh Aichi
"Hệ thống phiên dịch y tế tỉnh Aichi"
＜http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/＞
Trang web tư vấn về dịch vụ phiên dịch khi bị bệnh hoặc bị thương dành cho những người không biết tiếng Nhật.
Trang web có các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Philippines.

○ Hướng dẫn về y tế cấp cứu tỉnh Aichi – Trung tâm thông tin y tế cấp cứu
"Hướng dẫn về y tế cấp cứu tỉnh Aichi"
＜http://www.qq.pref.aichi.jp/es/qq/qq23egmp_lt.asp＞
Trang web được viết bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, phụ huynh có thể tìm các bệnh viện có hỗ trợ ngôn ngữ của mình.

○ Ủy ban giáo dục thành phố Toyohashi – Tài liệu giáo dục cho trẻ em người nước ngoài
"Thông báo về các sự kiện ở trường học"
＜http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/＞
Phụ huynh có thể xem những thông báo dành cho người nước ngoài của các trường học khác.
Phụ huynh xem bằng cách nhấp chuột vào mục 「学校行事関係の案内文」(Thông báo về các sự kiện ở trường học).

○ Hiệp hội quốc tế địa phương (CLAIR) - Ban liên lạc hiệp hội quốc tế khu vực
"Thông tin đa ngôn ngữ liên quan đến cuộc sống"
＜http://www.clair.or.jp/tagengo/index.html＞
Trang web cung cấp những thông tin cần thiết cơ bản về cuộc sống bằng 13 ngôn ngữ dành cho người nước ngoài sinh sống tại Nhật.

○ Trung tâm quốc tế Nagoya (Tư vấn giáo dục cho trẻ em người nước ngoài)
＜http://www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/johosodan/kyoikusodan＞
Các tư vấn viên có chuyên môn sẽ tư vấn về tất cả các vấn đề liên quan đến giáo dục cho trẻ em người nước ngoài. Phụ huynh phải liên hệ qua điện thoại để hẹn trước.

○ Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Aichi
＜http://www2.aia.pref.aichi.jp/＞
Trang web cung cấp những thông tin dành cho người nước ngoài sinh sống ở tỉnh Aichi.
Trang web có các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật.

謝辞
　本冊子『小学校ガイドブック』の作成にあたり、お忙しい中、多くのご助言を賜りました愛知教育大学近隣小中学校の先生方に感謝いたします。
　『幼稚園・保育園ガイドブック』作成時に様々なご意見を頂き、今回はそれらをできるだけ多く反映し作成致しました。ご意見頂きました皆様、本当にありがとうございました。

参考文献・URL

あいち医療通訳システム運営事務局「あいち医療通訳システム」
〈http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/〉

あいち救急医療ガイド 救急医療情報センター「あいち救急医療ガイド」
〈http://www.qq.pref.aichi.jp/〉

公益財団法人　予防接種リサーチセンター「予防接種と子どもの健康」
〈http://www.yoboseshu-rc.com/〉

文部科学省ホームページ
〈http://www.mext.go.jp/〉

豊橋市教育委員会　外国人児童生徒教育資料
〈http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/〉

岩倉市日本語適応教室ホームページ
〈http://www.iwakura.ed.jp/nihongo/frame.htm〉

横浜市教育委員会「ようこそ横浜の学校へ」
〈http://www.city.yokohama.lg.jp/kyoiku/sidou1/nihongoshido-tebiki/〉

四日市市教育委員会「外国人児童生徒と保護者のための四日市市立小・中学校ガイドブック」
〈http://www5.city.yokkaichi.mie.jp/menu73781.html〉

川口直巳ほか『幼稚園・保育園ガイドブック』愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルーム
　２０１３

監　　修：川口直巳
執筆／編集：川口直巳　西山幸子　鈴木絵莉　山下絵美　遊佐美和子　夏目礼子
五反田智美　藤井雛　平茜　母倉幸歩　吉川絵梨香

翻 訳 協 力：グエン　ミン　フォン

イ ラ ス ト：松村恵美　平茜
協　　力：山田孝
印　刷　者：株式会社コームラ
発　行　所：愛知教育大学　外国人児童生徒支援リソースルーム

問い合わせ：愛知教育大学　外国人児童生徒支援リソースルーム
〒448-8542　愛知県刈谷市井ヶ谷町広沢１
TEL：0566-26-2219　FAX：0566-26-2566
e-mail：gendaigp@auecc.aichi-edu.ac.jp

小学校ガイドブック

～ベトナム語版～

平成 31 年 3 月　初版発行

監　修：川口　直巳

編集・発行：愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルーム

〒448-8542　愛知県刈谷市井ヶ谷町広沢 1

TEL:0566-26-2219　FAX:0566-26-2566

印刷所：株式会社コームラ

本書の全部または一部の営利目的による無断複写・転写を禁じます。

HATO
プロジェクト